

Số: 432/2025/CBTT-TVSI

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, SGDCK VIỆT NAM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

- **Tên công ty chứng khoán:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
- **Mã chứng khoán (nếu có):** (Không)
- **Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 17 tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- **Điện thoại:** 024 3728 0921 **Fax:** 024 3728 0920 **Email:** contact@tvs.com.vn
- **Người thực hiện công bố thông tin:** Nguyễn Bích Vân
- **Fax:** 024 3728 0920
- **Loại thông tin công bố:** ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ
- **Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt.

Thông tin chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/04/2025 tại đường dẫn: <https://www.tvs.com.vn/annual-report.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ
Nguyễn Bích Vân



ĐỒNG TÂM VỮNG BƯỚC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TVSI 2024

MỤC LỤC

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/TỔNG GIÁM ĐỐC

I - TỔNG QUAN TVSI

1. Thông tin cơ bản
2. Ngành nghề kinh doanh
3. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
4. Cơ cấu cổ đông
5. Mô hình tổ chức & Nhân sự chủ chốt
6. Chặng đường phát triển
7. Giải thưởng - Thành tựu

II - MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1. Bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam 2024
2. Thị trường chứng khoán thế giới và Việt Nam 2024
3. Triển vọng kinh tế chứng khoán Việt Nam 2025
4. Triển vọng TVSI

III - HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TVSI

1. Các chỉ tiêu Tài chính
2. Chứng khoán Cơ sở
3. Dịch vụ Chứng khoán
4. Dịch vụ Tài chính
5. Kinh doanh Trái phiếu
6. Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

IV - HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VẬN HÀNH

1. Nghiên cứu & Phát triển Sản phẩm
2. Phân tích & Tư vấn Đầu tư
3. Công nghệ Thông tin
4. Phát triển Nhân lực

V - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị
2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát
1. Báo cáo hoạt động Quản trị rủi ro

VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

3. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
4. Báo cáo Kiểm toán độc lập
5. Báo cáo tình hình tài chính
6. Báo cáo kết quả hoạt động
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
8. Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu
9. Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Đối tác, Quý Nhà đầu tư và toàn thể CBNV TVSI!

Chúng ta đã kết thúc năm 2024, với bức tranh thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nói lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

Nền kinh tế Việt Nam đã chứng minh được sức mạnh linh hoạt trong việc vượt qua thách thức, duy trì sự tăng trưởng ổn định nhờ vào các chính sách kịp thời và sự phục hồi mạnh mẽ của các ngành trọng yếu. Chính điều này đã giúp thị trường vốn, đặc biệt là thị trường chứng khoán, dần phục hồi và mở ra những cơ hội đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư.

Trước những thay đổi của thị trường, các công ty chứng khoán nói chung và TVSI nói riêng đã không ngừng nỗ lực vượt qua thách thức, chủ động điều chỉnh chiến lược và nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần duy trì sự ổn định và thúc đẩy sự phát triển bền vững của công ty.

Bước vào năm 2025, TVSI lấy phương châm "**Đồng Tâm Vững Bước**" trở thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động kinh doanh phát triển của Công ty. Trong đó sự đoàn kết, tự tin và kiên định là chìa khóa để mở ra những cơ hội mới, đồng thời vượt qua mọi thử thách. TVSI xác định mục tiêu trong năm 2025 tiếp tục phát triển bền vững, tập trung vào việc củng cố nội lực, tối ưu hóa các nguồn lực để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

1. **Mảng kinh doanh chứng khoán cơ sở:** Giữ vững duy trì sự ổn định với nhà đầu tư hiện hữu đồng thời khai thác tối đa các cơ hội thu hút nhà đầu tư mới. Đây là một yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển chung của Công ty. Với mục tiêu tập trung thúc đẩy tăng trưởng dư nợ, TVSI phát triển các gói sản phẩm tài chính đa dạng và tối ưu hóa chính sách lãi suất, nhằm đáp ứng một cách chuyên biệt và hiệu quả nhu cầu của từng nhóm nhà đầu tư.
2. **Mảng kinh doanh trái phiếu:** Tiến hành theo dõi chặt chẽ các TCPH để đảm bảo quá trình mua lại trái phiếu được thực hiện đúng tiến độ và hoàn toàn tuân thủ các nghị quyết đã được thông qua. Đồng thời, tiếp tục triển khai và hoàn thiện hệ thống trái phiếu riêng lẻ đảm bảo sự minh bạch và ổn định trong các giao dịch trái phiếu, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và mục tiêu tài chính đã đề ra.
3. **Tối ưu hóa, đổi mới dịch vụ và nâng cao chất lượng sản phẩm:** Cải tiến hệ thống giao dịch và phát triển công cụ phân tích tự động bằng AI, giúp nhà đầu tư tiếp cận thông tin và dự báo thị trường nhanh chóng. TVSI chú trọng sáng tạo các ứng dụng số tự động dễ sử dụng, hỗ trợ giao dịch, quản lý tài sản và theo dõi danh mục đầu tư. Tích hợp công cụ hỗ trợ đầu tư, cải thiện giao diện và kênh hỗ trợ khách hàng trực tuyến, nâng cao tiện ích và trải nghiệm khách hàng, đồng thời tăng cường quản trị rủi ro và hệ thống, tối ưu hóa lợi ích cho nhà đầu tư.
4. **Phát triển văn hóa doanh nghiệp bền vững:** Môi trường làm việc tại TVSI được xây dựng trên nền tảng tích cực, tôn trọng và minh bạch, với mục tiêu khuyến khích sáng tạo và đổi mới. Đây là không gian lý tưởng để mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực và phát triển nghề nghiệp. Các hoạt động gắn kết nội bộ giúp tăng cường sự đoàn kết, tạo động lực làm việc, gắn kết và xây dựng môi trường làm việc: Trẻ trung – Sáng tạo – Đoàn kết.
5. **Xây dựng đội ngũ nhân sự ưu tú:** Đặt trọng tâm vào công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nâng cao năng lực ngày càng vững chắc cho nhân sự. Đồng thời có những chính sách thu hút nguồn nhân lực trẻ, giàu nhiệt huyết và kinh nghiệm.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ, tín nhiệm của Quý Cổ đông; sự hợp tác tích cực của Quý Nhà đầu tư và Đối tác cùng mang đến giá trị thiết thực và tốt đẹp. Tôi cũng xin dành lời tri ân sâu sắc tới tập thể cán bộ nhân viên trong Công ty, những người luôn tận tâm, cống hiến hết mình và góp phần xây dựng vào những thành tích mà TVSI đạt được.

Kính chúc Quý vị một năm mới trọn vẹn ý nghĩa, luôn bình an, giàu sức khỏe và thành công rực rỡ. Hãy cùng TVSI tiếp tục vững bước trên hành trình chinh phục những mục tiêu lớn trong năm 2025.

Trân trọng cảm ơn!



CT.HĐQT/TGĐ

Trần Thị Cẩm Hạnh



PHẦN I – TỔNG QUAN TVSI

1. Thông tin cơ bản
2. Ngành nghề kinh doanh
3. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
4. Cơ cấu cổ đông
5. Mô hình tổ chức và Nhân sự chủ chốt
6. Chặng đường phát triển
7. Giải thưởng – Thành tựu

*Trải qua 18 năm khởi nguồn và lan tỏa giá trị - TVSI đã và đang Đồng tâm
Vững bước trên hành trình phát triển, viết nên những dấu ấn đáng tự hào.*

TỔNG QUAN TVSI

1. THÔNG TIN CƠ BẢN

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**
- Thành lập ngày: 28/12/2006
- Vốn điều lệ: 2.639.000.000.000 đồng (*Hai nghìn sáu trăm ba mươi chín tỷ đồng*)
- Địa chỉ: Tầng 17, tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24 3728 0921 | Fax: (84) 24 3728 0920
- Email: contact@tvs.com.vn | Website: www.tvs.com.vn

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- **Môi giới chứng khoán:** TVSI cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới chứng khoán cơ sở, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Các sản phẩm dịch vụ tài chính: Giao dịch ký quỹ (margin),... Sản phẩm dịch vụ giao dịch điện tử (iTrade, TVSI Mobile), TTDVKH. TVSI cũng là đơn vị cung cấp dịch vụ đấu giá trực tiếp hoặc đại lý đấu giá của các Sở giao dịch chứng khoán.
- **Lưu ký chứng khoán:** TVSI nhận lưu giữ, bảo quản chứng khoán và trợ giúp nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các quyền của mình đối với chứng khoán mà nhà đầu tư đang sở hữu như: Quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu thưởng, quyền chia tách hoặc gộp cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, quyền biểu quyết tại đại hội cổ đông, quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi...
- **Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán:** Bằng sự chuyên nghiệp và tận tâm, TVSI cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho mọi cá nhân & tổ chức, nhà đầu tư trong nước & nước ngoài.
- **Bảo lãnh phát hành chứng khoán:** Với năng lực tài chính vững vàng, đội ngũ tư vấn giàu kinh nghiệm, quy trình tư vấn chặt chẽ, được hoàn thiện liên tục, và mối quan hệ sâu rộng với các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức có uy tín, TVSI giúp khách hàng phân phối chứng khoán thành công và nhanh chóng ra công chúng hoặc cho đối tác.
- **Dịch vụ ngân hàng đầu tư:** TVSI cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn về thị trường vốn như: Tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp... Cùng với đó là các dịch vụ tư vấn về thị trường nợ: Tư vấn phát hành và phân phối trái phiếu; đại lý phát hành và kinh doanh trái phiếu; tư vấn mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A),...
- **Đầu tư & kinh doanh nguồn vốn:** Với triết lý kinh doanh an toàn và hiệu quả, TVSI tuân thủ pháp luật, đảm bảo không xung đột với lợi ích của khách hàng. Danh mục đầu tư của TVSI đa dạng và được chọn lọc với các tiêu chí rõ ràng, trong đó chúng tôi ưu tiên tới cổ phiếu/ trái phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành, có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả hoạt động cao và quản trị minh bạch.

3. TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tâm nhìn

Trở thành định chế tài chính trung gian hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán trong nước và tại khu vực.

Sứ mệnh

Mang lại những giá trị vượt trội cho cổ đông, đối tác và khách hàng dựa trên việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính chứng khoán đa dạng, hiệu quả; đồng thời kiến tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp.

Giá trị cốt lõi

Đổi mới, sáng tạo: Tích cực tiếp thu phản hồi, chủ động thay đổi linh hoạt để nâng tầm dịch vụ, thương hiệu.

Trung thực, minh bạch: Từ quan điểm tới hành động, lãnh đạo làm gương, nhân viên tuân thủ, đề cao đạo đức nghề nghiệp, xứng đáng với niềm tin của khách hàng, cổ đông.

Tự chủ, phân quyền: Cá nhân làm chủ công việc phù hợp với phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm vì mục tiêu hiệu năng, hiệu quả.

Dân chủ, tôn trọng: Mỗi ý kiến, quan điểm dù là khác biệt đều có cơ hội được thẳng thắn trao đổi, lắng nghe và ghi nhận với sự tôn trọng.

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG - THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ VÀ CHỦ SỞ HỮU

Tại thời điểm 31/12/2024, cơ cấu cổ đông TVSI như sau:

Cổ phần:

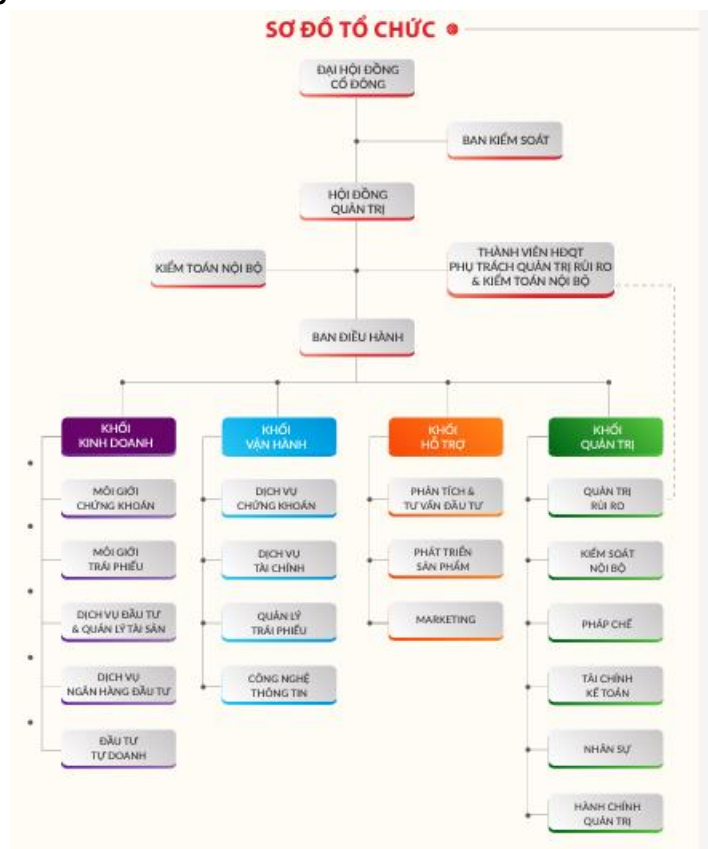
Tổng số cổ phần	263.900.000 CP
Loại cổ phần đang lưu hành	CP phổ thông
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	263.900.000 CP
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu	Không có

Cơ cấu cổ đông:

- Theo tỷ lệ sở hữu:
 - + Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên): 10 cổ đông, chiếm tỷ lệ 91,54%;
 - + Cổ đông khác: 84 cổ đông, chiếm tỷ lệ 8,46%.
 - Theo loại đối tượng:
 - + Cổ đông tổ chức: 04 Cổ đông, chiếm tỷ lệ 38,15%;
 - + Cổ đông cá nhân: 90 Cổ đông, chiếm tỷ lệ 61,85%;
- Ghi chú: TVSI hiện không có cổ đông Nhà nước.*

5. CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

a. Sơ đồ tổ chức



b. Nhân sự chủ chốt – Ban Điều hành

Bà TRẦN THỊ CẨM HẠNH – Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng giám đốc



Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Viện Quản trị kinh doanh FSB, Đại học FPT
Cử nhân Ngoại giao – Học viện Ngoại giao

- 2024: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc - CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2023: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Môi giới khách hàng cá nhân - CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2021: Giám đốc Môi giới khách hàng cá nhân - CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2018: Giám đốc Môi giới - CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2016: Trợ lý Phó tổng giám đốc - CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2012: Trưởng phòng Môi giới và Phát triển sản phẩm - CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2010: Phó phòng Môi giới và Phát triển sản phẩm - CTCP Chứng khoán Tân Việt

Bà BÙI THỊ THANH HIỀN – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc



Cử nhân Kế toán kiểm toán – Đại học Kinh tế Quốc dân
Cử nhân Luật kinh tế – Đại học Luật Hà Nội

- 2019: Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2019: Phó tổng giám đốc – CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2017: Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2017: Trưởng phòng Kế toán – CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2013: Phó phòng Kế toán – CTCP Chứng khoán Tân Việt

Bà PHẠM THỊ LAN NGỌC – Giám đốc Kinh doanh trái phiếu



Cử nhân Tài chính ngân hàng – Học viện Tài chính

- 2021: Giám đốc Kinh doanh trái phiếu - CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2019: Trưởng phòng Kinh doanh trái phiếu - CTCP Chứng khoán Tân Việt
- 2017: Trưởng phòng Kinh doanh nguồn vốn - CTCP Tập đoàn Quản lý quỹ Trí Việt
- 2014: Phó phòng Nguồn vốn CTCP Chứng khoán SHS
- 2009: Tổ trưởng Tổ phê duyệt tín dụng thẻ Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

BÀ NGUYỄN BÍCH VÂN – Giám đốc Nhân sự



Thạc sĩ Quản trị kinh doanh ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia HN
Cử nhân Ngoại ngữ (tiếng Anh) - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

2021: Giám đốc Nhân sự - CTCP Chứng khoán Tân Việt
2018: Trưởng phòng Nhân sự - CTCP Chứng khoán Tân Việt
2012: Giám đốc điều hành - CTCP Chứng khoán Trí Việt
2010: Phó ban Chính sách và Quản lý nhân sự - Tập đoàn
2002: VinGroup Trưởng phòng Nhân sự - Tập đoàn tài chính
IGS (Mỹ) – VPDD Việt Nam

BÀ PHÍ THỊ BÍCH NGỌC – Kế toán trưởng



Cử nhân Kế toán – Học viện Tài chính

2023: Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Tân Việt
2016: Kế toán tổng hợp – CTCP Chứng khoán Tân Việt
2010: CV kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu
2008: Kiểm toán viên - Công ty TNHH Kiểm toán VACO

6. CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

2006	- Thành lập TVSI
2007	- Thành viên chính thức của HOSE, HNX - Thành lập Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh - Triển khai Core giao dịch chứng khoán của nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam
2008	- Tăng vốn điều lệ lên 128 tỷ đồng - Cung cấp hệ thống phần mềm giao dịch trực tuyến iTrade-Home
2009	- Tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng - Thành lập các Chi nhánh Hải Phòng, Đà Nẵng - Vận hành Trung tâm Dịch vụ Khách hàng 1900 1885
2010	- Thành lập Chi nhánh Quy Nhơn - Ra mắt phiên bản Website & iTrade 2010
2011	- Thành lập Chi nhánh Mỹ Đình - Là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên đáp ứng các yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để triển khai Giao dịch ký quỹ và vận hành hệ thống phần mềm quản lý hoàn toàn tự động - Triển khai tiện ích iPayment kết nối trực tiếp Vietcombank
2012	- Ra mắt phần mềm giao dịch trực tuyến trên thiết bị di động iTrade Mobile
2013	- Chuyển trụ sở về số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội - TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần cao nhất HNX quý 3/2013
2014	- Phát hành thành công 188,5 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ TVSI - Thành viên lập quỹ ETF VFMVN30 nội đầu tiên của Việt Nam - TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần cao nhất HNX quý 3/2014
2015	- Phát hành thành công 232 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp TVSI
2016	- TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cao nhất HNX 2016
2017	- Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng - Phát hành thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp TVSI với giá trị trên 400 tỷ đồng - Dịch vụ tài khoản đầu tư gián tiếp cho khách hàng nước ngoài qua BIDV@Securities
2018	- Tăng vốn điều lệ lên 1,080 tỷ đồng - Phát hành thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp TVSI với giá trị 290 tỷ đồng
2019	- Dẫn đầu thị phần UPCoM quý 3/2019 - Thành lập Chi nhánh Ngọc Khánh - Phát triển nghiệp vụ mới: Kinh doanh trái phiếu, Quản lý trái phiếu
2020	- Thành lập Chi nhánh Hà Thành
2021	- Hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 2.639 tỷ đồng - TOP3 thị phần môi giới trái phiếu sàn HOSE năm 2021
2022	- Phát triển các nền tảng giao dịch với các tính năng ưu việt TVSI iTrade, TVSI Mobile, - Cơ cấu lại mạng lưới chi nhánh/PGD tại Hà Nội
2023	- Đẩy mạnh tái cấu trúc, ổn định hoạt động kinh doanh
2024	- Chuyển trụ sở về địa chỉ mới 9 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội - Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh

7. GIẢI THƯỞNG VÀ THÀNH TỰU

2022	 	Top 10 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2022 (FAST500) TOP 100 Doanh nghiệp tư nhân đạt lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500) TOP 350 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022 – VBE500
2021	 	Nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư sáng tạo nhất - Việt Nam 2020 Do tạp chí Kinh tế toàn cầu – The Global Economics vinh danh Công ty chứng khoán tiêu biểu của năm 2020 Do tạp chí Ngân hàng và Tài chính Châu Á – The Asian Banking and Finance ghi nhận Thăng hạng lên vị trí 28 trong Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2021 (FAST500) Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2021 (VNR500) (vị trí 375)
2020	 	Công ty Chứng khoán quản trị doanh nghiệp hiệu quả nhất Việt Nam do tạp chí Tạp chí Tài chính Quốc tế - IFM trao tặng Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu năm 2020 của HNX
2019	 	TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2009 và 2019 Công ty Chứng khoán thành viên tích cực năm 2019 của HNX
2018		Công ty phát triển mạng lưới môi giới nhanh nhất Việt Nam 2018 do tạp chí Global Banking & Finance Review (UK) trao tặng
2017		Sản phẩm giao dịch ký quỹ Chứng khoán tốt nhất Việt Nam do tạp chí Global Banking & Finance Review (UK) trao tặng

2016		Hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến tốt nhất Việt Nam năm 2016 do tạp chí International Finance Magazine Anh Quốc bình chọn và trao tặng
2010		Giải thưởng “TIN VÀ DÙNG” năm 2009, 2010 cho sản phẩm “Giao dịch trực tuyến”
2010		Thương hiệu chứng khoán uy tín 2010

PHẦN II - MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1. Bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam 2024
2. Thị trường chứng khoán thế giới và Việt Nam 2024
3. Triển vọng kinh tế chứng khoán Việt Nam 2025
4. Triển vọng TVSI

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu nhiều biến động, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đứng trước cơ hội tăng trưởng nhờ nội lực vững chắc và những cải cách mạnh mẽ. TVSI sẵn sàng thích ứng và phát triển bền vững.

I - Bối cảnh kinh tế thế giới:

Năm 2024, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều biến động và thách thức. Xung đột địa chính trị leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn ngày càng gay gắt, chính sách bảo hộ thương mại gia tăng, nợ công và thâm hụt ngân sách ở nhiều quốc gia tiếp tục mở rộng. Những yếu tố này cùng với sự gián đoạn cục bộ của chuỗi cung ứng toàn cầu đã ảnh hưởng đáng kể đến tăng trưởng và ổn định kinh tế thế giới.

Bên cạnh đó, thiên tai và thời tiết cực đoan tiếp tục gây tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, một số tín hiệu tích cực đã xuất hiện: sự phục hồi của thương mại hàng hóa toàn cầu, áp lực lạm phát dần giảm bớt, điều kiện thị trường tài chính được cải thiện và thị trường lao động duy trì ổn định.

1. Kinh tế Mỹ tăng trưởng ổn định

Trong năm 2024, GDP của Mỹ tăng 2,8%, thấp hơn mức 2,9% của năm trước, song cao hơn đáng kể so với mức 1,8% – ngưỡng tăng trưởng mà Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) xác định là không gây áp lực lạm phát. Mỹ tiếp tục là nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng hàng đầu trong nhóm G7. Tuy nhiên, nợ công của Mỹ tiếp tục tăng nhanh và hiện đã cao gấp hơn hai lần so với quốc gia có mức nợ lớn thứ hai là Trung Quốc, đặt ra thách thức đối với ổn định tài chính dài hạn.

2. Kinh tế Eurozone tăng trưởng chậm

Kinh tế Eurozone tăng trưởng 0,7% trong năm 2024, vượt mức 0,4% của năm trước nhưng vẫn thấp hơn so với Mỹ và Trung Quốc. Dự báo, khu vực này sẽ phục hồi dần trong năm 2025 và đạt mức tăng trưởng ổn định vào năm 2026 khi không còn phụ thuộc vào các gói kích thích kinh tế và lạm phát được kiểm soát.

Tình trạng tăng trưởng chậm chủ yếu do sự bất ổn chính trị: Pháp thiếu một chính phủ ổn định từ sau cuộc bầu cử giữa năm 2023, trong khi Đức đang chuẩn bị cho cuộc bầu cử sớm vào tháng 2/2025 sau sự sụp đổ của liên minh cầm quyền. Kết quả là GDP của cả Pháp và Đức – hai đầu tàu kinh tế của khu vực – đều suy giảm mạnh trong năm qua, với Đức ghi nhận hai năm liên tiếp tăng trưởng âm. Khoảng cách giữa EU và các nền kinh tế lớn khác ngày càng nới rộng, đặt ra thách thức cho châu Âu trong những năm tới.

3. Kinh tế Trung Quốc đạt mục tiêu tăng trưởng

GDP Trung Quốc tăng 5% trong năm 2024, cao hơn mức dự báo 4,9% và phù hợp với mục tiêu của chính phủ. Sự ổn định này chủ yếu nhờ các chính sách kích thích kinh tế được triển khai từ tháng 9/2024. Tuy nhiên, rủi ro từ căng thẳng thương mại với Mỹ và sức cầu trong nước yếu vẫn là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng trong năm 2025.

4. Lạm phát toàn cầu giảm dần

Xu hướng lạm phát toàn cầu tiếp tục hạ nhiệt, với mức trung bình dự báo giảm từ 6,7% năm 2023 xuống 5,8% năm 2024 và 4,3% vào năm 2025. Tốc độ giảm nhanh hơn ở các nền kinh tế phát triển, với mức lạm phát có thể ổn định quanh 2% vào năm 2025, trong khi các thị trường mới nổi và nền kinh tế đang phát triển dự kiến vẫn duy trì mức lạm phát cao hơn.

Tại khu vực châu Á mới nổi, lạm phát duy trì ở mức thấp, khoảng 2,1% năm 2024 và 2,7% năm 2025, nhờ chính sách tiền tệ linh hoạt và kiểm soát giá hiệu quả. Ngược lại, một số khu vực như châu Âu mới nổi, Trung Đông - Bắc Phi và châu Phi cận Sahara vẫn có tỷ lệ lạm phát ở mức hai chữ số.

Sự giảm dần của lạm phát toàn cầu năm 2024 - 2025 chủ yếu đến từ lạm phát cơ bản giảm, thay vì chỉ nhờ giá năng lượng hạ nhiệt như năm 2023. Các yếu tố hỗ trợ xu hướng này bao gồm tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt, cùng với việc giảm dần các tác động từ biến động giá trước đó. Hầu hết các nền kinh tế phát triển dự kiến sẽ đưa lạm phát về mức mục tiêu vào năm 2025.

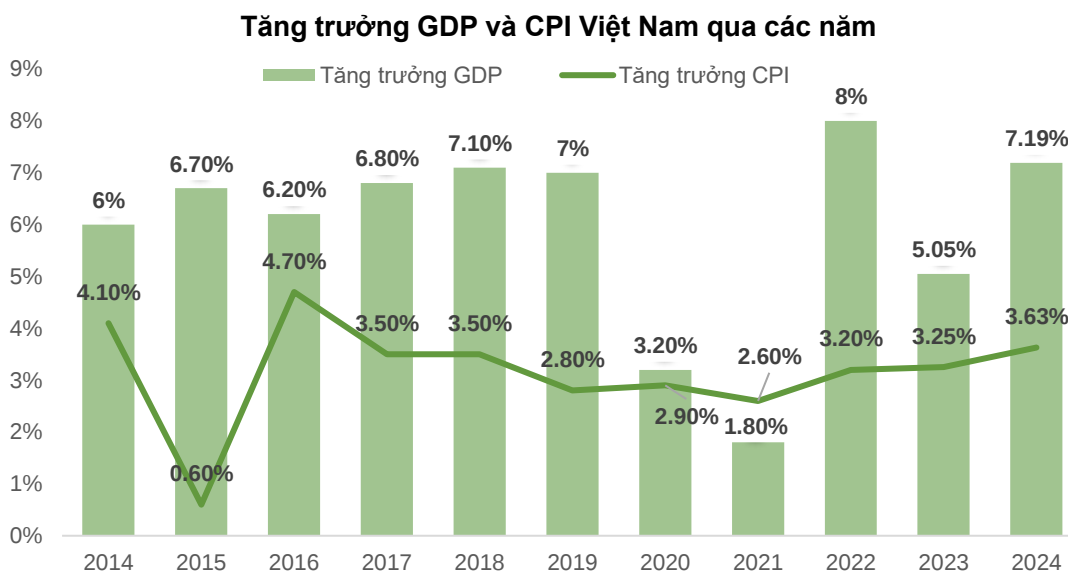
II - Bối cảnh kinh tế Việt Nam 2024:

1. Tăng trưởng GDP

Năm 2024, quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt **11.511,9** nghìn tỷ đồng (tương đương 476,3 tỷ USD), trong khi GDP bình quân đầu người đạt **4.700 USD**, tăng **377 USD** so với năm trước. Năng suất lao động theo giá hiện hành đạt **221,9** triệu đồng/lao động (9.182 USD/lao động), tăng **726 USD** so với năm 2023, phản ánh sự cải thiện về trình độ lao động, với tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ ước đạt **28,3%**.

GDP năm 2024 ước tính tăng **7,19%**, mức tăng cao trong giai đoạn 2011-2024, chỉ đứng sau các năm 2018, 2019 và 2022. Trong mức tăng trưởng chung, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng **3,27%**, đóng góp **5,37%** vào GDP; công nghiệp và xây dựng tăng **8,24%**, đóng góp **45,17%**; dịch vụ tăng **7,38%**, đóng góp **49,46%**.

- **Nông, lâm nghiệp và thủy sản** đạt mức tăng trưởng tích cực dù chịu ảnh hưởng từ thiên tai. Ngành nông nghiệp tăng **2,94%**, ngành lâm nghiệp tăng **5,03%**, trong khi thủy sản tăng **4,03%**.
- **Công nghiệp và xây dựng** ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ, với ngành công nghiệp tăng **8,32%**, chỉ thấp hơn mức tăng của năm 2022. Đặc biệt, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng **9,83%**, trong khi ngành sản xuất và phân phối điện tăng **10,05%**. Tuy nhiên, ngành khai khoáng tiếp tục suy giảm **7,24%**. Ngành xây dựng duy trì mức tăng **7,87%**.
- **Dịch vụ** tiếp tục là động lực tăng trưởng với các ngành chủ chốt: bán buôn và bán lẻ tăng **7,96%**, vận tải và kho bãi tăng **10,82%**, tài chính - ngân hàng tăng **7,11%**, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng **9,76%**.



Về cơ cấu kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm **11,86%**, công nghiệp và xây dựng chiếm **37,64%**, **dịch vụ** chiếm **42,36%**, còn lại là thuế sản phẩm trừ trợ cấp (**8,14%**). Về sử dụng GDP, tiêu dùng cuối cùng tăng **6,57%**, tích lũy tài sản tăng **7,20%**, trong khi xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng **15,45%** và nhập khẩu tăng **16,10%**.

2. Lạm phát và CPI

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2024 tăng **3,63%** so với năm trước, nằm trong mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ. Mức tăng này chủ yếu do:

- Giá gạo tăng theo thị trường xuất khẩu và ảnh hưởng từ thiên tai, nhu cầu tiêu dùng cao vào các dịp lễ, Tết.
- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng giá.
- Giá dịch vụ y tế và bảo hiểm y tế điều chỉnh theo mức lương cơ sở.

Tuy nhiên, áp lực lạm phát đã giảm nhờ sự hạ nhiệt của lạm phát toàn cầu, giúp Việt Nam kiểm soát tốt chi phí nhập khẩu và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô.

3. Hoạt động của doanh nghiệp

Năm 2024, cả nước có hơn **157,2 nghìn doanh nghiệp** đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký **1.547,0 nghìn tỷ đồng** và gần **1.001,5 nghìn lao động**. So với năm trước, số doanh nghiệp giảm **1,4%**, vốn đăng ký giảm **1,8%**, và số lao động giảm **5,4%**. Trong 17 ngành kinh tế, có **6 ngành** ghi nhận số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Đáng chú ý, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2024 đạt mức cao kỷ lục với gần **76,2 nghìn doanh nghiệp**, phản ánh nỗ lực phục hồi của nền kinh tế và sự cải thiện trong môi trường kinh doanh.

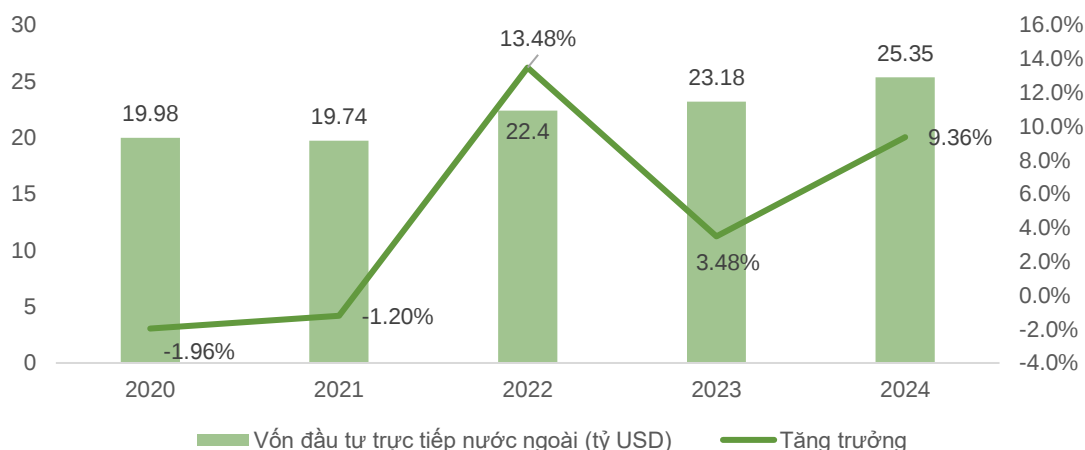
4. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Năm 2024, Việt Nam tiếp tục thu hút mạnh mẽ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Vốn FDI thực hiện ước đạt gần **25,35 tỷ USD**, tăng **9,3%** so với năm trước, xác lập mức cao kỷ lục. Tổng vốn đăng ký, bao gồm cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, đạt hơn **38,2 tỷ USD**, tăng **4,45%**.

Có **114** quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam trong năm 2024. Trong đó:

- **Singapore** dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần **10,21 tỷ USD**, chiếm 26,7%, tăng 31,4% so với năm 2023.
- **Hàn Quốc** xếp thứ hai với **7,06 tỷ USD**, chiếm 18,5%, tăng 37,5%.
- **Trung Quốc** đạt **2,84 tỷ USD**, chiếm 14,4%.
- **Hồng Kông** (Trung Quốc) đầu tư **2,17 tỷ USD**, chiếm 11,0%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 5 năm qua



5. Kim ngạch xuất nhập khẩu

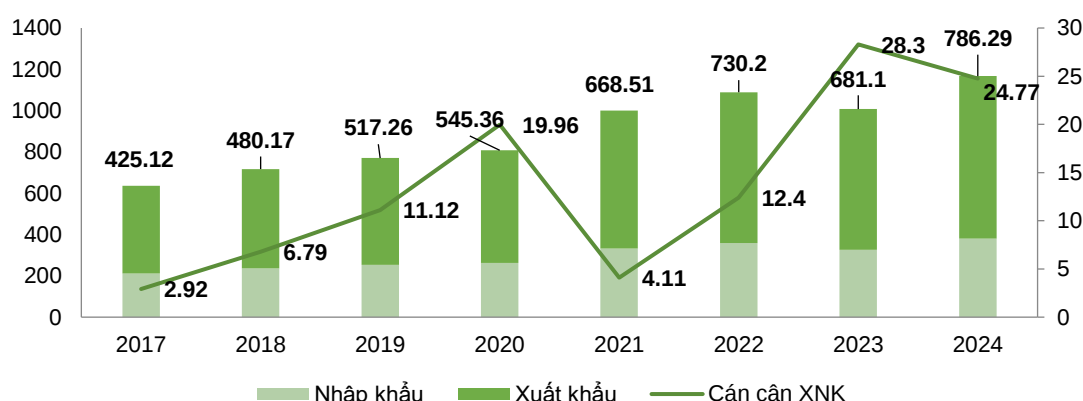
Hoạt động xuất nhập khẩu năm 2024 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ, phản ánh khả năng phục hồi và thích ứng của nền kinh tế trước bối cảnh toàn cầu biến động. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt **786,29 tỷ USD**, tăng **15,4%** so với năm trước. Trong đó:

- **Xuất khẩu** đạt **405,53 tỷ USD**, tăng **14,3%**.
- **Nhập khẩu** đạt **380,76 tỷ USD**, tăng **16,7%**.
- **Xuất siêu** đạt **24,77 tỷ USD** (giảm so với mức 28,4 tỷ USD của năm 2023), đánh dấu năm thứ 9 liên tiếp Việt Nam duy trì thặng dư thương mại.

Cơ cấu xuất nhập khẩu

- **Xuất khẩu:** Khu vực kinh tế trong nước đạt **114,59 tỷ USD (+19,8%)**, chiếm **28,3%**; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt **290,94 tỷ USD (+12,3%)**, chiếm **71,7%**. Có 37 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó 8 mặt hàng trên 10 tỷ USD.
- **Nhập khẩu:** Khu vực kinh tế trong nước đạt **140,11 tỷ USD (+19,5%)**; khu vực FDI đạt **240,65 tỷ USD (+15,1%)**. Có 46 mặt hàng nhập khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó 6 mặt hàng trên 10 tỷ USD, chủ yếu là nguyên liệu và thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp.

Biểu đồ tổng XNK và cán cân XNK Việt Nam



Cán cân thương mại và thị trường xuất nhập khẩu

- Khu vực kinh tế trong nước nhập siêu **25,52 tỷ USD**.
- Khu vực FDI (bao gồm dầu thô) xuất siêu **50,29 tỷ USD**.

Về thị trường, Mỹ tiếp tục là đối tác xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch **134,6 tỷ USD (+21,5%)**, trong đó xuất khẩu đạt 119,6 tỷ USD (+23,3%), nhập khẩu đạt 15,0 tỷ USD (+8,8%). Trung Quốc vẫn là đối tác thương mại lớn nhất với tổng kim ngạch **204,9 tỷ USD (+19,2%)**. ASEAN đứng thứ ba với **83,9 tỷ USD (+13,7% xuất khẩu, +14,7% nhập khẩu)**.

B – TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM NĂM 2024

I - Thị trường chứng khoán thế giới 2024:

Bất chấp bất ổn chính trị và kinh tế toàn cầu, chứng khoán thế giới duy trì đà tăng mạnh trong năm 2024, với mức tăng hơn 17%. Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo, chính sách lãi suất nới lỏng và kỳ vọng cắt giảm thuế từ các ngân hàng trung ương đã thúc đẩy thị trường.

Ba chỉ số chính của Phố Wall lập đỉnh mới: Dow Jones vượt 45.000 điểm (+13%), S&P 500 trên 6.000 điểm (+23%), Nasdaq Composite vượt 20.000 điểm (+29%).

Tại châu Âu, DAX (Đức) và FTSE 100 (Anh) lần lượt tăng 18,5% và 5,69%, trong khi CAC 40 (Pháp) giảm 2,6%. Nhìn chung, thị trường châu Âu kém tích cực so với Mỹ.

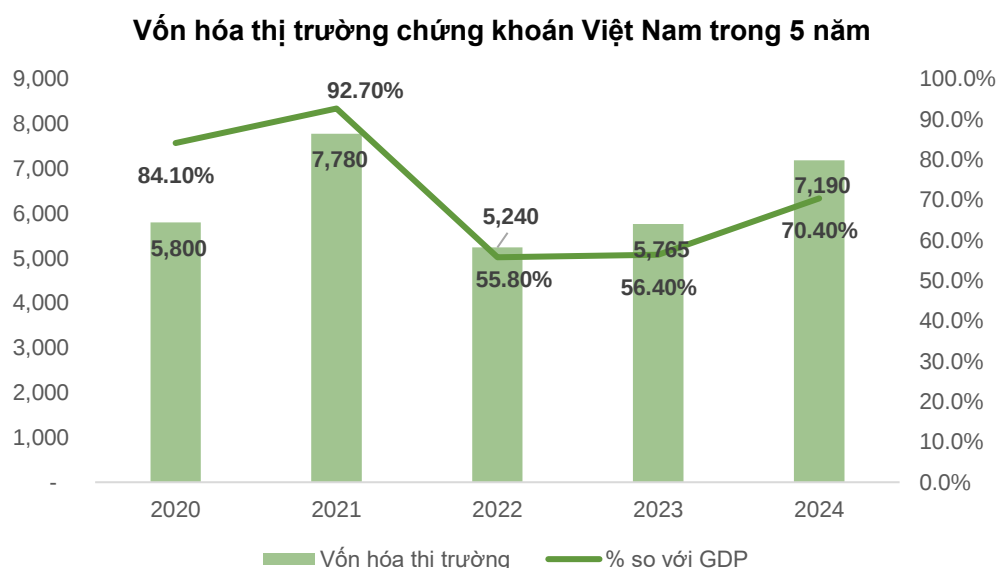
Tại châu Á, thị trường chứng khoán ghi nhận diễn biến tích cực. Chỉ số Talex (Đài Loan) tăng gần 30%, Nikkei 225 (Nhật Bản) tăng hơn 20%, STI (Singapore) tăng 17%, Sensex (Ấn Độ) tăng 8,4%. Hang Seng và Shanghai Composite của Trung Quốc tăng lần lượt 16,3% và 12,6%. Trong khi đó, KOSPI (Hàn Quốc) là chỉ số hiếm hoi ghi nhận tăng trưởng âm.

II - Thị trường chứng khoán Việt Nam 2024:

Thị trường chứng khoán Việt Nam sôi động trong quý I nhưng trở nên trầm lắng trong các quý sau. **VN-Index tăng 12,28%** so với cuối năm 2023, với đà tăng mạnh trong quý I (+13,64%) trước khi đi ngang trong biên độ 1.150 – 1.290 điểm. Nhóm viễn thông, công nghệ và công nghiệp (cảng biển, vận tải) tăng trưởng tích cực, trong khi BĐS, chứng khoán và năng lượng chịu áp lực giảm.

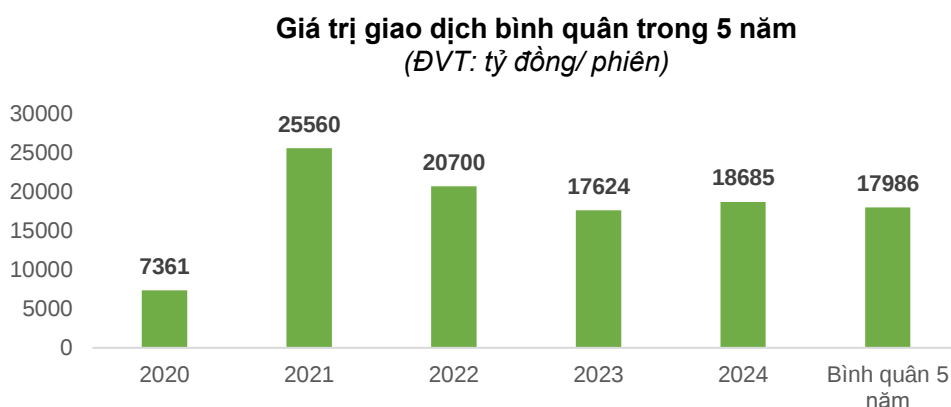
1. Quy mô vốn hóa thị trường

Tổng vốn hóa ba sàn HSX, HNX, UPCoM đạt hơn **7.190** nghìn tỷ đồng, tăng 24,72% so với năm 2023, tương đương 62,45% GDP.



2. Giá trị giao dịch bình quân 5 năm (giai đoạn 2020-2024)

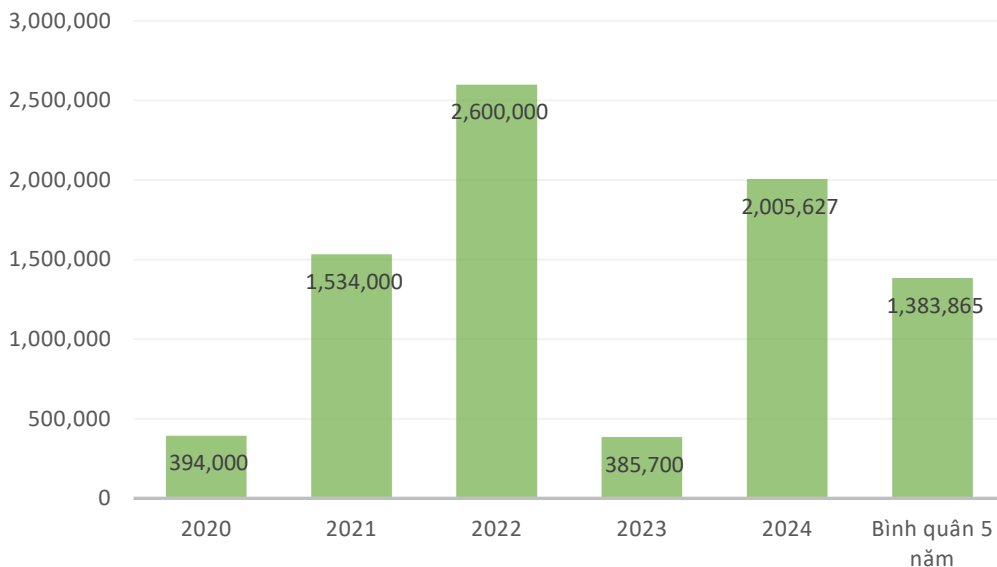
Tổng khối lượng giao dịch trên HOSE đạt hơn 195 tỷ chứng khoán, với mức bình quân 781,84 triệu chứng khoán/ngày (+0,83%). Giá trị giao dịch bình quân đạt 18.685 tỷ đồng/ngày (+22,4%). Năm 2024 cho thấy tín hiệu phục hồi với 18.685 tỷ đồng/phiên, tăng 6% so với năm 2023.



3. Số lượng tài khoản mở mới

Năm 2024, hơn **2 triệu** tài khoản chứng khoán mới được mở, gấp 5 lần năm 2023, nâng tổng số tài khoản toàn thị trường lên gần 9,3 triệu. Mục tiêu 9 triệu tài khoản vào năm 2025 đã sớm hoàn thành, hướng đến 11 triệu tài khoản vào năm 2030. Tỷ lệ tài khoản chứng khoán trên dân số đạt 9,2%.

Số tài khoản chứng khoán mở mới trong 5 năm qua

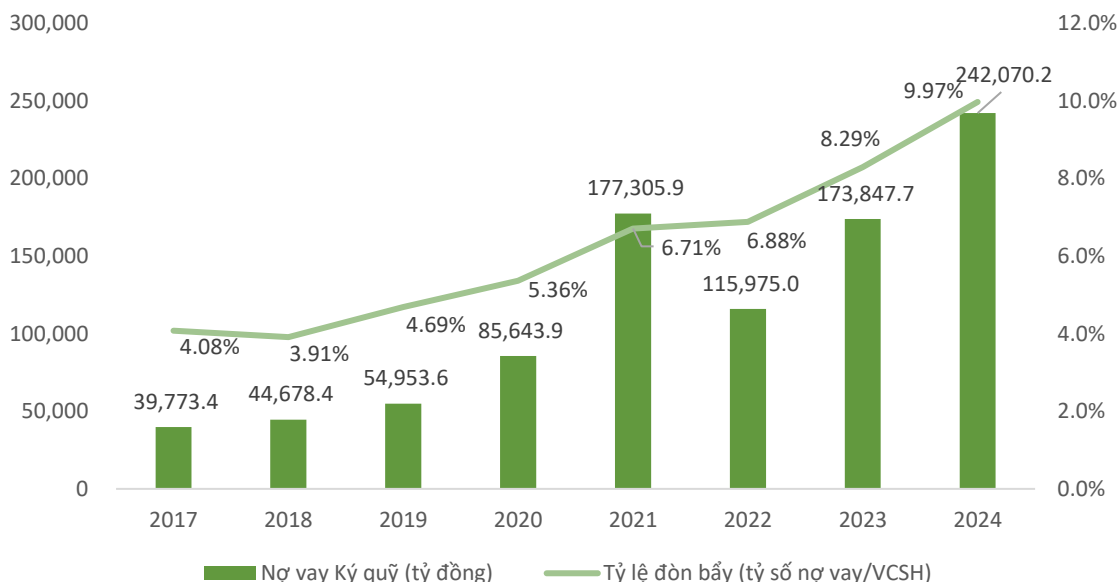


4. Quy mô dư nợ:

Nợ vay ký quỹ năm 2024 đánh dấu mức cao kỷ lục mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam khi gần chạm ngưỡng **10 tỷ USD** và cũng đạt mốc tăng trưởng cao nhất 9,97% so với cùng kỳ tính từ năm 2017.

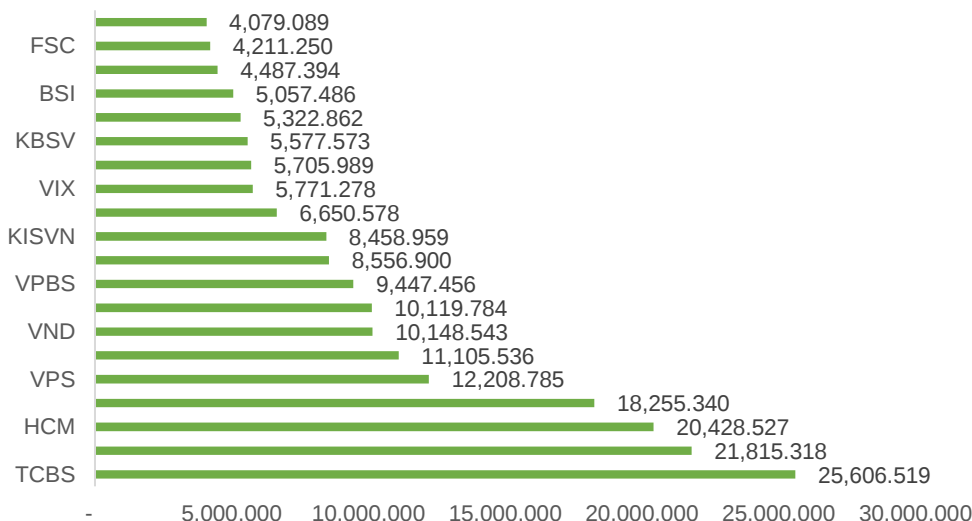
Trên thực tế, dư nợ margin tăng cao không hoàn toàn đến từ nhu cầu sử dụng đòn bẩy của nhà đầu tư cá nhân. Nhiều khả năng dư nợ tăng đến từ hoạt động vay riêng biệt của các cổ đông lớn, lãnh đạo doanh nghiệp nhằm huy động vốn khi kênh tín dụng ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp gặp khó khăn. Việc thế chấp cổ phiếu để vay vốn dễ dàng hơn nhiều so với thế chấp tài sản khác để vay ngân hàng hay phát hành trái phiếu. Điều này gián tiếp thúc đẩy xu hướng “ngân hàng hoá” các công ty chứng khoán.

Nợ vay ký quỹ và tỷ lệ đòn bẩy qua các năm



Đà tăng dư nợ cho vay tại nhóm nhà đầu tư cá nhân hiện chỉ chiếm một phần, còn lại đến từ các tổ chức và nhà đầu tư lớn trên thị trường. Một phần dòng vốn này không hoàn toàn chảy vào thị trường mà được sử dụng cho các mục đích khác - có thể là nguyên nhân khiến thanh khoản trên thị trường không diễn biến đồng pha với dư nợ margin trong năm vừa qua.

Nợ vay ký quỹ năm 2024 của top 20 công ty chứng khoán (ĐVT: Tỷ đồng)



Tổng dư nợ vay ký quỹ năm 2024 của **top 20** công ty chứng khoán đạt **242 nghìn tỷ đồng**, tăng 39,25% so với năm trước, xác lập kỷ lục mới. TCBS dẫn đầu với dư nợ vượt mốc 1 tỷ USD, tiếp theo là SSI, HCM, VPS và Mirae Asset (MAS). Đáng chú ý, KAFI lần đầu lọt vào top 20 với quy mô đáng kể.

Theo số liệu, chỉ có 5 công ty top đầu đang có hoạt động cho vay ký quỹ mạnh và hiệu quả so với toàn ngành, ghi nhận giá trị dư nợ cao hơn mức bình quân. Điều này cho thấy các công ty chứng khoán hàng đầu tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cho vay để hỗ trợ nhà đầu tư.

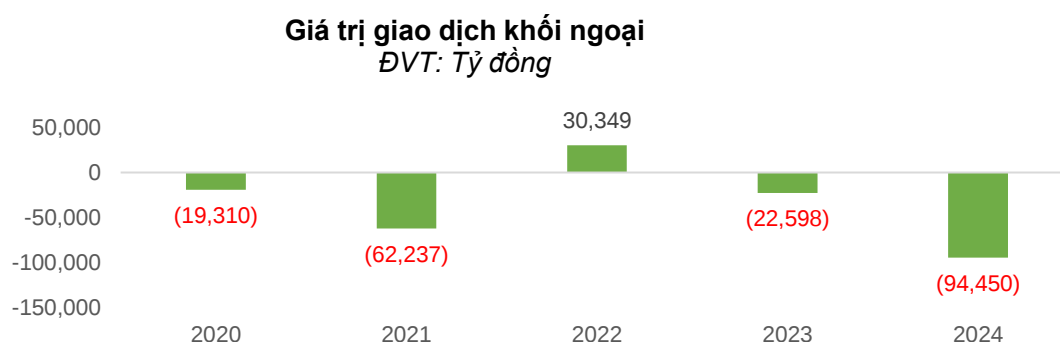
Xu hướng tăng trưởng chung trong hoạt động cho vay ký quỹ năm 2024 phản ánh nỗ lực tăng vốn và nâng cao năng lực tài chính. Tỷ lệ dư nợ margin/vốn chủ sở hữu tiệm cận 100% cho thấy sự tự tin và mức độ an toàn tài chính cao. VIS Rating đánh giá đây là tín hiệu tích cực cho khả năng tiếp tục đẩy mạnh cho vay trong năm 2025.

Top 20 công ty chứng khoán có quy mô dư nợ lớn nhất và xếp hạng quy mô so với năm 2023

Mã	Nợ vay ký quỹ 2024	Tăng trưởng so với năm 2023	Thứ hạng 2024	Thứ hạng 2023	Tăng trưởng thứ hạng so với năm 2023
TCBS	25,606.52	57.5%	1	1	0
SSI	21,815.32	48.7%	2	2	0
HCM	20,428.53	68.3%	3	4	1
MASC	18,255.34	36.2%	4	3	-1
VPS	12,208.78	9.5%	5	5	0
VCI	11,105.54	45.9%	6	8	2
VND	10,148.54	2.4%	7	6	-1
MBS	10,119.78	18.8%	8	7	-1
VPBS	9,447.45	33.3%	9	9	0
ACBS	8,556.90	91.8%	10	14	4
KISVN	8,458.96	28.9%	11	10	-1
FTS	6,650.58	48.4%	12	13	1
VIX	5,771.28	92.2%	13	19	6
VCBS	5,705.99	18.9%	14	11	-3
KBSV	5,577.57	17.2%	15	12	-3
KAFI	5,322.86	385.7%	16	20	4
BSI	5,057.49	22.0%	17	16	-1
MSVN	4,487.39	5.8%	18	15	-3
FSC	4,211.25	40.0%	19	18	-1
SHS	4,079.09	11.6%	20	17	-3

4. Giao dịch khối ngoại

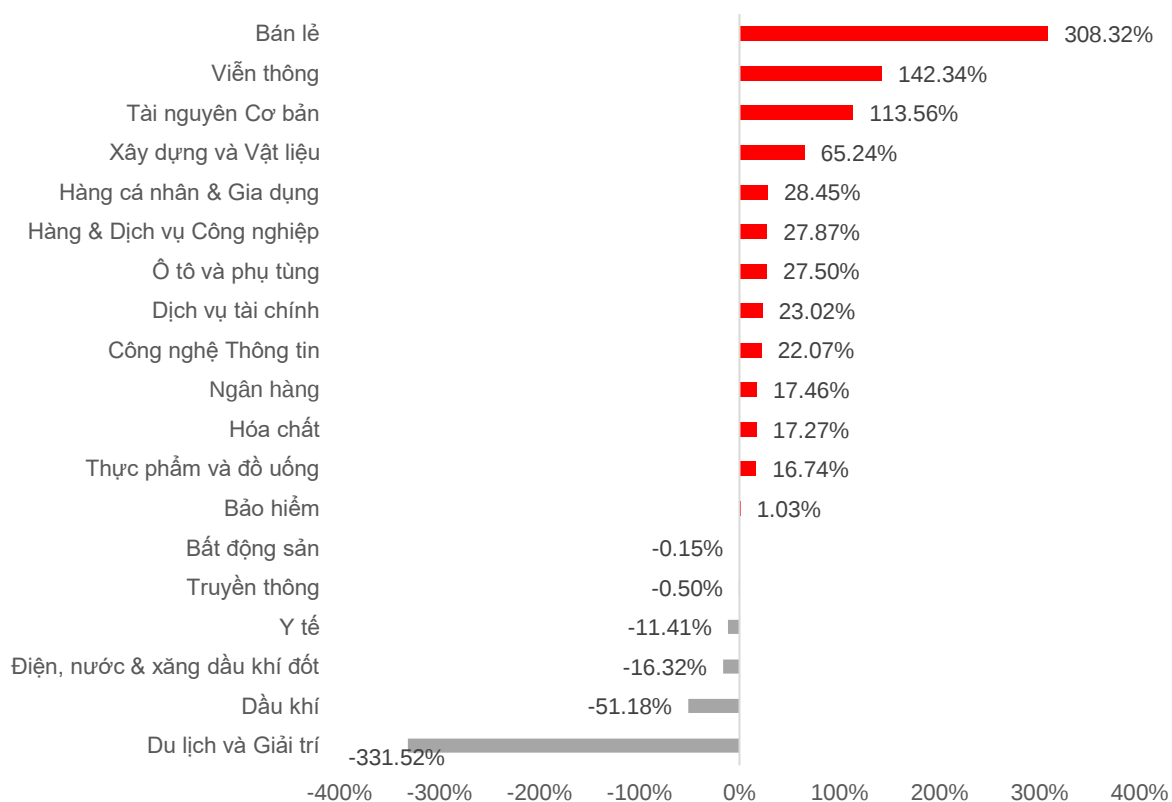
Khối ngoại bán ròng gần 94.450 tỷ đồng (~3,7 tỷ USD), vượt mức kỷ lục năm 2021 (62.000 tỷ đồng) và gấp hơn 4 lần năm 2023. Trong 5 năm qua, khối ngoại đã bán ròng tổng cộng 167.200 tỷ đồng, gần gấp đôi lượng mua ròng giai đoạn 2007 – 2019.



5. Lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết

Lũy kế cả năm 2024, lợi nhuận sau thuế toàn thị trường chứng khoán tăng khoản 20% so với cùng kỳ, với động lực chính đến từ nhóm phi tài chính, khi ghi nhận tăng trưởng 21,86%; trong khi nhóm tài chính tăng trưởng khiêm tốn hơn, ở mức 17,35%.

Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của các nhóm ngành trong năm 2024



C – DỰ BÁO KINH TẾ CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM 2025

I - Dự báo kinh tế thế giới 2025:

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 được dự báo ổn định quanh mức 3%, theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Cụ thể:

- OECD dự báo GDP toàn cầu đạt 3,3%.
- IMF dự kiến 3,2%.
- WB dự báo 2,7%.

Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, tiến gần mức ổn định giá:

- IMF: Giảm từ 5,8% (2024) xuống 4,3% (2025).
- OECD: Lạm phát tại các nền kinh tế phát triển có thể đạt 2,0%.
- Các nền kinh tế mới nổi giảm từ 7,9% (2024) xuống 5,9% (2025).

Rủi ro kinh tế thế giới 2025:

- Chiến tranh thương mại do Mỹ khởi xướng có thể làm tăng lạm phát, tăng tỷ lệ thất nghiệp.
- Trung Quốc đối mặt với giảm tốc kinh tế, đòi hỏi chuyển hướng tăng thu nhập người dân.
- Sự thay đổi chính sách tiền tệ từ Fed có thể tác động đến tỷ giá và dòng vốn quốc tế.

II - Dự báo kinh tế chứng khoán Việt Nam năm 2025:

1. Kinh tế: Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 2025 từ 7 - 7,5%, hướng tới 8%. Dự báo từ WB, ADB, OECD và IMF đều đánh giá GDP Việt Nam trong khoảng 6,1% - 6,6%.

- Đầu tư công sẽ được đẩy mạnh, với kế hoạch đầu tư 791.000 tỷ đồng (6,4% GDP), đặc biệt vào giao thông, điện hạt nhân, và thu hút đầu tư công nghệ.
- Lạm phát Việt Nam dự báo dao động 3,5% - 4,5%, trong mức kiểm soát <4%.
- Thu ngân sách nhà nước dự kiến đạt 1.966.800 tỷ đồng (+15,6%), chi ngân sách nhà nước 2.527.800 tỷ đồng, bội chi 3,8% GDP.

2. Thị trường chứng khoán:

Thị trường chứng khoán Việt Nam 2025 kỳ vọng khả quan nhờ yếu tố nội lực:

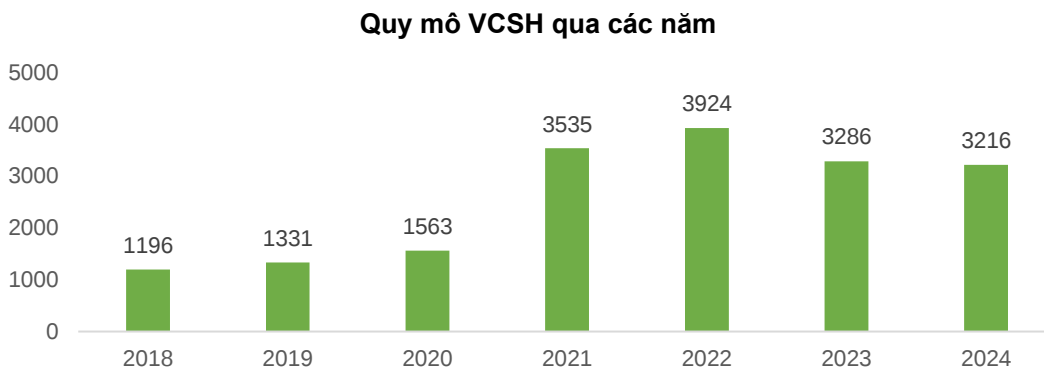
- Mục tiêu nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi.
- Hoàn thiện khung pháp lý, cải tiến hệ thống giao dịch, đa dạng sản phẩm, tăng cường giám sát.
- Mở rộng thị trường, thu hút đầu tư trong nước và quốc tế.
- Triển khai thị trường giao dịch tín chỉ carbon và thị trường khởi nghiệp sáng tạo.
- Đầu tư vào tuyên truyền, nâng cao nhận thức nhà đầu tư, ổn định tâm lý thị trường.
- Hội nhập quốc tế, áp dụng chuẩn mực quốc tế.
- Với việc dự kiến triển khai KRX, thị trường được kỳ vọng minh bạch, thanh khoản tốt hơn, thu hút mạnh mẽ dòng vốn trong và ngoài nước.

Dự báo 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam đứng trước cơ hội tăng trưởng nhờ đầu tư công, cải cách chính sách và mục tiêu nâng hạng thị trường.

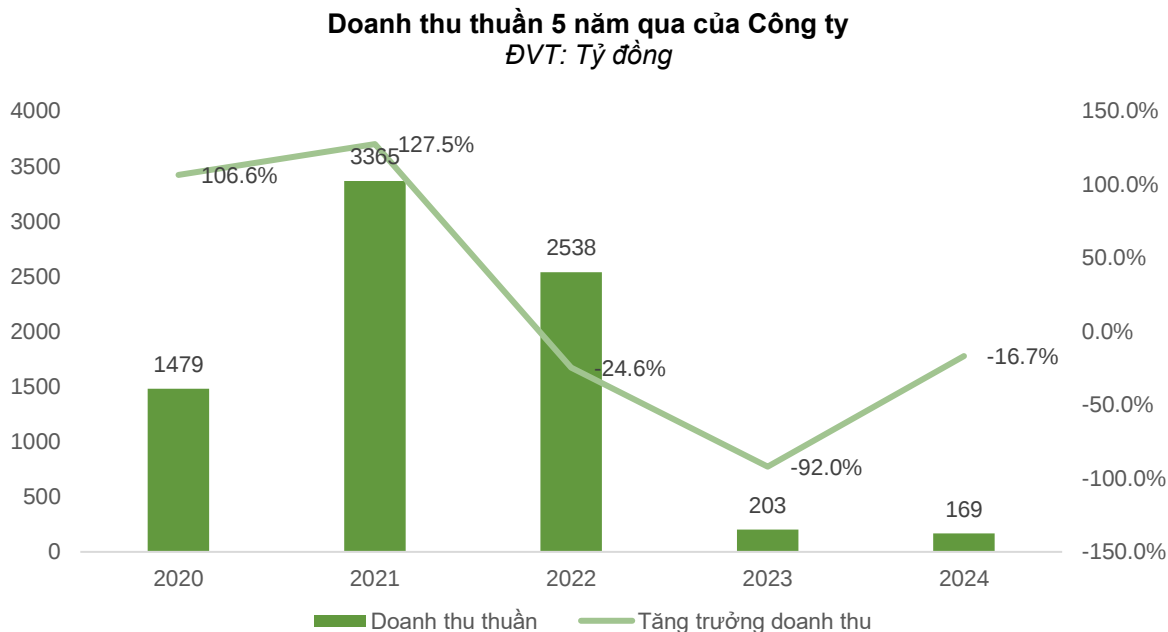
D - TRIỂN VỌNG TVSI 2025:

Năm 2025, thị trường tiếp tục biến động, mang đến cả thách thức lẫn cơ hội mới cho các công ty chứng khoán nói chung và TVSI nói riêng. Sở hữu nền tảng công nghệ thông tin vững chắc, việc tập trung vào chiến lược mở rộng doanh thu và cải thiện hiệu quả hoạt động sẽ là yếu tố quyết định sức tăng trưởng trong tương lai của Công ty.

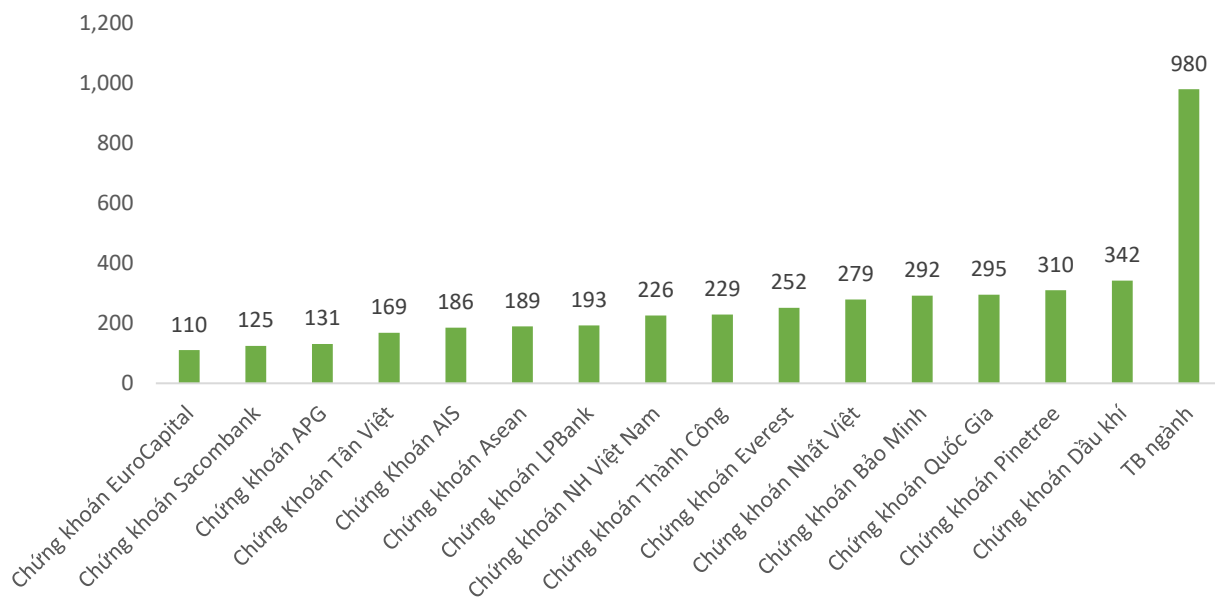
1. Quy mô vốn chủ sở hữu tăng trưởng ổn định qua các năm



2. Tăng trưởng doanh thu qua các năm



3. So sánh doanh thu cùng một vài công ty và trung bình ngành



Với phương châm "ĐỒNG TÂM VỮNG BƯỚC", TVSI kiên định chiến lược phát triển bền vững, tập trung củng cố nội lực, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu thị trường, củng cố niềm tin cho Nhà đầu tư. Sự đoàn kết, tự tin và kiên định sẽ là chìa khóa giúp TVSI nắm bắt cơ hội, vượt qua thử thách và hướng tới thành công lâu dài.

PHẦN III - HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TVSI

1. Các chỉ tiêu tài chính
2. Hoạt động Chứng khoán cơ sở
3. Hoạt động Dịch vụ chứng khoán
4. Hoạt động Dịch vụ tài chính
5. Hoạt động Kinh doanh trái phiếu
6. Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

"Kiên định mục tiêu – Đồng hành phát triển! TVSI không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ, gia tăng giá trị đầu tư và sát cánh cùng nhà đầu tư trước mọi biến động thị trường, mở ra những cơ hội đầu tư an toàn, linh hoạt và hiệu quả, khẳng định năng lực thích ứng trong mọi hoàn cảnh."

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2024, TVSI vẫn trong quá trình xây dựng, ổn định sau cuộc khủng hoảng 2022. Do vậy, tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, kết quả hoạt động của Công ty chưa hoàn thành kế hoạch năm đã đặt ra. Lợi nhuận sau thuế lỗ 68,476 tỷ đồng, cao hơn mức lỗ kế hoạch 61 tỷ đồng, tuy nhiên giảm mức lỗ so với cùng kỳ (329,4 tỷ đồng). Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2024 đạt 171,1 tỷ đồng, giảm 22% so với năm 2023, vượt 8% so với kế hoạch. Tổng chi phí năm 2024 là 229,75 tỷ đồng, giảm 63% so với cùng kỳ và tương đương 139% so với kế hoạch.

Kết quả kinh doanh so với kế hoạch năm 2024 (ĐVT: Triệu đồng)

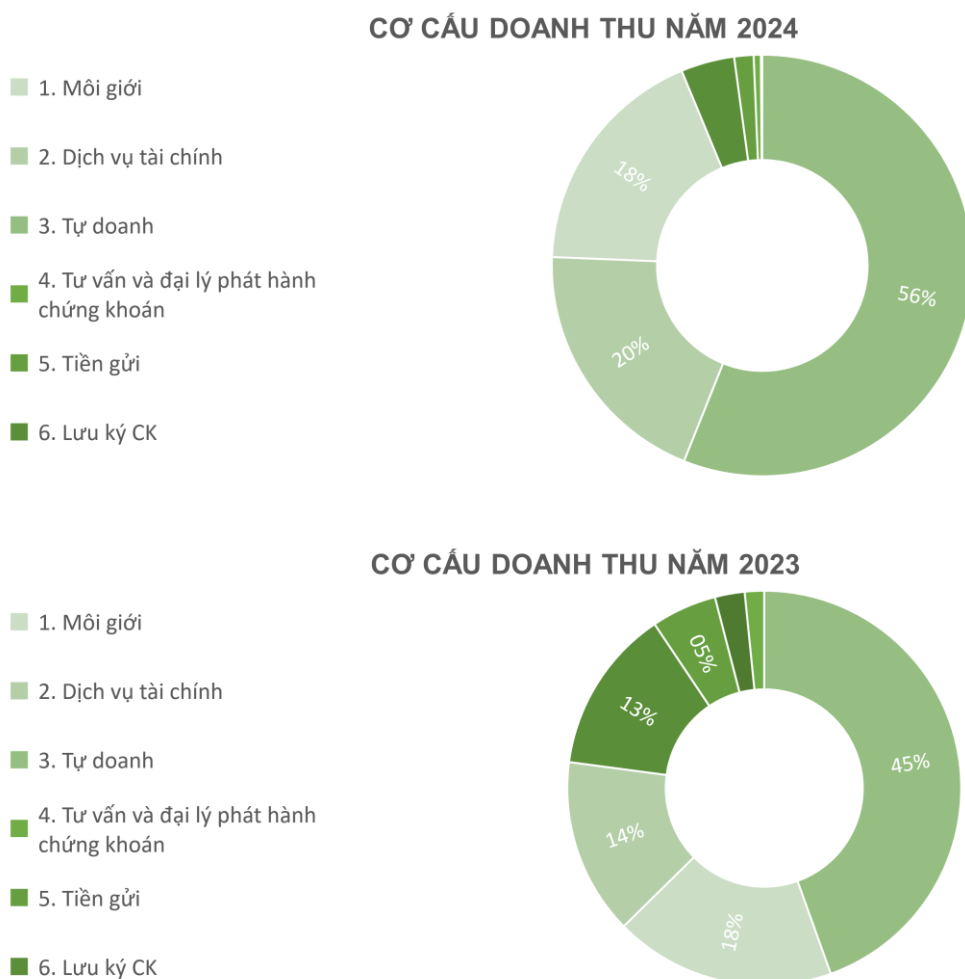
Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Kế hoạch 2024	%TH/KH	%+/- 2024/2023
Doanh thu và thu nhập khác	171.069	219.190	157.906	108%	-22%
1. Môi giới	30.971	39.740	49.290	63%	-22%
2. Dịch vụ tài chính	33.480	31.696	51.810	65%	6%
3. Tự doanh	95.909	97.566	51.006	188%	-2%
4. Tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán	944	3.490	500	189%	-73%
5. Tiền gửi	2.509	11.765	2.300	109%	-79%
6. Doanh thu lưu ký CK	7.041	29.579	3.000	235%	-76%
7. Khác	215	5.354	-		-96%
Chi phí	229.750	613.535	165.259	139%	-63%
Lợi nhuận trước thuế	- 58.681	- 394.345	- 7.353		-85%
Lợi nhuận sau thuế	- 68.476	- 397.921	- 7.353		-83%

(Nguồn: Nguồn Báo cáo tài chính TVSI đã kiểm toán)

Hoạt động Dịch vụ tài chính, Môi giới chứng khoán và Tự doanh là những hoạt động kinh doanh chủ đạo mang lại nguồn doanh thu cho Công ty trong năm tài khóa 2024, đóng góp 93,7% tổng doanh thu

- Doanh thu hoạt động môi giới đạt 30,971 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ, đạt 63% so với kế hoạch. Doanh thu hoạt động môi giới chiếm tỷ trọng 18% trong tổng doanh thu.
- Doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính đạt 33,48 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ, bằng 65% kế hoạch. Dự nợ hoạt động cho vay margin bình quân năm 2024 khoảng 249 tỷ đồng, tăng 8,3% so với 2023. Doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính chiếm 19,6% tổng doanh thu.
- Đầu tư tự doanh giảm 2% so với cùng kỳ, vượt 88% kế hoạch năm.
- Doanh thu hoạt động tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán giảm 73% so với cùng kỳ và vượt 89% so với kế hoạch năm.
- Doanh thu lưu ký chứng khoán đạt 7,04 tỷ đồng, giảm 76% so với cùng kỳ và vượt 135% kế hoạch năm.

Cơ cấu doanh thu năm 2024 và 2023 như sau:



(Nguồn: Báo cáo tài chính TVSI đã kiểm toán)

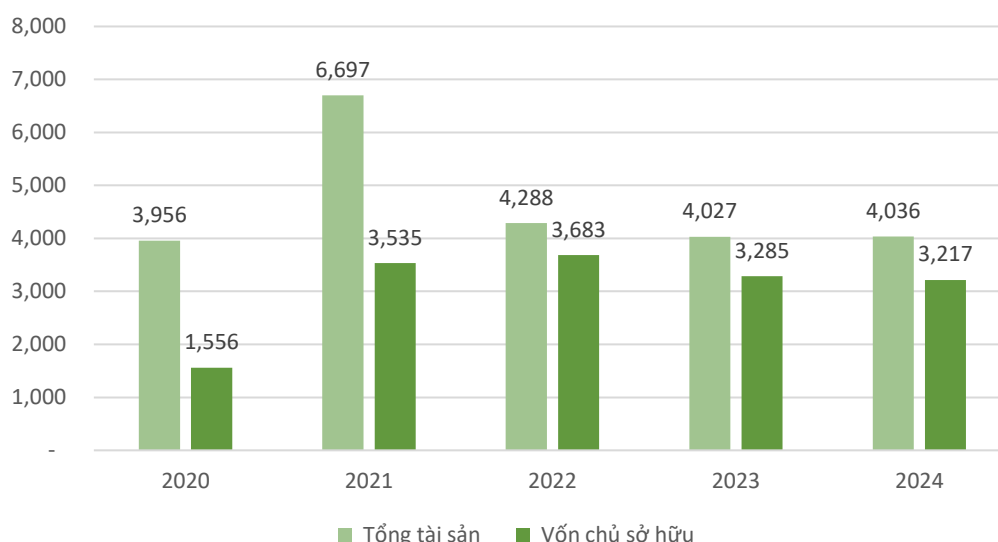
Chi phí của Công ty chủ yếu là các chi phí hoạt động kinh doanh thông thường và chi phí dự phòng các hợp đồng mua lại trái phiếu.

2. Tài sản – nguồn vốn

Cơ cấu tài sản – nguồn vốn 2020-2024 (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Tài sản ngắn hạn	3.912.595	6.590.896	4.216.384	3.972.551	4.005.595
Tài sản dài hạn	43.888	106.156	71.719	54.911	30.028
Tổng tài sản	3.956.483	6.697.052	4.288.103	4.027.462	4.035.622
Nợ phải trả	2.400.042	3.162.470	605.091	742.372	819.009
<i>Nợ ngắn hạn</i>	1.711.193	2.307.347	564.237	738.452	805.298
<i>Nợ dài hạn</i>	688.848	855.124	40.854	3.920	13.711
Vốn chủ sở hữu	1.556.441	3.534.581	3.683.011	3.285.089	3.216.614
Tổng nguồn vốn	3.956.483	6.697.052	4.288.103	4.027.462	4.035.622

Tốc độ tăng trưởng Tổng tài sản – Vốn chủ sở hữu 2020 đến 2024



(Nguồn: Báo cáo tài chính TVSI đã kiểm toán)

Tại thời điểm cuối năm 2024, tổng tài sản tăng nhẹ so với năm trước tương ứng mức tăng 8 tỷ đồng (0,2%). Vốn chủ sở hữu giảm so với cùng kỳ năm 2023 tương ứng mức giảm 68 tỷ đồng (-2,1%). Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng đa số trong tổng tài sản ở mức trên 99,3%, tài sản dài hạn dưới 1%.

Cơ cấu tổng nguồn vốn có sự thay đổi nhẹ so với thời điểm đầu năm 2024. Nợ phải trả tăng nhẹ 77 tỷ đồng tương đương tăng 10,3% so với cuối năm 2023. Nợ phải trả ngắn hạn tăng 67 tỷ đồng (tương đương mức tăng 9%), nợ dài hạn tăng mạnh 9,8 tỷ đồng (tương đương mức tăng 250%). Nguồn vốn hiện nay được dùng chủ yếu vào các khoản cho dự trữ tiền gửi đảm bảo khả năng thanh toán, đầu tư tự doanh và dịch vụ cho vay.

3. Các chỉ số tài chính

Chỉ số thanh toán	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Chỉ số tiền mặt	0,44	0,15	3,49	2,63	2,33
Chỉ số thanh toán nhanh	2,29	2,90	7,47	5,38	4,97
Chỉ số thanh toán hiện hành	2,29	2,90	7,47	5,38	4,97
Các chỉ số nợ					
Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản	0,61	0,46	0,14	0,18	0,2
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	1,54	0,89	0,16	0,23	0,25
Hệ số an toàn tài chính	347,03	375,89	212,42%	198,87%	206,74%
Cơ cấu tài sản					
TSNH/Tổng tài sản	98,89%	98,44%	98,33%	98,64%	99,26%
TSDH/ Tổng tài sản	1,11%	1,56%	1,67%	1,36%	0,74%
Tỷ suất sinh lợi					
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,48	0,62	0,46	0,05	0,04

Hệ số LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	0,16	0,23	0,04	(0,11)	(0,02)
Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROAA)	0,08	0,11	0,03	(0,10)	(0,02)

Các chỉ số thanh toán ở mức an toàn khi tài sản ngắn hạn luôn đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (tài sản ngắn hạn bằng 4,97 lần nợ ngắn hạn). Trong năm 2024, Công ty luôn đảm bảo tính thanh khoản tốt khi đảm bảo nguồn tiền dồi dào và thanh toán các khoản nợ phải trả đúng hạn và đầy đủ.

Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn theo quy định.



Định hướng 2025:

Với chiến lược tập trung vào phát triển sản phẩm và tối ưu hóa vận hành, hướng tới phục hồi tăng trưởng bền vững, năm 2025, TVSI đặt mục tiêu cải thiện các chỉ số doanh thu, lợi nhuận, triển khai các biện pháp:

- Thúc đẩy tăng trưởng dư nợ thông qua các gói sản phẩm tài chính đa dạng, cạnh tranh và tối ưu hóa chính sách lãi suất.
- Tối ưu hóa danh mục đầu tư, kiểm soát chi phí hiệu quả.
- Đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ mỗi giới, tăng cường trải nghiệm khách hàng.
- Ứng dụng công nghệ trong quản lý và vận hành, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.
- Đẩy mạnh dịch vụ chăm sóc khách hàng nhằm tăng tính gắn bó và sự hài lòng của NĐT với TVSI

HOẠT ĐỘNG CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

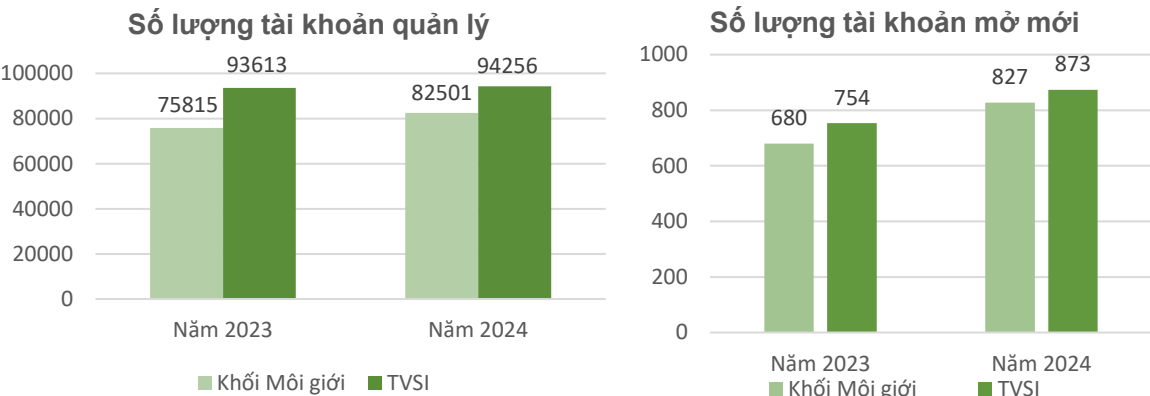
Nỗ lực tăng trưởng

Năm 2024, kinh tế thế giới và Việt Nam đều đang trong quá trình phục hồi, tuy nhiên vẫn phải đối mặt với không ít thách thức. Kinh tế Việt Nam năm 2024 đạt mức tăng trưởng khá tích cực nhưng vẫn gặp khó khăn về lạm phát và biến động thị trường tài chính. TVSI nói chung và Khối Môi giới nói riêng đã không ngừng nỗ lực để duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh mảng chứng khoán cơ sở và đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu giao dịch của Nhà đầu tư.

- **Thị phần:**

TVSI duy trì sự ổn định sau những thách thức giai đoạn 2022 - 2023, từng bước củng cố nền tảng tài chính, đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả và xây dựng lại niềm tin với khách hàng. Công ty nói chung và Khối Môi giới nói riêng đã nỗ lực duy trì ổn định kinh doanh, chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh và tiếp tục phát triển thị phần môi giới, đạt mức **0,18%** vào năm 2024.

- **Số lượng tài khoản hoạt động trên toàn hệ thống:**



Tính đến cuối năm 2024, tổng số tài khoản nhà đầu tư tại TVSI quản lý là **94.256** tài khoản trong đó số lượng tài khoản thuộc Khối Môi giới chiếm **87,53%** tương đương **82.501** tài khoản. Số tài khoản mở mới trong năm đạt 827 tài khoản tăng **21,62%** so với năm 2023.

- **Doanh thu – lợi nhuận:**

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	%TH/KH 2024
Doanh thu môi giới	30,97	47,49	65,2%
Lợi nhuận	(18,94)	9,8	
Tỷ suất lợi nhuận	-31,49%	10%	

Trong năm 2024, hoạt động Chứng khoán cơ sở đạt **65,2%** kế hoạch, thể hiện sự nỗ lực duy trì hoạt động dù thị trường còn nhiều thách thức. Tuy nhiên, lợi nhuận ghi nhận mức lỗ **18,94** tỷ đồng, không đạt mục tiêu đề ra, cho thấy áp lực lớn từ chi phí và hiệu quả kinh doanh chưa tối ưu với tỷ suất lợi nhuận **-31,49%**, chênh lệch đáng kể so với kế hoạch **10%**.

- **Đội ngũ cán bộ:**

Phát huy năng lực đội ngũ cán bộ, Khối Môi giới liên tục cập nhật xu hướng đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại và đào tạo sản phẩm chuyên sâu. Đồng thời, xây dựng đội ngũ tư vấn giao dịch chủ động, nâng cao chất lượng tư vấn và cải thiện hiệu quả tiếp cận khách hàng, từ đó tối ưu hóa hiệu suất công việc.

Việc linh hoạt điều chỉnh chính sách thu nhập cho cán bộ Môi giới trong năm 2024 đã góp phần thúc đẩy năng suất lao động và giữ vững động lực làm việc. Các chính sách thu hút nhân sự và đối tác mới cũng được Khối Môi giới triển khai qua chế độ đãi ngộ cạnh tranh và lộ trình thăng tiến rõ ràng, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp bền vững.

Khối Môi giới đặc biệt chú trọng xây dựng một môi trường làm việc gắn kết, nơi mà mỗi nhân viên cảm thấy được khích lệ và có cơ hội phát triển bền vững. Văn hóa nội bộ này đã giúp TVSI duy trì đội ngũ môi giới chất lượng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của công ty.

Định hướng hoạt động năm 2025

Đóng vai trò trọng yếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty, hoạt động chứng khoán cơ sở được TVSI tập trung toàn lực phát triển. Với tâm thế **“Đồng Tâm Vững Bước”**, Khối Môi giới không chỉ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động môi giới mà còn hướng tới mục tiêu xây dựng một nền tảng vững mạnh, khả năng ứng biến nhanh chóng với sự biến động của thị trường.

- TVSI đặt mục tiêu tập trung thúc đẩy tăng trưởng dư nợ bằng cách tương tác và tư vấn chuyên sâu các gói sản phẩm tài chính phù hợp theo từng nhóm nhà đầu tư. Với phương châm lấy nhà đầu tư làm trung tâm, cung cấp giải pháp tư vấn cá nhân hóa, kết hợp với các sản phẩm và dịch vụ linh hoạt, đáp ứng đa dạng nhu cầu tài chính để giúp nhà đầu tư quản lý tài sản và danh mục đầu tư một cách hiệu quả. Việc tăng cường kết nối qua các kênh trực tuyến, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa quản trị rủi ro sẽ mang đến trải nghiệm đầu tư thuận tiện và hiệu quả, giúp nhà đầu tư an tâm trong hành trình đầu tư.
- Giữ vững sự ổn định và gắn bó với các nhà đầu tư hiện hữu là nền tảng quan trọng để duy trì sự phát triển. Đồng thời, việc khai thác tối đa các cơ hội thu hút nhà đầu tư mới là yếu tố then chốt để mở rộng thị phần, đặc biệt là các nhà đầu tư trẻ tiềm năng. Việc giữ vững sự ổn định với nhà đầu tư hiện hữu và khai thác tiềm năng của các nhà đầu tư mới giúp công ty phát triển mạnh mẽ và bền vững trong dài hạn.
- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt và các chương trình ưu đãi chuyên biệt theo từng đơn vị kinh doanh và phân khúc khách hàng, từ nhà đầu tư cá nhân mới tham gia thị trường đến các nhà đầu tư VIP. Điều chỉnh các chính sách phù hợp để tạo nền tảng cho đội ngũ sales, đồng thời tối ưu lợi ích cho nhà đầu tư.
- Trong năm 2025, TVSI tiếp tục đẩy mạnh đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên môi giới, tập trung vào bồi dưỡng chuyên môn và nâng cao năng lực. Song song với đó, TVSI sẽ áp dụng chính sách thu hút nhân sự ưu tú thông qua chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc chuyên nghiệp và cơ hội thăng tiến rõ ràng, nhằm xây dựng một đội ngũ môi giới vững mạnh, đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Tối ưu hóa quy trình

Trước những biến động có “nguy” và “cơ” của thị trường chứng khoán năm 2024 cũng như điều kiện nội tại, TVSI luôn chủ động trong việc tối ưu hóa, ứng dụng chuyển đổi số để cải tiến, phát triển quy trình giao dịch, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng kỳ vọng ngày càng đa dạng của khách hàng. Những nỗ lực này không chỉ nâng cao sự hài lòng của khách hàng mà còn củng cố vị thế, sức cạnh tranh của TVSI:

- **Chuẩn hóa và số hóa quy trình xác thực thông tin nhà đầu tư:** TVSI tiên phong áp dụng các giải pháp công nghệ như eKYC, NFC Chip, ID Check, và kết nối với Cơ sở dữ liệu cư dân quốc gia để đảm bảo an toàn và tuân thủ pháp lý.
- **Cải tiến nghiệp vụ thay đổi thông tin và lưu ký:** 75% yêu cầu thay đổi thông tin (6.290/8.369 yêu cầu) được xử lý trực tuyến qua ứng dụng TVSI Mobile, mang lại sự thuận tiện tối đa cho khách hàng.
- **Gia tăng tính tự động hóa:** Nâng cao hiệu suất xử lý yêu cầu của khách hàng thông qua các giải pháp công nghệ, giảm tải công việc thủ công.
- **Tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý:** Tham gia các đợt kiểm thử hệ thống KRX và triển khai quy trình theo quy định cập nhật của VSDC.
- **Cải thiện trải nghiệm khách hàng:** Hỗ trợ qua đa kênh (Zalo, Facebook, trang hỗ trợ trực tuyến FAQ), nâng cao tỷ lệ giải quyết phản hồi nhanh chóng.
- **Dịch vụ chuyên nghiệp, minh bạch:** Năm 2024, TVSI xử lý 94 triệu cổ phiếu qua các nghiệp vụ với VSD, chi trả 15,5 triệu cổ tức cổ phiếu và 119,2 tỷ đồng cổ tức tiền mặt, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư. Sổ dư tài khoản được đối chiếu thường xuyên, chính xác và an toàn. Mọi yêu cầu, thắc mắc đều được giải quyết nhanh gọn.

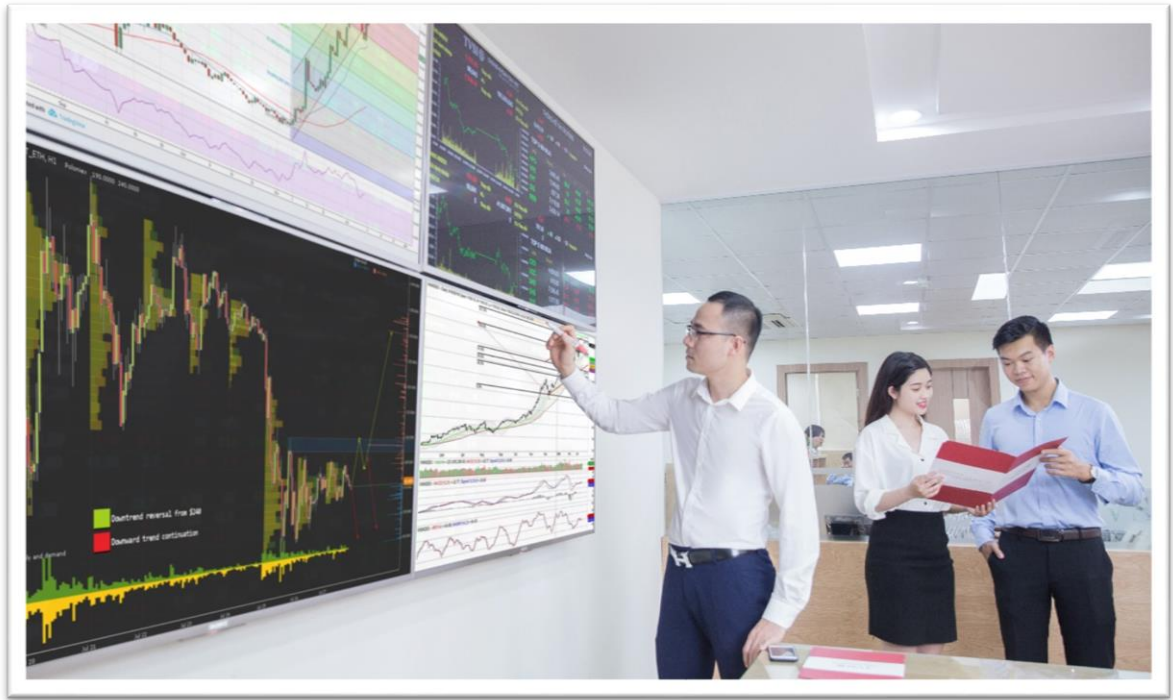
Đối với **Dịch vụ chăm sóc khách hàng:** không chỉ rà soát, nâng cao chất lượng từng hoạt động, TVSI thực hiện đa hóa các kênh dịch vụ cũng như ứng dụng công nghệ nhằm mang lại trải nghiệm tối ưu cho Nhà đầu tư.

- **Đa dạng kênh tiếp nhận và phản hồi, hỗ trợ:** TVSI duy trì hệ thống phản hồi đa kênh, đảm bảo mọi ý kiến, thắc mắc của khách hàng được tiếp nhận và giải quyết nhanh chóng, hiệu quả: Trung tâm dịch vụ khách hàng **1900 1885**, hotline **0966 001 885**; Các nhóm Zalo hỗ trợ theo nhu cầu cụ thể của từng tệp khách hàng; Kênh tin nhắn Messenger trên fanpage, Zalo OA; Kênh giao dịch trực tiếp qua các chuyên viên sales, hệ thống phòng giao dịch/chi nhánh của TVSI trên toàn quốc
- **Ứng dụng công nghệ:** TVSI tiên phong áp dụng công nghệ hiện đại để nâng cao trải nghiệm khách hàng. Dịch vụ xác thực trực tuyến **Video KYC** và cập nhật thông tin qua email mang đến sự thuận tiện, an toàn cho nhà đầu tư. Đồng thời, nền tảng **FAQ** trực tuyến với hướng dẫn chi tiết bằng hình ảnh và video đáp ứng nhanh chóng mọi thắc mắc, hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận thông tin hiệu quả.
- **Chương trình tri ân và chăm sóc khách hàng:** Song song với các dịch vụ hỗ trợ, các chương trình sản phẩm ưu tiên, các gói dịch vụ chăm sóc tài khoản thiết kế riêng theo nhu cầu của nhà đầu tư, TVSI triển khai nhiều chương trình quà tặng vào những dịp đặc biệt: sinh nhật khách hàng, Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), Tết Trung Thu, Tết Nguyên Đán. Các chương trình này không chỉ thay lời tri ân từ TVSI tới sự tin tưởng đồng hành của khách hàng mà còn góp phần ghi dấu ấn thương hiệu, giúp tạo nên sự gắn kết giữa TVSI và nhà đầu tư.

Định hướng 2025:

Giữ vững nguyên tắc hoạt động “Cung cấp đầy đủ dịch vụ và mang đến sự hài lòng cho nhà đầu tư”, năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện đổi mới, nâng cấp nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán nhằm đem lại cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất:

- Đảm bảo hệ thống nghiệp vụ vận hành đúng quy định, đảm bảo quản lý tài sản, thông tin của khách hàng và của Công ty chính xác.



- Ổn định nhân sự, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, chất lượng dịch vụ hiệu quả năng suất làm việc. Rà soát xây dựng lại chuẩn dịch vụ, hệ thống đánh giá áp dụng cho nhân viên dịch vụ tại quầy giao dịch, nhân viên tổng đài, trực chat.
- Cập nhật định kỳ hệ thống hỏi đáp trên web hỗ trợ phục vụ nội bộ và khách hàng
- Triển khai Zalo Notification Service giải pháp Chăm sóc đến từng Khách hàng gửi thông báo, thông tin giao dịch và các thông tin chăm sóc khách hàng đến từng KH sử dụng Zalo
- Tiếp tục thực hiện thay đổi cập nhật thông tin CCCD cho NĐT, chuẩn hóa dữ liệu nhà đầu tư theo yêu cầu CV4501 của UBCK và theo đề án 06 của Chính Phủ.
- Hoàn thiện toàn bộ hệ thống điện nghiệp vụ STP kết nối với VSD rút ngắn thời gian thao tác và xử lý cho nhân viên vận hành.
- Phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có, đồng thời đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, đặc biệt là các sản phẩm trên kênh số để phù hợp với thông lệ quốc tế, yêu cầu luật định và đáp ứng nhu cầu Khách hàng. Cải cách thủ tục hành chính, chú trọng thiết kế sản phẩm linh hoạt có tính dẫn dắt thị trường. Ứng dụng công nghệ chuyển đổi số vào hoạt động công tác lưu trữ hồ sơ
- Thực hiện kiểm tra tính sẵn sàng của hệ thống cho Golive KRX theo kế hoạch và kịch bản khung. Phối hợp với các bộ phận liên quan, chuẩn bị về hệ thống, nhân sự để kiểm thử, diễn tập để thuận thực công việc hạn chế lỗi phát sinh về mặt vận hành kỹ thuật và vận hành nghiệp vụ chuẩn bị chính thức đưa hệ thống KRX vào hoạt động. Hoàn thiện các quy trình nội bộ, quản lý rủi ro khi hệ thống mới được triển khai chính thức. Tăng cường tuyên truyền, tạo điều kiện cho nhà đầu tư làm quen với hoạt động giao dịch chứng khoán trên hệ thống mới.
- Hoạt động Dịch vụ Chăm sóc Khách hàng tập trung vào nền tảng giao dịch mới và hỗ trợ khách hàng giao dịch; tiếp tục phối hợp các đơn vị xử lý, giải đáp cho khách hàng các vấn đề liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp trên các kênh thông tin online.

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Tăng trưởng bền vững

Năm 2024, cùng với sự phục hồi về thanh khoản và điểm số, thị trường chứng khoán Việt Nam còn ghi nhận mức dư nợ margin cao nhất trong lịch sử, ước tính đạt khoảng 240 nghìn tỷ đồng vào cuối năm, tăng hơn 33% so với cuối năm 2023. Mạng Dịch vụ tài chính của TVSI cũng không nằm ngoài đà tăng trưởng này với những kết quả tích cực như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng trưởng so với 2023
Tổng dư nợ dịch vụ tài chính	408,4	203,5	+100,7%
Doanh thu dịch vụ tài chính	33,5	31,7	+5,6%

- **Tổng dư nợ dịch vụ tài chính** đạt 408,4 tỷ đồng, tăng trưởng 100,7% so với năm 2023. Đây là thành quả của những nỗ lực không ngừng nghỉ của TVSI trong việc tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm tài chính, tăng cường hoạt động marketing và chăm sóc khách hàng.
- **Doanh thu dịch vụ tài chính** đạt 33,5 tỷ đồng, tăng trưởng nhẹ 5,6% so với cùng kỳ, dù dư nợ ghi nhận mức tăng trưởng mạnh. Điều này xuất phát từ chính sách giảm lãi suất chủ động của TVSI trong năm 2024, cùng với việc triển khai nhiều chương trình, sản phẩm ưu đãi nhằm tri ân, hỗ trợ và thu hút khách hàng. Tỷ trọng doanh thu từ mạng Dịch vụ tài chính so với tổng doanh thu toàn Công ty đạt 19,6% (tăng so với mức 14,4% cùng kỳ).

Những kết quả trên cho thấy sự duy trì ổn định và khả năng phát triển bền vững của mạng Dịch vụ tài chính tại TVSI, trong bối cảnh thách thức lớn từ quá trình phục hồi của thị trường nói chung và những ảnh hưởng khách quan từ quá khứ vẫn còn hiện hữu nói riêng.

Căn cứ đánh giá **triển vọng năm 2025**, đối với mạng dịch vụ tài chính, TVSI tập trung các mục tiêu then chốt sau:

- **Tăng trưởng dịch vụ tài chính một cách bền vững:** Năm 2025 TVSI đặt mục tiêu đạt mức tăng trưởng 30% dư nợ cho vay margin, bằng việc triển khai đa dạng các gói sản phẩm tài chính linh hoạt, với các ưu đãi hấp dẫn, phù hợp với từng phân khúc và đối tượng khách hàng. Trong đó, TVSI sẽ ưu tiên tập trung phát triển một số sản phẩm chiến lược để tối ưu hóa hiệu quả.
- **Đa dạng, linh hoạt danh mục chứng khoán ký quỹ:** Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích thường xuyên danh mục chứng khoán cho vay, TVSI cung cấp các lựa chọn tài chính phù hợp với nhu cầu cụ thể của khách hàng, đồng thời đảm bảo điều chỉnh linh hoạt theo diễn biến thị trường.
- **Nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng:** Tối ưu hóa quy trình vận hành cho vay margin; Nâng cao năng lực chuyên môn đội ngũ nhân viên; Cải thiện hệ thống giao dịch nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, giúp quá trình sử dụng dịch vụ trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn.
- **Kiểm soát và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro cho vay margin:** Tăng cường giám sát danh mục và hạn mức cho vay; Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả theo dõi và kiểm soát rủi ro.
- **Cập nhật liên tục các quy định của cơ quan quản lý trong lĩnh vực cho vay margin:** Đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý mới nhất và bảo đảm an toàn trong giao dịch, đồng thời nâng cao niềm tin của khách hàng và đối tác vào dịch vụ tài chính của Công ty.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÁI PHIẾU

Cam kết đồng hành

Sau hơn 5 năm tham gia thị trường bán lẻ trái phiếu doanh nghiệp, TVSI đã xây dựng được đội ngũ nhân sự chuyên trách tại cả Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, cùng với sự gia tăng đáng kể về số lượng nhà đầu tư. Tổng số tài khoản mở mới đạt 12.444 tài khoản, với tổng giá trị danh mục trái phiếu hiện tại đạt 22.497 tỷ đồng.

Năm 2024, thị trường trái phiếu doanh nghiệp bước đầu phục hồi sau giai đoạn biến động mạnh, đòi hỏi sự chủ động và linh hoạt trong công tác xử lý khủng hoảng. Với tinh thần trách nhiệm cao, TVSI đã tích cực thực hiện nhiều biện pháp để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, bao gồm:

- Thực hiện ký chuyển đổi và mua lại trước hạn đối với **35 mã trái phiếu**, với tổng giá trị **hơn 3.500 tỷ đồng**.
- Tiếp nhận và giải đáp khách hàng thông qua nhiều kênh tiếp xúc, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời.
- Phối hợp với các tổ chức phát hành để xây dựng phương án thanh toán gốc, lãi, gia hạn hoặc mua lại trước hạn.
- Hoàn thành **22 đợt xin ý kiến trái chủ**, giúp tháo gỡ vướng mắc và tìm kiếm giải pháp phù hợp cho từng lô trái phiếu.
- Hỗ trợ khách hàng trong việc cập nhật thông tin, điều chỉnh tài khoản và truy cập hệ thống giao dịch.

Bên cạnh đó, TVSI cũng quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng, triển khai nhiều chương trình như tặng hơn 500 phần quà Trung thu, lịch và quà Tết, thể hiện sự đồng hành và cam kết của Công ty trong giai đoạn thị trường nhiều thách thức.

Năm 2025, trước ảnh hưởng của vấn đề trái phiếu doanh nghiệp, niềm tin nhà đầu tư suy giảm kết hợp với thanh khoản dòng tiền trả nợ trái phiếu của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn đã khiến thị trường trái phiếu gia tăng rủi ro. Tuy nhiên, vẫn kiên trì hướng đến sự minh bạch, bền vững và củng cố niềm tin cho nhà đầu tư, TVSI xác định mục tiêu trọng tâm là tiếp tục theo dõi và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức phát hành để đảm bảo đúng tiến độ và tuân thủ hoàn toàn các nghị quyết được đưa ra. Đồng thời, tiếp tục triển khai và hoàn thiện hệ thống trái phiếu riêng lẻ đảm bảo sự minh bạch và ổn định trong các giao dịch trái phiếu, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và mục tiêu tài chính đã đề ra.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Minh bạch, hiệu quả

Năm 2024 tiếp tục là một năm không thuận lợi đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, trong bối cảnh niềm tin của nhà đầu tư cá nhân chưa thực sự phục hồi. Mặc dù Chính phủ và các cơ quan quản lý đã triển khai nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ thị trường, nhưng áp lực tái cơ cấu nợ của các tổ chức phát hành, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp bất động sản vẫn đặt ra những khó khăn nhất định.

Trước bối cảnh đó, TVSI kiên định tập trung vào vai trò **Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**, đồng hành và đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư thông qua giám sát và cung cấp thông tin về tổ chức phát hành, cũng như thực hiện các quy trình lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu theo yêu cầu của tổ chức phát hành và nhà đầu tư.

Đồng thời, TVSI cũng tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, củng cố năng lực tư vấn và đồng hành cùng khách hàng doanh nghiệp trong các dịch vụ liên quan đến thị trường vốn.



Bước sang năm 2025, thị trường dự kiến vẫn sẽ đối mặt với những thách thức, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có nhu cầu huy động vốn qua kênh trái phiếu. Việc ổn định niềm tin của nhà đầu tư cá nhân, đồng thời nâng cao tính minh bạch và hiệu quả giám sát sẽ tiếp tục là ưu tiên của thị trường.

Trong bối cảnh đó, TVSI đặt mục tiêu cho Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư:

- **Màng trái phiếu:** Tiếp tục phát huy vai trò **Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý.
- **Màng Chứng khoán cơ sở:** Tăng cường các dịch vụ liên quan đến thị trường vốn, đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc tái cấu trúc danh mục huy động vốn và tìm kiếm các giải pháp tài chính phù hợp.

Với định hướng phát triển bền vững, TVSI cam kết tiếp tục đồng hành cùng khách hàng và đối tác, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của thị trường vốn Việt Nam.

PHẦN IV - HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VẬN HÀNH

1. Nghiên cứu & Phát triển sản phẩm
2. Phân tích & Tư vấn đầu tư
3. Công nghệ Thông tin
4. Quản trị và Phát triển Nhân lực

TVSI không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, hệ thống vận hành, phát triển nguồn nhân lực, cải tiến công nghệ và nghiên cứu sản phẩm mới nhằm tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng.

Bằng cách tối ưu hóa quy trình, nâng cao trải nghiệm khách hàng và phát triển các giải pháp tài chính linh hoạt, TVSI cam kết mang đến dịch vụ hiệu quả, hiện đại và bền vững.

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Chủ động đột phá

Nhìn lại năm 2024, TVSI đã nỗ lực không ngừng nghiên cứu và phát triển, mang đến một hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của từng phân khúc khách hàng khác nhau. Đồng thời, Công ty cũng chú trọng gia tăng các tiện ích hỗ trợ trên các gói sản phẩm hiện có, từ đó nâng cao giá trị và mang đến trải nghiệm đầu tư sinh lời vượt trội.

Một vài dấu ấn đáng chú ý của Phát triển sản phẩm được kể đến như:

- **Mảng sản phẩm tài chính**

Tận dụng thế mạnh về chứng khoán cơ sở, TVSI đã cho ra mắt bộ đôi sản phẩm **SF - Đầu tư thả ga, Không lo về giá** và **TV Free - Giao dịch không phí, lợi nhuận như ý** mang lại những kết quả ấn tượng, thể hiện qua số lượng khách hàng mở mới, tỷ lệ khách hàng giao dịch trở lại, cùng với sự tăng trưởng về giá trị giao dịch và dư nợ. Gói sản phẩm **TF - Phong cách cá nhân, đầu tư bền vững** vẫn là lựa chọn hàng đầu của nhiều nhà đầu tư, nhờ vào sự linh hoạt, được thiết kế riêng biệt theo nhu cầu của khách hàng.

- **Mảng sản phẩm hệ thống**

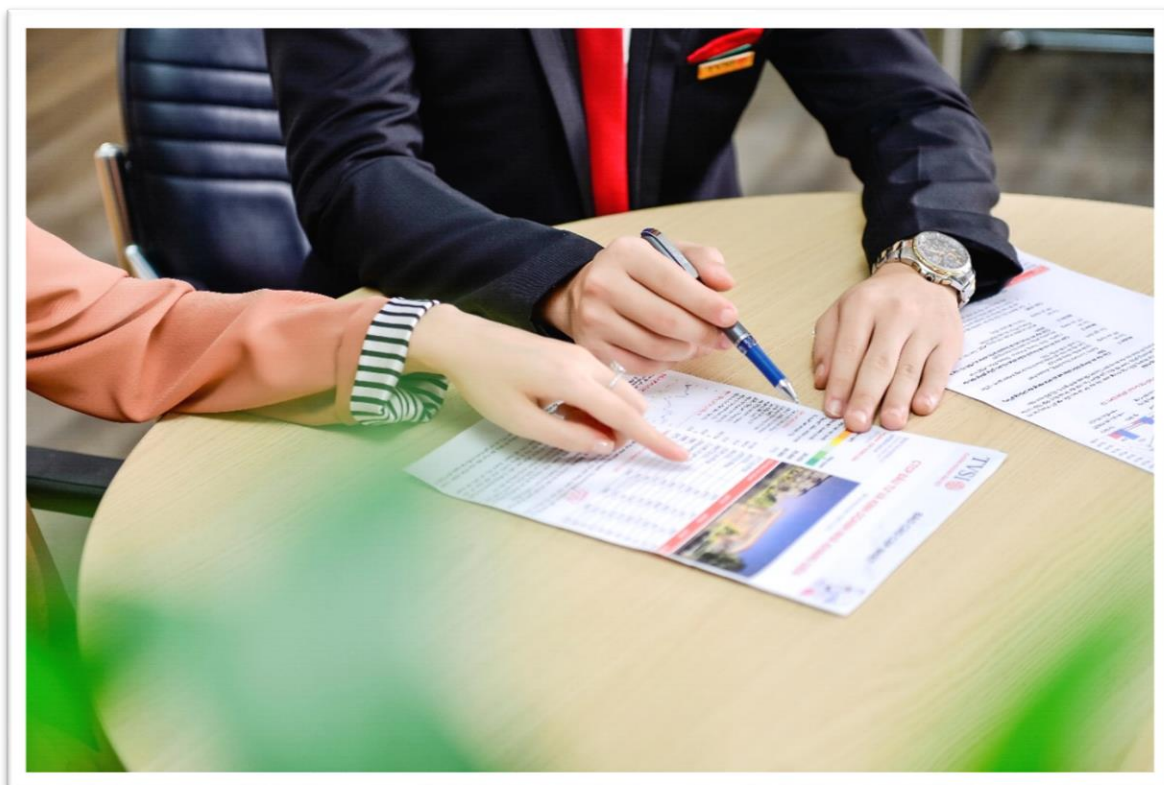
“An toàn” luôn nguyên tắc cốt lõi trong mọi hành động, TVSI đã triển khai thành công **Bảo mật sinh trắc học trên ứng dụng TVSI Mobile**, mang đến lớp bảo vệ tối ưu cho dữ liệu thông tin của nhà đầu tư, cũng như đưa thành công tính năng **Nộp tiền vào tài khoản chứng khoán qua QR code**, giúp nhà đầu tư đơn giản hóa việc nộp tiền, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả giao dịch.

Năm 2024, lần đầu tiên thay đổi về mặt trải nghiệm người dùng khi tích hợp **Vòng quay may mắn** vào chương trình Chào Xuân thường niên.

- **Cam kết đồng hành**

Đối với nhà đầu tư chứng khoán cơ sở, TVSI đã điều chỉnh **Giảm lãi suất cho vay** toàn bộ các gói Dịch vụ tài chính, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng gia tăng hiệu quả giao dịch, đồng thời nâng cao khả năng sinh lời trong bối cảnh thị trường biến động.

Đối với khách hàng Trái phiếu, TVSI không ngừng nâng cấp các **tính năng chuyên biệt**, đảm bảo thông tin minh bạch, chính xác, nhanh chóng, đồng thời xây dựng các phương án hỗ trợ, cam kết bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của khách hàng.



Năm 2025 là mục tiêu phấn đấu để thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng từ thị trường cận biên lên mới nổi theo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán. Trong sự chuyển mình bước vào thời kì mới chắc chắn sẽ không ít thử thách đối với thị trường tài chính nói chung và TVSI nói riêng.

Với tâm thế “**TVSI Đồng tâm Vững bước**”, bám sát các mục tiêu chung của Công ty trong năm 2025, Phòng Phát triển sản phẩm tiếp tục nỗ lực nghiên cứu, xây dựng sản phẩm bền vững và đổi mới sáng tạo không ngừng để bắt kịp xu thế thị trường:

1. **Tăng cường chuyển đổi số:** Áp dụng công nghệ tiên tiến, cải tiến hệ thống giao dịch và quản lý dữ liệu. TVSI đặc biệt chú trọng vào việc tạo ra một môi trường đầu tư **thuận tiện, dễ sử dụng**, với giao diện và tính năng được thiết kế **phù hợp tới từng đối tượng khách hàng**: từ NĐT cao tuổi, NĐT yêu thích phong cách tối giản đến các NĐT trẻ trung, NĐT giao dịch chứng khoán chuyên nghiệp.
2. **Sản phẩm dịch vụ tài chính:** Tiếp tục triển khai chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ tiện ích và linh hoạt. TVSI sẽ dành **70%** nguồn lực để duy trì và tối ưu hóa các sản phẩm dịch vụ tài chính cốt lõi, đồng thời dành **30%** cho việc phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, dễ dàng tiếp cận tới nhiều đối tượng sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi để NĐT gia tăng hiệu quả giao dịch.
3. **Nâng tầm trải nghiệm người dùng:** Năm 2025 TVSI chào đón sự xuất hiện của hai **người bạn đồng hành** đặc biệt, hứa hẹn mang đến cho nhà đầu tư những trải nghiệm mới mẻ, hỗ trợ tối ưu giao dịch, giúp hành trình đầu tư trở nên dễ dàng và đầy hứng khởi.
4. **Nâng cao trình độ nhân sự:** Chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự có trình độ **chuyên môn cao, nhanh nhạy và linh hoạt** trước những biến động của thị trường. Tạo cơ hội phấn đấu để mỗi cá nhân phát huy năng lực bản thân, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới.

HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Nỗ lực gia tăng giá trị

Năm 2024, thị trường chứng khoán mở ra nhiều cơ hội hấp dẫn, thu hút nhà đầu tư. Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và nhạy bén, TVSI đẩy mạnh mục tiêu cung cấp những giải pháp tài chính hiệu quả, hỗ trợ khách hàng tối ưu hóa chiến lược đầu tư. Hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư tại TVSI đã được tập trung đổi mới và phát triển nhiều sáng kiến nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, cụ thể:

- **Cải tiến hệ thống phân tích:** Rà soát và tối ưu hóa dự án Trung tâm phân tích (IFIN), hợp tác cùng các đối tác công nghệ như Passiot, Datx, Plusus để nâng cấp và mở rộng nền tảng dữ liệu.
- **Nâng cao chất lượng báo cáo & bản tin thị trường:** Tăng cường nhận diện thương hiệu TVSI thông qua các bản tin nhận định thị trường chất lượng cao, cung cấp thông tin phân tích kịp thời và chuyên sâu.
- **Xây dựng cộng đồng nhà đầu tư:** Phát triển nền tảng kết nối giữa khách hàng, đội ngũ tư vấn và chuyên gia, cung cấp thông tin cập nhật liên tục về khuyến nghị đầu tư, chiến lược giao dịch và diễn biến thị trường.
- **Ứng dụng công nghệ trong giao dịch:** Phối hợp với các bộ phận Sản phẩm, IT và Marketing để triển khai hệ thống thông báo giao dịch Mua/Bán trong phiên, cập nhật chiến lược đầu tư hàng tuần, giúp nhà đầu tư ra quyết định nhanh chóng và hiệu quả hơn.
- **Hỗ trợ danh mục đầu tư & tư vấn tài chính:** Cung cấp dữ liệu chuyên sâu, đồng hành cùng Ban thẩm định trong việc đánh giá, cập nhật danh mục cho vay và tối ưu hóa danh mục đầu tư.



Kế hoạch 2025:

Với mục tiêu tiếp tục đổi mới, mở rộng giá trị đầu tư, TVSI chú trọng nâng cao chất lượng các sản phẩm phân tích, khuyến nghị đầu tư. Công ty tập trung **hoàn thiện hệ thống giao dịch**, cải thiện hiệu quả tư vấn và quản lý danh mục đầu tư nhằm mang lại giá trị thiết thực cho khách hàng. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận RS với các phòng ban khác để phát triển thêm các sản phẩm mới, góp phần gia tăng giá trị dịch vụ và củng cố thương hiệu TVSI trên thị trường. Song song với đó, chúng tôi sẽ xây dựng **bộ tài liệu đào tạo chuyên sâu về đầu tư** - chia sẻ kiến thức cho nội bộ Công ty và khách hàng quan tâm, qua đó mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Cải tiến mạnh mẽ

Với vai trò là trụ cột công nghệ và nền tảng vận hành của toàn bộ Công ty, **trong năm 2024**, mảng Công nghệ Thông tin (CNTT) được ưu tiên đầu tư nhằm đảm bảo hệ thống giao dịch hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả, mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đội ngũ cán bộ CNTT đã nỗ lực hết sức thực hiện các giải pháp trọng yếu:

- **Nâng cấp hệ thống giao dịch trực tuyến:**

Trong năm 2024, hệ thống giao dịch trực tuyến liên tục được cập nhật nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng. TVSI là một trong những công ty tiên phong triển khai nâng cấp hệ thống theo Đề án 06 của Chính phủ, cho phép kiểm tra và xác thực thông tin nhà đầu tư (CCCD) với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia. Bên cạnh đó, chúng tôi tiếp tục cải thiện dịch vụ với các tính năng như giao dịch nộp tiền định danh qua QR Code, biểu quyết điện tử và chợ Outright.



- **Triển khai các giải pháp bảo mật**

hệ thống: Trước những diễn biến ngày càng phức tạp của an ninh mạng trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính và chứng khoán, TVSI đã hợp tác với các đối tác và chuyên gia hàng đầu để triển khai các giải pháp bảo mật tiên tiến, nhằm bảo vệ dữ liệu khách hàng và phòng ngừa rủi ro an ninh. Các công nghệ bảo mật hiện đại tiếp tục được tích hợp vào hệ thống trực tuyến để đảm bảo an toàn thông tin tối đa.

- **Nâng cấp cơ sở hạ tầng:** Hệ thống hạ tầng phục vụ giao dịch tiếp tục được đầu tư nhằm nâng cao năng lực xử lý, sẵn sàng đáp ứng các kế hoạch triển khai từ Sở Giao dịch Chứng khoán và Tổng Công ty Lưu ký Chứng khoán. Các hệ thống máy chủ, hạ tầng mạng được cập nhật và nâng cấp theo khuyến nghị từ các hãng công nghệ hàng đầu.

Bước sang **năm 2025**, CNTT tiếp tục là lĩnh vực trọng tâm trong chiến lược đầu tư của TVSI, với các định hướng chính như sau:

- **Cải tiến cơ sở hạ tầng:** Tiếp tục thay thế, đầu tư mới các máy chủ và thiết bị mạng nhằm đảm bảo hiệu suất và tính ổn định của hệ thống.
- **Tăng cường bảo mật:** Đầu tư vào các hệ thống giám sát an ninh và kiểm soát truy cập mạng nhằm nâng cao khả năng phòng vệ trước các nguy cơ tấn công mạng.
- **Phát triển ứng dụng và hệ thống hỗ trợ khách hàng:** Mở rộng thêm các chức năng mới cho hệ thống giao dịch trực tuyến, đưa phần mềm giao dịch trực tuyến Trái phiếu vào vận hành, đồng thời nâng cấp các nền tảng hỗ trợ khách hàng như website, iFin, Support theo công nghệ mới.
- **Xây dựng sản phẩm và tính năng mới:** Phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính số phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng ở nhiều độ tuổi khác nhau.
- **Thích ứng với hệ thống KRX:** Tiếp tục phát triển hệ thống core mới nhằm đảm bảo khả năng tích hợp với hệ thống KRX của Sở Giao dịch Chứng khoán, sẵn sàng cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính mới ngay khi hệ thống KRX chính thức đi vào hoạt động.

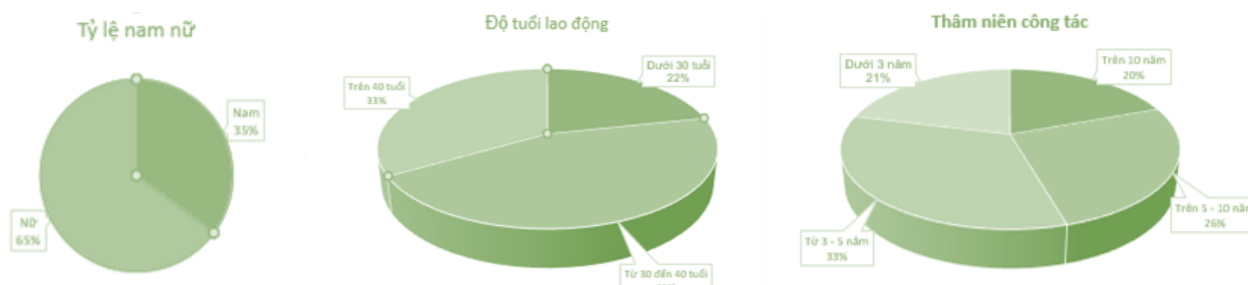
Với chiến lược đầu tư bài bản và định hướng phát triển bền vững, TVSI cam kết không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống CNTT, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.

QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Tối ưu nguồn lực

Năm 2024, vừa đối diện với những khó khăn nội tại và biến động từ thị trường tài chính – chứng khoán, TVSI đã triển khai nhiều giải pháp để đảm bảo bộ máy nhân sự ổn định, linh hoạt và phù hợp với định hướng chung.

Điều chỉnh cơ cấu nhân sự – Thích ứng với thực tiễn



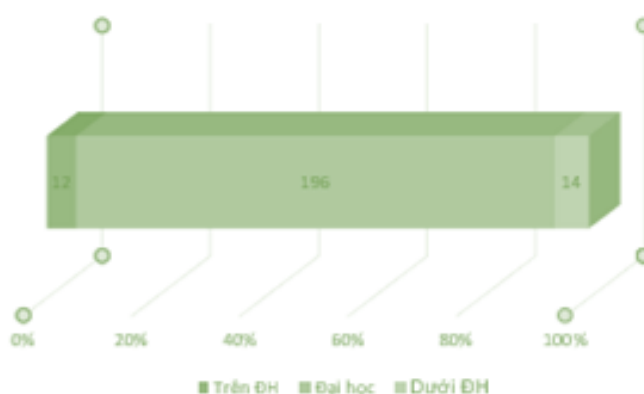
Những thay đổi về mô hình kinh doanh và chiến lược vận hành buộc TVSI tinh gọn bộ máy, sắp xếp lại nguồn lực để tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi. Công ty thực hiện rà soát nhân sự, tái cấu trúc đội ngũ theo hướng tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Việc tinh giản không chỉ nhằm giảm chi phí mà còn đảm bảo nguồn lực được phân bổ hợp lý, nâng cao hiệu suất làm việc của từng cá nhân và phòng ban.

Đào tạo và phát triển năng lực nhân sự

Linh hoạt ứng phó với sự thay đổi, TVSI đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

- Đẩy mạnh đào tạo nội bộ, tổ chức các khóa học chuyên sâu về chứng khoán, tài chính nhằm nâng cao năng lực chuyên môn.
- Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng cho nhân viên, tạo cơ hội thăng tiến và khuyến khích sự chủ động trong công việc.
- Luân chuyển nhân sự giữa các bộ phận nhằm mở rộng kỹ năng, tăng cường tính linh hoạt trong vận hành.

Trình độ nhân sự



Chính sách phúc lợi:

Mặc dù gặp nhiều thách thức, TVSI vẫn kiên trì duy trì các chính sách đãi ngộ nhằm giữ chân nhân tài và nâng cao tinh thần làm việc:

- Duy trì chế độ lương thường cạnh tranh, đảm bảo công bằng trong đánh giá hiệu suất; thực hiện tăng lương đúng lộ trình, tương xứng với khả năng và sức cống hiến của người lao động.
- Tăng các mức hỗ trợ, phụ cấp lao động – đảm bảo điều kiện làm việc và khuyến khích tinh thần của CBNV.
- Tiếp tục triển khai các chương trình chăm sóc, khám sức khỏe định kỳ cho CBNV
- Chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động luôn được đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

Gắn kết đội ngũ – phát triển văn hóa Công ty:

Ngay từ khi thành lập, Ban điều hành TVSI đã xác định 4 giá trị cốt lõi: **Chính trực – Sáng tạo – Tự chủ/Phân quyền – Dân chủ/Tôn trọng**, là quan điểm kinh doanh, phong cách quản lý, hành vi ứng xử trong và ngoài tổ chức. Những biến động nhân sự trong giai đoạn 2022-2023 không làm mai một chất văn hóa này nhờ những nỗ lực duy trì của Ban lãnh đạo Công ty và từng cán bộ nhân viên.

- Ban Lãnh đạo, cấp quản lý làm gương trong mọi hoạt động, chủ động kết nối, lắng nghe, cùng đưa ra các giải pháp, giúp nhân viên tháo gỡ khó khăn nghiệp vụ.
- Công đoàn Công ty chủ trương thường xuyên rà soát các trường hợp gia cảnh khó khăn, bệnh tật và có hành động hỗ trợ, động viên kịp thời.
- Các nhóm, cộng đồng "tương thân tương ái" được duy trì quy củ và hiệu quả, tạo môi trường cho cán bộ nhân viên ủng hộ, chia sẻ, giúp đỡ đồng nghiệp.
- Các ngày lễ lớn (Tết Dương lịch, Nguyên đán, Quốc tế phụ nữ, Tết Độc lập, Quốc Khánh...) và sự kiện kỷ niệm của TVSI (Ngày thành lập Công ty, Tổng kết năm, TVSI's Men's Day, Sinh nhật tháng...) cũng như các hoạt động gắn kết đội ngũ (Gặp gỡ đầu xuân, teambuilding hè, Ngày gia đình TVSI 1/6...) được tổ chức đồng đều toàn hệ thống, đảm bảo tiết kiệm và ấm cúng.
- Các kênh truyền thông nội bộ online (nhóm TTNB Facebook, email, Zalo) vận hành tích cực, sáng tạo, giúp gia tăng kết nối thông tin, gắn kết tình đồng nghiệp giữa các đơn vị Hội sở, giữa Hội sở và các Chi nhánh.

Định hướng năm 2025:

Song hành với định hướng **phát triển văn hóa doanh nghiệp bền vững** của Công ty, công tác quản trị nhân sự và phát triển nguồn nhân lực đặt mục tiêu **xây dựng đội ngũ nhân sự ưu tú** - tinh gọn và hiệu suất cao.

- Phát triển môi trường làm việc tích cực, minh bạch, khuyến khích sáng tạo và đổi mới.
- Giữ vững đội ngũ chuyên môn với chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt.
- Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao nghiệp vụ và phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận.
- Khuyến khích tự đào tạo, luân chuyển nội bộ để phát huy tối đa năng lực nhân viên.
- Tuyển dụng chọn lọc, thu hút nhân lực trẻ giàu nhiệt huyết.
- Ứng dụng công nghệ tối ưu vận hành, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

PHẦN V - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Bộ máy tổ chức hoạt động Hội đồng Quản trị
- Báo cáo hoạt động
- Định hướng 2025

2. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Bộ máy tổ chức hoạt động Ban kiểm soát
- Báo cáo hoạt động
- Định hướng 2025

3. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

- Tổng quan tình hình hoạt động Quản trị rủi ro năm 2024
- Định hướng hoạt động Quản trị rủi ro năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

I - Cơ cấu nhân sự của Hội đồng Quản trị:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày thành lập báo cáo này gồm:

- Bà Trần Thị Cẩm Hạnh – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/06/2023)
- Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
- Bà Tạ Thị Mai Hương – Thành viên HĐQT không điều hành (bổ nhiệm ngày 23/06/2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ báo cáo và đến ngày thành lập báo cáo này:

- Bà Trần Thị Cẩm Hạnh – Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/02/2024)

Năm 2024, Hội đồng Quản trị TVSI nhiệm kỳ Hoạt động định kỳ HĐQT thực hiện 13 cuộc họp và lấy ý kiến thành viên bằng văn bản theo đúng trình tự và quy định của pháp luật và ban hành 15 Nghị quyết Hội đồng Quản trị để thông qua các vấn đề, một số vấn đề nổi bật cụ thể như sau:

- Nghị quyết Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2024 (thực hiện theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông);
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị về việc sửa đổi cơ cấu tổ chức Công ty;
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị về việc thay đổi Tổng Giám đốc Công ty;
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Tạ Minh Phương;
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua phương án xử lý nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác chưa hoàn thành đối với Sở giao dịch chứng khoán khi thực hiện tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh của Công ty.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo thông qua nhiều chủ trương quan trọng và kịp thời để giải quyết những khó khăn trong giai đoạn khủng hoảng của Công ty nhằm đảm bảo cho hoạt động Công ty được thông suốt. Các Nghị quyết/ Quyết định được ban hành đều thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời không có xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT với lợi ích của Công ty.

II - Báo cáo đánh giá 2024 của HĐQT:

1. Đánh giá về hoạt động của Ban Điều hành (BDH)

Ban Điều hành đã thực hiện theo đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được phân công, phân cấp. Các thành viên BDH tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, Quy chế và Điều lệ Công ty;

BDH đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Đồng thời giám sát và chỉ đạo kịp thời các đơn vị kinh doanh, các phòng ban để hoàn thành kế hoạch kinh doanh;

Từ thời điểm tháng 10/2022 trước những thông tin tiêu cực về thị trường trái phiếu cũng như thông tin về việc Bộ Công an khởi tố vụ án và khởi tố bị can liên quan đến sai phạm trong việc phát hành trái phiếu và huy động tiền của Nhà đầu tư của Tập đoàn Đầu tư An Đông và Tập đoàn Vạn Thịnh Phát khiến cho nhà đầu tư khủng hoảng trầm trọng về niềm tin đối với trái phiếu doanh nghiệp. Các nhà đầu tư đồng loạt đòi bán ra trái phiếu kể cả bán trước hạn và không có nhà đầu tư mua. Trước những yếu tố bất khả kháng ập đến, HĐQT và BDH đã buộc phải quyết định tạm ngừng nhận chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp cho chính TVSI từ ngày 10/10/2022. Trước những biến cố của

Công ty, BDH đã có những báo cáo kịp thời và phối hợp với HĐQT để đưa ra những chỉ đạo quyết liệt, đồng thời xây dựng các phương án ứng phó linh hoạt kịp thời.

Trong giai đoạn 2023-2024, BDH tiếp tục chủ động theo sát diễn biến thị trường trái phiếu và hiện trạng từng tổ chức phát hành để các giải pháp phù hợp với từng gói trái phiếu và từng tổ chức phát hành, góp phần dần lấy lại lòng tin của nhà đầu tư. Trong giai đoạn này BDH đã tập trung hoàn thành phần lớn các mục tiêu, đảm bảo sự ổn định các hoạt động của Công ty và tạo tiền đề cho việc khôi phục các hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai. Nhiều sách lược đã được thực hiện quyết liệt, hiệu quả giúp đưa Công ty dần bước ra khỏi khó khăn, khủng hoảng. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh của Công ty trong giai đoạn trên còn nhiều khó khăn và thách thức và không đạt như kỳ vọng vì một số lý do đặc thù và riêng biệt của TVSI. Trong năm 2025, BDH cần tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng nhân sự và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực, nhằm tăng cường hiệu suất để tiếp tục đảm bảo sự ổn định các hoạt động của Công ty và tạo tiền đề cho việc khôi phục các hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

2. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2024

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục phức tạp với nhiều yếu tố rủi ro. Nợ công, thâm hụt ngân sách và khủng hoảng kinh tế tại một số quốc gia cũng ảnh hưởng đến tăng trưởng toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam đã chứng minh được sức mạnh linh hoạt trong việc vượt qua thách thức, duy trì sự tăng trưởng ổn định nhờ vào các chính sách kịp thời và sự phục hồi mạnh mẽ của các ngành trọng yếu. Chính điều này đã giúp thị trường vốn, đặc biệt là thị trường chứng khoán, dần phục hồi và mở ra những cơ hội đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư. Trước sự phục hồi của thị trường, BDH và toàn thể đội ngũ nhân viên Công ty đã nỗ lực triển khai các biện pháp cải thiện hiệu quả kinh doanh để đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, đáp ứng đúng quy định.

a. Kết quả hoạt động kinh doanh:

Mặc dù thị trường ghi nhận sự phục hồi trong năm 2024 nhưng vì một vài lý do riêng biệt mà hoạt động kinh doanh của TVSI đã không thể hoàn thành kế hoạch đề ra:

- Doanh thu hoạt động của TVSI đạt 171,07 tỷ đồng, giảm 21,95% so với năm 2023 (-48 tỷ đồng). Tuy nhiên, Công ty đã cải thiện đáng kể kết quả kinh doanh khi khoản thâm hụt trước thuế ở mức -59 tỷ đồng (thu hẹp **85%**), trong khi thâm hụt sau thuế giảm **83%**, xuống còn **-68 tỷ đồng**. Nhìn chung, dù doanh thu sụt giảm, nhưng nhờ kiểm soát tốt chi phí và thu hẹp đáng kể khoản thâm hụt tài chính, Công ty đang dần phục hồi.
- Các hoạt động kinh doanh của Công ty có biến động: Hoạt động môi giới chứng khoán, hoạt động lưu ký chứng khoán, hoạt động tư vấn tài chính giảm lần lượt là 22,07% (-8 tỷ đồng), 76,20% (-22 tỷ đồng), 72,96% (-2 tỷ đồng) so với năm 2023.

b. Quản trị

- Sửa đổi cơ cấu tổ chức với mục tiêu tinh gọn, chuyên biệt hóa các chức năng, nâng cao hiệu quả vận hành trong các phòng ban/đơn vị; đồng thời đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh, đưa ra nhiều sản phẩm, dịch vụ để phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Liên tục kiểm tra, rà soát, cập nhật các quy trình hiện tại, và bổ sung các quy trình, quy chế mới, phù hợp với thực tiễn hoạt động, tập trung chú trọng tính chuyên nghiệp trong quá trình tương tác nội bộ giữa các phòng ban cũng như các khách hàng.
- Công tác quản trị rủi ro luôn được chú trọng và thực hiện định kỳ; các đợt kiểm tra, rà soát nội bộ thường xuyên được triển khai nhằm phát hiện sớm các rủi ro trọng yếu để khắc phục kịp thời và phòng ngừa trước khả năng xảy ra.
- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của TVSI trong năm ở mức an toàn, 206,74% vượt ngưỡng 180% theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Nỗ lực giải quyết vấn đề trái phiếu doanh nghiệp

III - Định hướng hoạt động năm 2025:

Kết thúc một năm biến động của thị trường chứng khoán, chỉ số Vnindex kết thúc ở mức 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với đầu năm, đánh dấu hai năm liên tiếp tăng điểm (năm 2023 tăng 12,2%).

VN-Index năm 2024 tăng trưởng nhưng không ổn định, chủ yếu do sự phân hóa giữa các ngành và tác động của bất ổn kinh tế toàn cầu. Chính sách tiền tệ thắt chặt, lạm phát cao, cùng sự biến động mạnh của các cổ phiếu lớn khiến thị trường dao động. Tâm lý thận trọng của nhà đầu tư cũng làm cho sự phục hồi trở nên chậm và không đồng đều. HĐQT nhận định được những khó khăn của thị trường chứng khoán và đặt ra mục tiêu kinh doanh thận trọng cho năm 2025: “*Tiếp tục giải quyết vấn đề về Trái phiếu và khôi phục ổn định các hoạt động kinh doanh*”. Các chỉ tiêu kinh doanh và định hướng cụ thể cho năm 2025 như sau:

Các chỉ tiêu kinh doanh: (ĐV: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	KH 2025	TH 2024	% KH/TH 2024
Doanh thu	124,003	170,887	73%
Chi phí	122,476	229,428	53%
Lợi nhuận trước thuế	1,527	(58,681)	
Lợi nhuận sau thuế	1,222	(68,476)	

- **Mảng kinh doanh chứng khoán cơ sở:** Với định hướng phát triển bền vững, đặt mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng dư nợ thông qua việc xây dựng các gói sản phẩm tài chính và chính sách lãi suất linh hoạt, phù hợp với từng nhóm nhà đầu tư. Chú trọng duy trì sự ổn định với nhà đầu tư chứng khoán cơ sở hiện có và tận dụng tối đa các cơ hội mở rộng tệp nhà đầu tư mới.
- **Mảng kinh doanh trái phiếu:** Tiếp tục giám sát chặt chẽ tổ chức phát hành, đảm bảo mua lại trái phiếu đúng kế hoạch, tuân thủ quy định, đồng thời hoàn thiện hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ, nâng cao minh bạch, ổn định và đạt mục tiêu tài chính.
- **Tối ưu hóa, dịch vụ và nâng cao chất lượng sản phẩm:** Cải tiến hệ thống giao dịch và phát triển công cụ phân tích tự động bằng AI, giúp nhà đầu tư tiếp cận thông tin và dự báo thị trường nhanh chóng. Tập trung phát triển các ứng dụng số tự động giúp đơn giản hóa giao dịch, quản lý tài sản và theo dõi danh mục đầu tư. Tích hợp các công cụ hỗ trợ đầu tư thông minh, nâng cấp giao diện thân thiện, mở rộng kênh hỗ trợ khách hàng trực tuyến nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng. Đồng thời, chú trọng quản trị rủi ro, tối ưu hóa hệ thống để đảm bảo an toàn và gia tăng lợi ích cho nhà đầu tư.
- **Phát triển văn hóa doanh nghiệp bền vững:** Môi trường làm việc tại TVSI được xây dựng trên nền tảng tích cực, tôn trọng và minh bạch, nơi mỗi cá nhân được khuyến khích sáng tạo đổi mới để phát huy tối đa năng lực, phát triển nghề nghiệp. Nâng cao truyền thông nội bộ, các hoạt động gắn kết nội bộ được tổ chức giúp tăng cường sự đoàn kết, tạo động lực làm việc, gắn kết và xây dựng môi trường làm việc: Trẻ trung – Sáng tạo – Đoàn kết.
- **Xây dựng đội ngũ nhân sự ưu tú:** Tập trung vào công tác đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn giúp nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ nhân sự. Đồng thời có những chiến lược, chính sách thu hút nguồn nhân lực ưu tú, nhiệt huyết và kinh nghiệm.



• BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kỳ hoạt động từ tháng 1/2024 đến tháng 12/2024

1. Cơ cấu hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát (BKS) của TVSI gồm 3 thành viên: 01 trưởng ban, 02 thành viên. Thông tin về thành viên BKS năm 2024 của TVSI như sau:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	 Bà Đặng Thị Minh Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	23/06/2023	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán; Chứng chỉ Kiểm toán viên
2	 Bà Đỗ Ngọc Hoàng Yến	Thành viên Ban kiểm soát	Tái bầu ngày 23/06/2023	Thạc sĩ ngành Tài chính Ngân hàng
3	 Ông Trần Duy Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	01/12/2022	Cử nhân Luật Kinh tế

2. Hoạt động năm 2024 của BKS:

BKS đã tổ chức 03 cuộc họp với sự tham gia của các thành viên trong BKS

Thời gian	Nội dung	Kết quả
Tháng 4/2024	Đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2023 theo NQ ĐHĐCĐ. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán	Thông nhất thông qua báo cáo đánh giá theo BB hợp Thông nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán
Tháng 6/2024	Đánh giá hoạt động của BKS năm 2023 và thông qua Báo cáo hoạt động của BKS cho kỳ hoạt động từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2024	Thông nhất thông qua báo cáo đánh giá theo BB hợp. Thông nhất thông qua Báo cáo hoạt động của BKS theo BB hợp
Tháng 8/2024	Thông qua Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2024 đã được soát xét	Thông nhất thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên 2024 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2024 đã được soát xét.

Hoạt động của BKS thực hiện theo quy định của điều lệ TVSI, Kế hoạch hoạt động BKS năm 2024 và tuân thủ theo pháp luật.

Các hoạt động chính của Ban kiểm soát thực hiện trong năm 2024 như sau:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Quyết định của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Tổng giám đốc trong năm 2024;
- Giám sát HĐQT, Ban Điều Hành trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc lập các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2024.

3. Kết quả công tác giám sát của BKS:

3.1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2024, HĐQT thực hiện 13 cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản theo đúng trình tự và quy định của pháp luật và ban hành 15 Nghị quyết HĐQT để thông qua các vấn đề. Các nội dung phù hợp với nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo Quy chế, Điều lệ của TVSI;
- Trong kỳ báo cáo, HĐQT đã chỉ đạo thông qua nhiều chủ trương quan trọng trong đó có thông qua các quyết định/Nghị quyết để hoàn thiện cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao, thông qua việc đóng cửa một số chi nhánh để thu hẹp quy mô hoạt động để tiết kiệm chi phí, đồng thời ban hành các Nghị quyết để phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Ban kiểm soát đánh giá các hoạt động trên của HĐQT là cần thiết và kịp thời để giải quyết những khó khăn trong giai đoạn khủng hoảng của Công ty nhằm đảm bảo cho hoạt động Công ty được thông suốt.
- Các Nghị quyết/ Quyết định được ban hành đều thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT;
- Các thành viên HĐQT tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời không có xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT với lợi ích của Công ty.

3.2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Điều Hành (BDH)

- BDH đã thực hiện theo đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được phân công, phân cấp. Các thành viên BDH tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, Quy chế và Điều lệ Công ty;
- BDH đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Đồng thời giám sát và chỉ đạo kịp thời các đơn vị kinh doanh, các phòng ban để hoàn thành kế hoạch kinh doanh;
- Từ thời điểm tháng 10/2022, trước những thông tin tiêu cực về thị trường trái phiếu cũng như thông tin về việc Bộ Công an khởi tố vụ án Vạn Thịnh Phát giai đoạn 2, BDH đã có những báo cáo kịp thời và phối hợp với HĐQT để đưa ra những chỉ đạo quyết liệt. Đồng thời BDH xây dựng các phương án ứng phó linh hoạt kịp thời để khắc phục những khó khăn của Công ty trong giai đoạn từ cuối năm 2022 đến nay; thực hiện chỉ đạo, giám sát các phòng ban chức năng nghiêm túc thực hiện các Quyết định của BDH.
- BDH không có xung đột lợi ích với HĐQT và với lợi ích của Công ty.

3.3 Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và BDH

- Ban kiểm soát đã được Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị của Công ty. Đồng thời, BKS thực hiện trao đổi với HĐQT và BDH về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua và đặc biệt các phương án ứng phó để khắc phục những biến cố xảy ra đối với Công ty.

3.4 Thẩm định Báo cáo tài chính

- Việc tổ chức công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành;
- Tại Báo cáo tài chính năm 2023 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm Toán và tư vấn UHY đã đưa ra ý kiến ngoại trừ và vấn đề cần nhấn mạnh (Chi tiết tại Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán được đăng tải trên website tại địa chỉ <https://www.tvsi.com.vn/financial-report.html>).

Tại Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2024 đã được soát xét, Công ty TNHH Kiểm Toán và tư vấn UHY đã đưa ra kết luận ngoại trừ và vấn đề cần nhấn mạnh (Chi tiết tại Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét được đăng tải trên website tại địa chỉ <https://www.tvsi.com.vn/financial-report.html>).

Ngoại trừ vấn đề ngoại trừ và vấn đề nhấn mạnh trong Báo cáo kiểm toán độc lập và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ nêu trên, BKS không phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính, kế toán thống kê trong kỳ. Công ty đã công bố đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định.

3.5. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024

Về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024:

Chỉ tiêu	Năm 2024 (Tỷ đồng)	Năm 2023 (Tỷ đồng)	Tăng/(Giảm)	
			Giá trị (Tỷ đồng)	%
Doanh thu (Doanh thu hoạt động và thu nhập khác)	171,07	219,19	(48,12)	-22%
Chi phí (Tổng chi phí và chi phí khác)	229,75	613,535	(383,785)	-63%
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế TNDN	(58,68)	(394,345)	335,665	-85%
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN	(68,476)	(397,921)	329,445	-83%

Đánh giá: Trước những biến cố của Công ty trong năm 2022 và năm 2023, HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể đội ngũ nhân viên Công ty đã nỗ lực hết sức để hoạt động kinh doanh được diễn ra liên tục và khắc phục các khó khăn. Kết quả kinh doanh năm 2024 đã giảm 85% lỗ so với năm 2023.

- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại ngày 31/12/2024 của Công ty là 206,74% đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định.
- Hiện Công ty có 03 Chi nhánh gồm: CN. Hồ Chí Minh, CN. Đà Nẵng và CN. Hải Phòng.

4. Trọng tâm kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2025:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của BKS, BKS xác định trọng tâm hoạt động trong năm 2025 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và điều lệ trong việc quản trị, điều hành Công ty.
- Giám sát HĐQT và BDH Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.
- Phối hợp nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ năm 2024.
- Thẩm định, giám sát quá trình lập và kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2024. Rà soát các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
- Kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

A - TỔNG QUAN TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2024:

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam phải đối mặt với nhiều yếu tố bất ổn từ bên ngoài như diễn biến lãi suất tại các quốc gia lớn, dòng vốn đầu tư rút ròng tại các thị trường mới nổi với việc nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục. Tuy nhiên, những yếu tố này cũng là cơ hội cho các nhà đầu tư có chiến lược dài hạn, khi thị trường Việt Nam được đánh giá có định giá rẻ hơn và cơ hội phát triển trong dài hạn.

Năm 2024 VN-Index ghi nhận mức tăng trưởng khoảng 12% so với năm 2023, không duy trì đà tăng mạnh mẽ liên tục mà có những đợt điều chỉnh trong năm. Thanh khoản được cải thiện và nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục quan tâm đến thị trường khi tổng số tài khoản chứng khoán cá nhân đạt khoảng 9,3 triệu, chiếm hơn 9% dân số Việt Nam. Chính sách của Nhà nước tiếp tục được cải thiện để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đặc biệt là việc triển khai **Thông tư 68/2024/TT-BTC**, giúp tăng cường minh bạch thông tin và thu hút nhà đầu tư quốc tế.

Trong năm qua, TVSI tiếp tục đối mặt với một loạt các thách thức lớn. Khủng hoảng thị trường trái phiếu doanh nghiệp từ năm 2022 và những khó khăn trong phát triển hoạt động kinh doanh đã đặt công ty vào tình thế khó khăn, đối mặt rủi ro về thanh khoản. Tuy nhiên, TVSI đã có giải pháp xuyên suốt để duy trì được hoạt động ổn định và cải thiện dần về thanh khoản và nghĩa vụ với khách hàng để dần phục hồi. Đội ngũ nhân sự tinh gọn, giàu kinh nghiệm giúp Công ty vượt qua khó khăn, chuẩn bị cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Hoạt động quản trị rủi ro ở TVSI tiếp tục được thực hiện theo mô hình “**ba tuyến phòng thủ**” gồm:

- **Lớp phòng thủ thứ nhất:** Các đơn vị kinh doanh và vận hành nghiệp vụ và hệ thống công nghệ thông tin.
- **Lớp phòng thủ thứ hai:** Phòng Quản trị rủi ro.
- **Lớp phòng thủ thứ ba:** Bộ phận kiểm toán, Kiểm soát nội bộ.

Phân định vai trò, trách nhiệm rõ ràng ngay từ lớp phòng thủ thứ nhất đảm bảo hoạt động của Công ty an toàn, minh bạch. Hoạt động của bộ phận Quản trị Rủi ro luôn đảm bảo tính độc lập, có tính dự báo, đồng thời có trách nhiệm báo cáo và giải trình với Ban Điều hành kịp thời để có chính sách phù hợp.

I - Quy trình Quản trị rủi ro tại TVSI:

1. Xác định rủi ro

TVSI xác định các rủi ro dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu quá khứ và phân tích xu hướng diễn tiến các yếu tố rủi ro để xác định rủi ro tiềm ẩn xảy ra trong tương lai. Các phòng/ ban/ bộ phận trong Công ty đều có trách nhiệm nhận diện rủi ro, gửi các thông tin định kỳ đến Phòng Quản trị Rủi ro để tổng hợp, phân tích và nhận diện.

2. Đo lường rủi ro

TVSI sử dụng phương pháp định tính và định lượng cho từng loại rủi ro cụ thể. Với mỗi phương pháp đều được trao đổi cụ thể với bộ phận xử lý nghiệp vụ liên quan nhằm xác định rõ tính hiệu quả và ý nghĩa. Với các phương pháp khác nhau, TVSI đều có những tiêu chuẩn xác định cụ thể được nêu trong quy trình quản trị rủi ro.

3. Theo dõi rủi ro

Các phòng ban nghiệp vụ tập trung theo dõi rủi ro tại bộ phận dựa trên những rủi ro mà phòng Quản trị rủi ro đã lưu ý và cảnh báo. Bộ phận Quản trị rủi ro theo dõi thông qua các chỉ số đã được lượng hóa, đặt các hạn mức rủi ro, các rủi ro và các mốc cảnh báo. Đồng thời, bộ phận Quản trị rủi ro tính toán dựa trên các dữ liệu có sẵn và đưa ra các kịch bản, xu hướng và kế hoạch để giảm thiểu rủi ro. Khi rủi ro đã có dấu hiệu vượt quá kiểm soát hoặc ở ngưỡng cao, Quản trị rủi ro phối hợp kịp thời với các bộ phận liên quan đưa ra kế hoạch cụ thể để đưa trạng thái rủi ro về mức an toàn.

4. Báo cáo rủi ro

TVSI duy trì hệ thống báo cáo rủi ro bằng hệ thống theo dõi cảnh báo tức thì với những diễn biến thị trường chứng khoán và định kỳ hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm. Các chỉ tiêu cũng thường xuyên cải tiến báo cáo để bắt kịp xu hướng thay đổi hiện tại với nỗ lực đưa các báo cáo được thực hiện định kỳ với khung thời gian thấp nhất để có thể cảnh báo kịp thời tới các bộ phận liên quan. Đồng thời, Phòng Quản trị Rủi ro luôn thể hiện báo cáo với các xu hướng được trải dài qua từng thời kỳ và nhận định các rủi ro đang đối mặt hoặc tiềm ẩn trong tương lai.

5. Xử lý rủi ro

TVSI xử lý rủi ro dựa trên mức độ nghiêm trọng, tần suất xuất hiện, đặc điểm và chi phí của từng loại rủi ro. Công ty xây dựng các kịch bản có sẵn để xử lý rủi ro khi gặp phải. Bên cạnh đó, với những rủi ro chưa có kịch bản hoặc chưa thể tiên lượng, Phòng Quản trị Rủi ro kết hợp cùng các bộ phận liên quan thống nhất về cách thức xử lý rủi ro.

Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

- Tập trung rủi ro trọng yếu mức độ ảnh hưởng lớn đến hệ thống
- Giảm thiểu rủi ro
- Chia sẻ rủi ro
- Chấp nhận rủi ro

II - Hoạt động quản trị rủi ro chính:

Trong năm 2024, các loại rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh, tài chính và danh tiếng của TVSI là: Rủi ro Thanh toán và Rủi ro Thanh khoản, Rủi ro Hoạt động, Rủi ro Pháp lý & Tuân thủ, Rủi ro Thị trường và Rủi ro thương hiệu.

1. Rủi ro Thanh toán và Rủi ro Thanh khoản

Đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán, Thanh toán và Thanh khoản là hai rủi ro lớn nhất mà ngành tài chính chứng khoán phải đối mặt và đảm bảo đến mức tối đa. Rủi ro này trong nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản như cam kết hoặc không thể thực hiện thanh toán khi hợp đồng tài sản mà công ty cam kết nghĩa vụ mua lại đúng hạn.

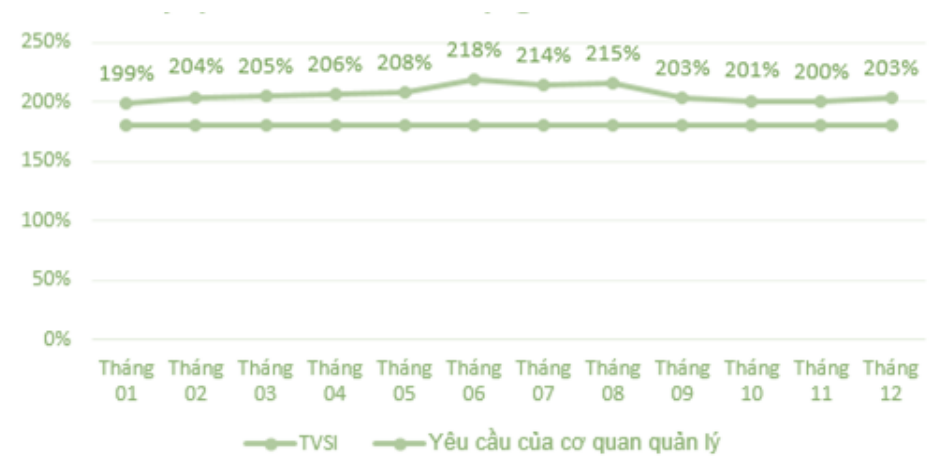
Công ty đã thực hiện các hoạt động sau để phòng ngừa rủi ro thanh toán:

- Quy chế Giao dịch ký quỹ cho hoạt động cho vay quy định rõ ràng về hạn mức cho vay, tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo, cách thức xử lý tài sản và thông báo đến khách hàng, đối tác.
- Quy trình xếp hạng, phân loại tài sản nhằm đảm bảo tài sản đảm bảo của các đối tác được dùng để ký quỹ cho vay là những tài sản giá trị, dễ dàng thu hồi và có tính thanh khoản cao và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

TVSI cũng phải đối mặt với rủi ro khi các khoản tiền gửi của TVSI tại Ngân hàng thương mại vẫn đang bị phong tỏa ảnh hưởng tới khả năng thanh toán hợp đồng trái phiếu:

- Công ty nỗ lực làm việc với các cơ quan chức năng nhằm sớm giải quyết vấn đề phong tỏa các khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại. Đồng thời lên các kế hoạch tài chính, cân đối nguồn tiền, tài sản ngắn hạn cho phù hợp với hoạt động kinh doanh.
- TVSI tiến hành đàm phán với nhà đầu tư cũng như làm việc với bên Tổ chức phát hành để đưa ra lộ trình chi trả hợp lý và đã đạt được kết quả đáng kể trong giảm nghĩa vụ thanh toán, tăng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Tỷ lệ vốn an toàn khả dụng của TVSI năm 2024



Với Rủi ro Thanh khoản đi liền với Rủi ro Thanh toán, TVSI thực hiện:

- Theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán trong hiện tại và tương lai, chủ động xây kế hoạch dự phòng lượng tiền mặt cần thiết.
- Danh mục đầu tư tự doanh cổ phiếu phù hợp nhằm đảm bảo danh mục có thể chuyển đổi thành tiền trong thời gian ngắn nhất kể cả trong điều kiện thị trường khủng hoảng.
- Theo dõi các chính sách trái phiếu, làm việc với khách hàng để giải đáp thắc mắc và hướng đến giải tỏa dần nghĩa vụ với khách hàng để giảm thiểu rủi ro thanh khoản.

2. Rủi ro Hoạt động

TVSI luôn đánh giá rủi ro hoạt động là một trong những rủi ro hàng đầu cần được kiểm soát, các nguyên nhân đến từ việc vận hành không tốt các hệ thống, quy trình... TVSI đã sử dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro như sau:

- Xây dựng các quy chế, quy định và các văn bản hướng dẫn nhằm đảm bảo chặt chẽ công tác quản lý, hoạt động trong các bộ phận cũng như liên kết trong Công ty. Các văn bản nêu rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đồng thời cũng quy định chi tiết nhiệm vụ, chức năng trong công việc.
- Dựa trên các quy chế, quy trình đã có, các bộ phận thực hiện nhằm kiểm soát các hoạt động diễn ra trong ngưỡng cho phép và hướng đến mục tiêu giảm dần nghĩa vụ với khách hàng.
- TVSI ghi nhận và thống kê các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động, đánh giá từng lỗi theo mức độ nghiêm trọng và tần suất phát sinh nhằm xác định mức độ ưu tiên xử lý khắc phục đặc biệt trong hệ thống Công nghệ thông tin đang trong trào lưu bị tấn công mã hoá trên toàn cầu.
- Nâng cao tính thực thi và hiệu quả trong công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên/định kỳ.
- Công ty không chấp nhận những hành động cố tình làm sai dẫn đến mất mát cho khách hàng, thiệt hại nghiêm trọng đến Công ty và luôn có những cam kết, quy chế đến từng nhân viên để cảnh báo những hành động này.

3. Rủi ro Pháp lý và Tuân thủ

Trong môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp, rủi ro pháp lý là một trong những yếu tố có tác động trực tiếp đến hoạt động và uy tín của doanh nghiệp. Những rủi ro này có thể xuất phát từ sự thay đổi của các quy định pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng kinh doanh hoặc tranh chấp pháp lý. Nhận thức rõ điều này, TVSI luôn chú trọng xây dựng hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro pháp lý nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và bảo vệ tối đa quyền lợi của Công ty cũng như khách hàng, cụ thể:

- **Cập nhật và phổ biến quy định pháp luật:** TVSI thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý mới, không chỉ trong lĩnh vực chứng khoán mà còn mở rộng đến các lĩnh vực có liên quan như doanh nghiệp, dân sự, kế toán, thuế, lao động... Thông tin này được phổ biến đến Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các phòng ban nhằm đảm bảo sự tuân thủ trong toàn bộ hoạt động của Công ty. Đối với các quy định chưa rõ ràng, Phòng Pháp chế đóng vai trò đầu mối làm việc với các cơ quan quản lý để đảm bảo việc thực thi đúng và hiệu quả.
- **Kiểm soát rủi ro trong giao kết hợp đồng:** Công ty áp dụng quy trình rà soát pháp lý chặt chẽ trước khi ký kết hợp đồng, cam kết hoặc thỏa thuận với đối tác, khách hàng. Quá trình này bao gồm việc kiểm tra hồ sơ, đánh giá năng lực pháp lý của đối tác và phân tích các điều khoản trọng yếu nhằm hạn chế rủi ro tiềm ẩn.
- **Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nội bộ:** TVSI không ngừng cải tiến các quy định nội bộ nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động. Các quy trình nghiệp vụ, hợp đồng mẫu và điều khoản chuẩn đều được chuẩn hóa để phù hợp với các yêu cầu pháp lý, giúp tối ưu hóa hiệu quả quản trị rủi ro.
- **Chủ động thích ứng với thay đổi pháp luật:** Trong bối cảnh khung pháp lý liên tục thay đổi để đáp ứng nhu cầu thị trường, TVSI chủ động theo dõi và phân tích tác động của các quy định mới ngay từ giai đoạn dự thảo. Công ty cũng tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng chính sách, phối hợp cùng các hiệp hội ngành để đề xuất các giải pháp thực tiễn, giúp doanh nghiệp và nhà đầu tư thích ứng nhanh chóng với những thay đổi từ cơ quan quản lý. Công ty luôn hướng tới việc thực hiện đúng hướng dẫn của pháp luật và các cơ quan quản lý.
- **Định kỳ rà soát các văn bản, quy trình nội bộ** và thường xuyên bổ sung các văn bản mới phù hợp với hoạt động kinh doanh cũng như quy định hiện tại của pháp luật. Đồng thời, hoạt động đào tạo hướng dẫn quy trình tới các bộ phận nghiệp vụ nhằm đảm bảo tuân thủ hoạt động.
- **Hợp tác chặt chẽ với các Cơ quan chức năng** trong việc báo cáo, công bố thông tin và hỗ trợ các đoàn thanh tra, kiểm tra các giao dịch bất thường.
- **Thành lập Ban xử lý khiếu nại.** Xây dựng quy trình xử lý khiếu nại, cập nhật liên tục các sự cố và khiếu nại phát sinh, phân tích để đưa ra giải pháp hài hòa nhất trên cơ sở luôn đảm bảo quyền lợi của Nhà đầu tư.
- Phòng Quản trị Rủi ro kết hợp với bộ phận Kiểm soát Nội bộ **thường xuyên rà soát, kiểm tra tuân thủ của các Phòng/Ban/Bộ phận** theo định kỳ hoặc khi có phát sinh bất thường một cách chặt chẽ. Từ đó đưa ra những đề xuất cải tiến, thay đổi quy trình làm việc khi có những vướng mắc phát sinh, đồng thời sẵn sàng xử lý các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

4. Rủi ro Thị trường

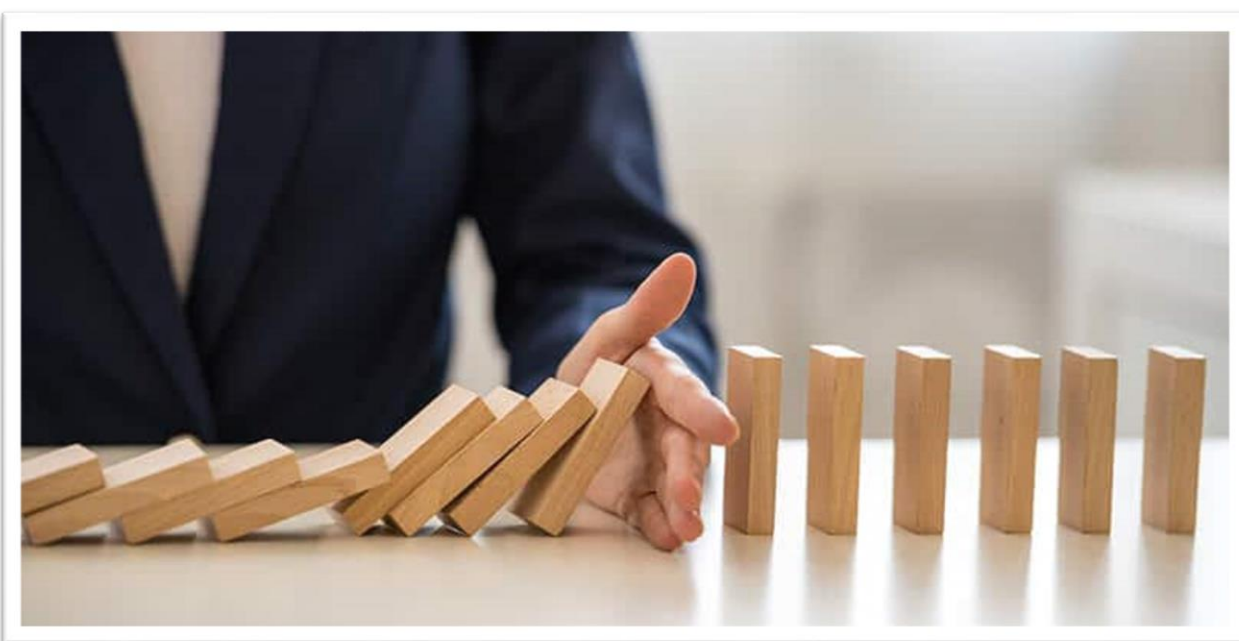
Các hoạt động chính tiềm ẩn rủi ro thị trường bao gồm hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu. Để giảm thiểu rủi ro từ các nghiệp vụ này, Công ty duy trì công tác đánh giá rủi ro chuyên sâu phân hạng cổ phiếu với sự kết hợp chặt chẽ của các bộ phận liên quan nhằm đánh giá, nhận định xu hướng, dự báo thị trường, đưa ra định mức, chiến lược phân tích rủi ro, hệ thống cảnh báo và xử lý rủi ro.

- Giám sát tình hình cho vay và tài sản đảm bảo, Công ty luôn cố gắng phân bổ dư nợ đa dạng theo mã và theo khách hàng, tránh tập trung rủi ro.
- Lựa chọn đầu tư những tài sản chất lượng tốt, quy định về hạn mức đầu tư với từng nhóm, ngành, loại tài sản và tuân thủ quy định về giới hạn đầu tư.

- Tích cực đàm phán với các Tổ chức phát hành để đưa ra hướng xử lý thanh toán đối với trái phiếu đến hạn, chính sách gia hạn hợp lý để thu hồi khoản đầu tư nắm giữ.

5. Rủi ro Thương hiệu

TVSI nhận thức rõ ràng rằng thương hiệu không chỉ là yếu tố nhận diện, mà còn là một tài sản vô giá của Công ty. Trong bối cảnh sự kiện trái phiếu, thương hiệu của TVSI đã phải đối mặt với những ảnh hưởng tiêu cực rộng khắp. Tuy nhiên, Công ty luôn kiên định và quyết tâm tập trung vào việc cung cấp các dịch vụ tận tâm, tiện ích, và trung thực, tất cả nhằm mục đích tối đa hóa lợi ích cho khách hàng. Đặc biệt, TVSI tập trung xử lý triệt để các vấn đề trái phiếu, cho khách hàng thấy được tinh thần trách nhiệm cũng như hành xử chuyên nghiệp, minh bạch - từ đó dần lấy lại lòng tin của khách hàng.



B - ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2025:

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam hứa hẹn sẽ phát triển mạnh mẽ với nhiều cơ hội đầu tư hấp dẫn cùng với chuyển biến, cải cách rộng lớn trong nền kinh tế và các quy định trong ngành chứng khoán. Đặc biệt, việc hướng tới nâng hạng thị trường, đưa hệ thống giao dịch mới KRX, cải thiện thanh khoản và sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài sẽ là các yếu tố then chốt thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán trong năm tới.

Để phù hợp với điều kiện hiện tại của TVSI và xu hướng phát triển của ngành, Công ty sẽ tập trung vào hoạt động về quản trị rủi ro phù hợp với các tiêu chuẩn, tăng cường ứng dụng công nghệ, tự động hóa để cải thiện hiệu quả, tính chính xác trong việc giám sát và phòng ngừa các rủi ro.

Cập nhật và điều chỉnh các quy trình, quy định, quy chế và văn bản nội bộ của Công ty đảm bảo rằng Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, đồng thời đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty trong các tình huống thay đổi.

PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

- 1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc**
- 2. Báo cáo Kiểm toán độc lập**
- 3. Báo cáo tình hình tài chính**
- 4. Báo cáo kết quả hoạt động**
- 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- 6. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu**
- 7. Thuyết minh Báo cáo tài chính**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo và đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Cẩm Hạnh	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Thành viên
Bà Tạ Thị Mai Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Cẩm Hạnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/02/2024
Ông Nguyễn Việt Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2024
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2024

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Minh Hạnh	Trưởng ban
Bà Đỗ Ngọc Hoàng Yến	Thành viên
Ông Trần Duy Hưng	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Phí Thị Bích Ngọc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Cẩm Hạnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm và được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thị Cẩm Hạnh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14/3/2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế

toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của việc đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho việc vi phạm hợp đồng mua lại Trái phiếu đến hạn nhưng không thực hiện khoảng 711 tỷ đồng (số đã trích lập tại 31/12/2023 khoảng 642,5 tỷ đồng) giá trị tối đa nghĩa vụ hợp đồng vi phạm theo tổng giá trị các hợp đồng mua lại là hơn 10.002 tỷ đồng vì cho rằng: Việc vi phạm của Công ty thuộc trường hợp bất khả kháng theo quy định trong hợp đồng nên trong quá trình giải quyết tranh chấp Công ty có thể thương lượng để không bị phạt vi phạm ở mức tối đa và Công ty chỉ bồi thường khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi không đánh giá được mức phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại tiềm tàng (nếu có) của Công ty cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Trong quá trình kinh doanh, Công ty thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (“Trái phiếu”) từ các tổ chức phát hành và các nhà đầu tư sau đó mua đi bán lại với các nhà đầu tư. Đồng thời, Công ty đã ký hợp đồng mua lại một số Trái phiếu đã bán cho các nhà đầu tư theo một mức giá xác định vào một ngày xác định trong tương lai. Tổng mệnh giá các Trái phiếu Công ty đã ký Hợp đồng mua lại đến ngày 31/12/2024 là trên 10.002 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là khoảng trên 16.491 tỷ đồng) (trong đó số đã đến hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 mà chưa thanh toán được khoảng hơn 10.002 tỷ đồng, số đã đến hạn thanh toán tại ngày 01/01/2024 là 16.062 tỷ đồng). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, tổng mệnh giá trái phiếu Công ty đã ký hợp đồng mua lại còn khoảng 9.580 tỷ đồng (trong đó số đã đến hạn thanh toán mà chưa thanh toán được khoảng 9.580 tỷ đồng). Tuy nhiên, hiện nay Công ty không thực hiện được việc thanh toán cho Bên chuyển nhượng và gửi thông báo đến các nhà đầu tư là sẽ không thực hiện giao dịch này. Đồng thời, Công ty đang thực hiện đàm phán lại với các nhà đầu tư về việc hủy hợp đồng mua lại hoặc gia hạn thời gian mua lại Trái phiếu tương ứng với thời gian đáo hạn Trái phiếu của Tổ chức phát hành. Tuy nhiên việc đàm phán này chưa có kết quả cụ thể. Công ty không ghi nhận các khoản trái phiếu nêu trên vào báo cáo tài chính này. Do đó, các nhà đầu tư vẫn đang thực hiện các quyền sở hữu và quyền định đoạt của trái chủ đối với số trái phiếu này.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Từ năm 2022, số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng; và số dư chứng chỉ tiền gửi của Công ty tại SCB không giao dịch được. Tại ngày 31/12/2024, số dư tiền gửi của Công ty tại SCB không giao dịch được là khoảng 1.625,2 tỷ đồng, bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán khoảng 888,6 tỷ đồng và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng khoảng 736,6 tỷ đồng; số dư chứng chỉ tiền gửi không giao dịch được của Công ty tại SCB là khoảng 29 tỷ đồng. Công ty đã gửi các văn bản đến các Cơ quan chức năng liên quan và SCB đề nghị khôi phục lại giao dịch các tài khoản của Công ty tại SCB để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của Công ty và nhà đầu tư. Tuy nhiên, Công ty chưa nhận được phản hồi từ các cơ quan chức năng và SCB.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
GCN ĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1



Hoàng Thị Nga
Kiểm toán viên
GCN ĐKHN kiểm toán số: 4079-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.005.594.771.497	3.972.551.282.518
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		3.999.967.574.913	3.967.328.724.460
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	1.872.553.813.578	1.940.920.298.451
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>1.857.553.813.578</i>	<i>1.940.920.298.451</i>
Các khoản tương đương tiền	111.2		15.000.000.000	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	1.734.065.835.867	1.829.091.767.926
Các khoản cho vay	114	8	408.445.226.758	214.395.265.269
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(16.794.471.751)	(19.268.756.008)
Các khoản phải thu	117	9	89.453.877	58.221.000
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>89.453.877</i>	<i>58.221.000</i>
Trả trước cho người bán	118	9	2.390.473.923	1.893.854.830
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	9	3.291.505.151	3.398.137.990
Các khoản phải thu khác	122	9	31.361.114.780	31.345.312.272
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	10	(35.435.377.270)	(34.505.377.270)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		5.627.196.584	5.222.558.058
Tạm ứng	131		356.554.614	292.356.714
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		1.002.148.627	1.002.468.258
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	4.268.493.343	3.927.733.086
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.028.062.612	54.910.702.266
Tài sản cố định	220		5.869.212.267	20.554.782.578
Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.947.277.184	15.206.059.483
- Nguyên giá	222		54.205.627.091	54.618.506.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(50.258.349.907)	(39.412.447.098)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.921.935.083	5.348.723.095
- Nguyên giá	228		27.998.146.912	27.998.146.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(26.076.211.829)	(22.649.423.817)
Tài sản dài hạn khác	250		24.158.850.345	34.355.919.688
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.665.196.300	2.232.349.555
Chi phí trả trước dài hạn	252	11	266.535.045	140.350.790
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	21.227.119.000	21.896.677.186
Tài sản dài hạn khác	255		-	10.086.542.157
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.035.622.834.109	4.027.461.984.784

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		819.008.751.642	742.371.998.114
Nợ phải trả ngắn hạn	310		805.298.221.068	738.451.621.047
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	15	33.491.220.485	34.300.837.466
Phải trả người bán ngắn hạn	320		414.909.000	260.602.170
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.434.000.000	1.549.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	4.627.508.247	5.766.716.348
Phải trả người lao động	323		11.402.512.567	10.602.252.407
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		851.375.651	108.522.347
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	15.632.986.212	16.232.317.495
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		362.132.521	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	18	717.184.577.766	649.733.874.195
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		19.896.998.619	19.896.998.619
Nợ phải trả dài hạn	340		13.710.530.574	3.920.377.067
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	19	13.710.530.574	3.920.377.067
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.216.614.082.467	3.285.089.986.670
Vốn chủ sở hữu	410	20	3.216.614.082.467	3.285.089.986.670
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		25.576.883.457	25.576.883.457
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		34.576.883.457	34.576.883.457
Lợi nhuận chưa phân phối	417		517.460.315.553	585.936.219.756
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		494.070.858.854	601.972.312.817
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		23.389.456.699	(16.036.093.061)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		4.035.622.834.109	4.027.461.984.784



Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu



Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Nợ khó đòi đã xử lý	004		56.595.406.780	56.595.406.780
Ngoại tệ các loại	005		147,37	160,57
Cổ phiếu đang lưu hành	006		263.900.000	263.900.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21	21.245.940.000	20.475.280.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			2.580.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22	1.497.088.140.000	1.617.700.530.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		40.000.000	-
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	23	4.349.622.310.000	4.964.500.220.000
<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>3.842.052.240.000</i>	<i>4.278.486.580.000</i>
<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		<i>62.234.600.000</i>	<i>62.634.310.000</i>
<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		<i>410.745.170.000</i>	<i>580.396.320.000</i>
<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	<i>021.4</i>		<i>21.882.520.000</i>	<i>21.881.670.000</i>
<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>12.707.780.000</i>	<i>21.101.340.000</i>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24	27.367.930.000	28.256.880.000
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>		<i>27.352.930.000</i>	<i>28.241.880.000</i>
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>022.2</i>		<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	25	12.010.470.000	20.351.250.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	26	9.700.290.000	53.806.970.000
Tiền gửi của khách hàng	026	27	262.446.537.338	267.792.856.114
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		261.246.406.129	232.488.057.241
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		1.200.131.209	35.304.798.873
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>029.1</i>		<i>135.394.283</i>	<i>28.304.190.006</i>
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>029.2</i>		<i>1.064.736.926</i>	<i>7.000.608.867</i>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	28	262.446.537.338	267.792.856.114



Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu



Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu hoạt động				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		95.908.625.548	97.566.110.934
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>29</i>	<i>1.561.979.711</i>	<i>966.954.608</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>	<i>30</i>	<i>41.965.844.938</i>	<i>15.397.796.626</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>31</i>	<i>52.380.800.899</i>	<i>81.201.359.700</i>
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	31	31.232.877	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	31	33.479.565.248	31.696.100.481
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		30.971.152.381	39.739.987.134
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		7.041.232.132	29.579.130.363
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		943.636.362	3.490.409.081
Thu nhập hoạt động khác	11		2.008.485	175.834.958
Cộng doanh thu hoạt động	20		168.377.453.033	202.247.572.951
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		22.028.912.087	5.554.489.136
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>	<i>29</i>	<i>29.278.770.416</i>	<i>10.445.879.403</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	<i>21.2</i>	<i>30</i>	<i>(7.249.858.329)</i>	<i>(4.891.390.267)</i>
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(1.544.284.257)	1.193.966.583
Chi phí hoạt động tự doanh	26		6.896.902	363.039.081
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	32	101.863.194.627	123.517.012.175
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	32	1.578.870.253	2.794.468.668
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	32	3.990.850.791	5.518.180.865
Cộng chi phí hoạt động	40		127.924.440.403	138.941.156.508
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	33	2.509.626.534	11.765.239.596
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		2.509.626.534	11.765.239.596
Chi phí bán hàng	61	34	10.415.531.278	31.483.377.012
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	35	91.087.590.050	441.639.398.123
Kết quả hoạt động	70		(58.540.482.164)	(398.051.119.096)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác và chi phí khác				
Thu nhập khác	71		182.453.961	5.177.617.823
Chi phí khác	72		322.840.893	1.471.226.996
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(140.386.932)	3.706.390.827
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		(58.680.869.096)	(394.344.728.269)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(107.896.572.363)	(414.633.915.162)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		49.215.703.267	20.289.186.893
Chi phí thuế TNDN	100		9.795.035.107	3.576.363.837
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	36	4.881.600	510.353.506
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	37	9.790.153.507	3.066.010.331
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		(68.475.904.203)	(397.921.092.106)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	38	(259)	(1.508)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		(259)	(1.508)



Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu



Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		(58.680.869.096)	(394.344.728.269)
Điều chỉnh cho các khoản:	02		13.198.412.739	(17.843.159.953)
- Khấu hao TSCĐ	03		14.742.696.996	16.821.618.908
- Các khoản dự phòng	04		(1.544.284.257)	(34.664.778.861)
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		(7.249.858.329)	(4.891.390.267)
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		(7.249.858.329)	(4.891.390.267)
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(41.965.844.938)	(15.397.796.626)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(41.965.844.938)	(15.397.796.626)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	30		26.462.316.933	445.947.237.301
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		144.241.635.326	86.448.205.390
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(194.049.961.489)	148.272.145.855
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		(31.232.877)	213.364.800
(-) Tăng, (+) giảm các phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		106.632.839	420.136.202
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		(15.802.508)	88.803.420
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		9.599.560.292	(1.133.646.013)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(599.331.283)	(1.770.350.647)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(466.944.512)	2.571.209.444
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(510.751.106)	(86.018.003.438)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(655.310.151)	(1.787.118.928)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		742.853.304	(964.987.120)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(633.338.595)	(19.375.226.925)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		800.260.160	(10.225.597.429)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		67.697.336.092	368.337.048.962
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		3.433.415.441	1.579.369.680
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(3.196.704.000)	(40.708.115.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(68.235.842.691)	13.470.162.186
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản kt	61		(216.324.000)	(45.980.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản kt	62		85.681.818	681.818.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(130.642.182)	635.838.181
Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(40.493.000.000)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.		-	(40.493.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	(40.493.000.000)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90		(68.366.484.873)	(26.386.999.633)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		1.940.920.298.451	1.967.307.298.084
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	5	1.872.553.813.578	1.940.920.298.451

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		7.798.244.151.690	10.089.642.349.340
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(6.582.494.096.730)	(6.954.549.557.720)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		8.826.532.555.691	10.138.668.757.344
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(10.045.046.849.624)	(13.460.998.507.276)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(2.582.079.803)	(3.171.104.304)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		6.126.799.415.956	4.596.880.330.080
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(6.126.799.415.956)	(4.596.880.330.080)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		(5.346.318.776)	(190.408.062.616)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		267.792.856.114	458.200.918.730
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		267.792.856.114	458.200.918.730
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kì hạn	32		232.488.057.241	458.071.694.871
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		35.304.798.873	129.223.859
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40		262.446.537.338	267.792.856.114
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41			
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	42		261.246.406.129	232.488.057.241
Trong đó có kỳ hạn:				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		1.200.131.209	35.304.798.873



Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu



Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2023	Tại 01/01/2024	Năm 2023		Năm 2024		Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000	-	-	-	-	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000	-	-	-	-	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	25.576.883.457	25.576.883.457	-	-	-	-	25.576.883.457	25.576.883.457
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	34.576.883.457	34.576.883.457	-	-	-	-	34.576.883.457	34.576.883.457
Lợi nhuận chưa phân phối	983.857.311.862	585.936.219.756	17.223.176.562	415.144.268.668	39.425.549.760	107.901.453.963	585.936.219.756	517.460.315.553
- Lợi nhuận đã thực hiện	1.017.116.581.485	601.972.312.817	-	415.144.268.668		107.901.453.963	601.972.312.817	494.070.858.854
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(33.259.269.623)	(16.036.093.061)	17.223.176.562	-	39.425.549.760		(16.036.093.061)	23.389.456.699
Cộng	3.683.011.078.776	3.285.089.986.670	17.223.176.562	415.144.268.668	39.425.549.760	107.901.453.963	3.285.089.986.670	3.216.614.082.467



Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu



Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102117529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 18/12/2024. Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, và các Giấy phép điều chỉnh do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 2.639.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 222 người (tại ngày 01/01/2024 là 264 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 17, Tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Chi nhánh tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tân Việt	Tầng 17 Tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Ngọc Khánh (*)	Tầng 9, số 01 Phạm Huy Thông, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hải Phòng	Tầng 1 tòa nhà Akashi, số 10 Lê Hồng Phong, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Đà Nẵng	115 Lê Lợi, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn (**)	Số 84 Diên Hồng, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3-4-5, 66 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

(*): Đóng cửa năm 2024 theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty. Tại Quyết định số 145/QĐ-UBCK ngày 05/02/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đóng cửa Chi nhánh Ngọc Khánh của TVSI.

(**): Đóng cửa năm 2024 theo Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐQT ngày 02/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty. Tại Quyết định số 669/QĐ-UBCK ngày 18/06/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đóng cửa Chi nhánh Quy Nhơn của TVSI.

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 47/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, Công ty đã rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh. Ngày 16 tháng 12 năm 2024, Ủy ban chứng khoán Nhà nước ra quyết định số 1397/QĐ-UBCK về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh công ty chứng khoán.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp)

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các Công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chi tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng rủi ro kinh doanh trái phiếu

Trong quá trình kinh doanh trái phiếu, nếu xảy ra sự kiện vi phạm cam kết của Công ty đối với khách hàng, Công ty sẽ căn cứ vào cam kết tại các hợp đồng liên quan và tình hình thực tế trong quá khứ giải quyết các tranh chấp để tính toán giá trị rủi ro cần lập dự phòng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Dự phòng rủi ro kinh doanh trái phiếu (tiếp)

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang bị phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng dẫn đến việc không thực hiện được các Hợp đồng mua trái phiếu đến hạn, cũng như bị gián đoạn quá trình kinh doanh. Công ty cho rằng đây là một trong những sự kiện bất khả kháng đã được quy định trong hợp đồng mua bán Trái phiếu. Đồng thời để giải quyết các tranh chấp (nếu có) đối với các nhà đầu tư có thể sẽ kéo dài Công ty chỉ trích lập dự phòng ở mức độ 89% giá trị tối đa mức phạt vi phạm hợp đồng đã ký kết. Trường hợp tranh chấp được giải quyết bởi các cơ quan có thẩm quyền, Công ty sẽ ghi nhận tổn thất theo giá trị thực tế phát sinh.

Thực tế, trong thời gian qua Công ty đã thực hiện đàm phán và xử lý với các nhà đầu tư về xử lý các tranh chấp tương tự với tổng mệnh giá các trái phiếu khoảng 20.468 tỷ đồng mà không phát sinh chi phí phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường. Do đó, Công ty cho rằng việc trích lập dự phòng nêu trên đã xem xét đến tính thận trọng trong quá trình lập Báo cáo tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc, thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh

Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh được quy định tại Thông tư số 58/2021/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do Bộ Tài chính ban hành, theo đó:

Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm Lưu ký chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán. Tỷ lệ đóng góp vào quỹ bù trừ bằng tiền thực hiện theo quy chế của Trung tâm Lưu ký chứng khoán sau khi được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trước khi phát sinh.

Doanh thu

- ***Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:***

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

- ***Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:***

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Doanh thu (tiếp)

Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

- ***Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:***

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

- ***Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:***

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

- ***Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:***

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

Thu nhập hoạt động khác:

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Thuế (tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Toàn bộ các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.856.024.021.862	1.939.869.388.153
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.529.791.716	1.050.910.298
Tương đương tiền	15.000.000.000	-
Cộng	1.872.553.813.578	1.940.920.298.451

Từ năm 2022, số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng không giao dịch được. Tại ngày 31/12/2024, số dư tiền gửi của Công ty tại SCB là khoảng 1.625,2 tỷ đồng bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán khoảng 888,6 tỷ đồng và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng khoảng 736,6 tỷ đồng. Công ty đã gửi các văn bản đến các Cơ quan chức năng liên quan và SCB đề nghị khôi phục lại giao dịch các tài khoản của Công ty mở tại SCB để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của Công ty và nhà đầu tư. Tuy nhiên, Công ty chưa nhận được phản hồi từ các cơ quan chức năng và SCB.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
Năm 2024	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	7.879.433	661.353.374.413
- Cổ phiếu	1.151.209	35.751.080.000
- Trái phiếu	6.728.224	625.602.294.413
- Chứng chỉ quỹ	-	-
Của nhà đầu tư	845.650.256	24.164.447.643.839
- Cổ phiếu	782.286.620	18.040.793.105.490
- Trái phiếu	63.363.636	6.123.654.538.349
Cộng	853.529.689	24.825.801.018.252

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
Năm 2023	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	10.796.201	823.488.356.319
- Cổ phiếu	497.677	9.112.828.070
- Trái phiếu	7.798.524	791.329.784.749
- Chứng chỉ quỹ	2.500.000	23.045.743.500
Của nhà đầu tư	1.379.162.481	26.312.208.201.085
- Cổ phiếu	1.330.312.267	21.510.358.764.670
- Trái phiếu	48.850.214	4.801.849.436.415
Cộng	1.389.958.682	27.135.696.557.404

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản FVTPL	1.696.965.848.594	1.734.065.835.867	1.841.207.483.920	1.829.091.767.926
Cổ phiếu	176.204.733.155	231.457.320.428	172.468.098.574	178.504.982.580
+ Cổ phiếu niêm yết	72.047.315.935	137.759.982.700	62.714.314.478	87.373.120.574
+ Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	104.157.417.220	93.697.337.728	109.753.784.096	91.131.862.006
Trái phiếu	1.491.389.329.598	1.473.236.729.598	1.639.367.599.505	1.621.214.999.505
+ Trái phiếu chưa niêm yết (**)	1.491.389.329.598	1.473.236.729.598	1.639.367.599.505	1.621.214.999.505
Chứng chỉ tiền gửi (***)	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
Cộng	1.696.965.848.594	1.734.065.835.867	1.841.207.483.920	1.829.091.767.926

(*) Bao gồm: 10% phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt tại Công ty TNHH bảo hiểm FWD Việt Nam với giá trị ghi sổ là 101.728.727.975 đồng bị kê biên để đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn cho vụ án (Theo Bản án hình sự sơ thẩm giai đoạn 2 Vụ án Vạn Thịnh Phát số 504 ngày 17/10/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 28/10/2024, Công ty đã gửi đơn kháng cáo phần xử lý vật chứng và tài sản thu giữ, kê biên, phong tỏa đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm lập báo cáo này, Vụ án chưa được xét xử phúc thẩm.

(**) Đến thời điểm lập báo cáo này trong số trái phiếu Công ty nắm giữ bao gồm các khoản trái phiếu quá hạn thanh toán lãi với giá trị gốc trái phiếu khoảng 1.090 tỷ đồng. Các trái phiếu này đều có tài sản đảm bảo và Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi nên chưa trích lập dự phòng đối với các trái phiếu này.

(***) Khoản chứng chỉ tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) không giao dịch được (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 5).

7.
TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL) (TIẾP)

Bảng tình hình biến động giá thị trường của tài sản tài chính

STT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024					Tại 01/01/2024				
		Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I	Tài sản FVTPL	1.696.965.848.594	1.734.065.835.867	73.150.582.655	36.050.595.382	1.734.065.835.867	1.841.207.483.920	1.829.091.767.926	31.184.737.717	43.300.453.711	1.829.091.767.926
	+ Cổ phiếu	176.204.733.155	231.457.320.428	73.150.582.655	17.897.995.382	231.457.320.428	172.468.098.574	178.504.982.580	31.184.737.717	25.147.853.711	178.504.982.580
	+ Chứng chỉ tiền gửi	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-	29.371.785.841
	+ Trái phiếu chưa niêm yết	1.491.389.329.598	1.473.236.729.598	-	18.152.600.000	1.473.236.729.598	1.639.367.599.505	1.621.214.999.505	-	18.152.600.000	1.621.214.999.505
II	Các khoản cho vay và phải	408.445.226.758	391.650.755.007	-	16.794.471.751	391.650.755.007	214.395.265.269	195.126.509.261	-	19.268.756.008	195.126.509.261
	+ Cho vay hoạt động Margin	394.384.596.026	377.590.124.275	-	16.794.471.751	377.590.124.275	203.598.453.000	184.329.696.992	-	19.268.756.008	184.329.696.992
	+ Cho vay hoạt động ứng	14.060.626.615	14.060.626.615	-	-	14.060.626.615	10.796.808.152	10.796.808.152	-	-	10.796.808.152
	trước tiền bán										
	+ Cho vay quyền mua CK	4.117	4.117	-	-	4.117	4.117	4.117	-	-	4.117
	Cộng	2.105.411.075.352	2.125.716.590.874	73.150.582.655	52.845.067.133	2.125.716.590.874	2.055.602.749.189	2.024.218.277.187	31.184.737.717	62.569.209.719	2.024.218.277.187

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin)	394.384.596.026	377.590.124.275	203.598.453.000	184.329.696.992
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	14.060.626.615	14.060.626.615	10.796.808.152	10.796.808.152
+ Cho vay quyền mua chứng khoán	4.117	4.117	4.117	4.117
Cộng	408.445.226.758	391.650.755.007	214.395.265.269	195.126.509.261

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay hoạt động margin tại ngày 31/12/2024 là 16.794.471.751 VND (tại ngày 01/01/2024 là 19.268.756.008 VND).

(i): Hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư:

Đây là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25/01/2017. Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty tính làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31/12/2024 là 889.919.632.656 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 674.817.249.466 đồng).

(ii): Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán:

Đây là số tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày giao dịch (“ứng tiền ngày T”) và ngày T+1, hoặc theo quy định tại phụ lục hợp đồng trái phiếu. Các khoản ứng trước này sẽ được hoàn trả vào ngày T+2 và thực hiện theo điều khoản của hợp đồng.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	89.453.877	58.221.000
Dự thu cổ tức - Cổ phiếu phổ thông	58.221.000	58.221.000
Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	31.232.877	-
Trả trước cho người bán	2.390.473.923	1.893.854.830
Trả trước cho người bán khác	2.390.473.923	1.893.854.830
<i>Trong đó, phải thu khó đòi</i>	<i>929.620.330</i>	<i>929.620.330</i>
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3.291.505.151	3.398.137.990
Phải thu hoạt động đại lý phát hành chứng khoán	3.100.000.000	3.100.000.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	55.242.379	82.375.218
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	91.262.772	215.762.772
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	45.000.000	-
<i>Trong đó, phải thu khó đòi</i>	<i>3.191.262.772</i>	<i>3.191.262.772</i>
Phải thu khác	31.361.114.780	31.345.312.272
Ông Nguyễn Minh Dương	31.311.725.445	31.311.725.445
Các khoản phải thu khác	49.389.335	33.586.827
<i>Trong đó, nợ phải thu khó đòi</i>	<i>31.314.494.168</i>	<i>31.314.494.168</i>
Cộng	37.132.547.731	36.695.526.092

10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm 2024			
		Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND	VND	VND	VND
1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3.191.262.772	930.000.000	-	3.191.262.772	2.261.262.772
Công ty CP Du lịch và Đầu tư Xây dựng Châu Á	3.100.000.000	930.000.000	-	3.100.000.000	2.170.000.000
Công ty CP KhanhCasa Concep	55.000.000	-	-	55.000.000	55.000.000
Các đối tượng khác	36.262.772	-	-	36.262.772	36.262.772
2. Dự phòng các khoản ứng trước cho người bán	929.620.330	-	-	929.620.330	929.620.330
Công ty TNHH Freewill Solutions Việt Nam	885.064.050	-	-	885.064.050	885.064.050
Công ty TNHH Quảng Cáo Đức Hùng	34.160.280	-	-	34.160.280	34.160.280
Golden Phoenix Media JSC	5.000.000	-	-	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Minh Minh	5.396.000	-	-	5.396.000	5.396.000
3. Dự phòng các khoản phải thu khác	31.314.494.168	-	-	31.314.494.168	31.314.494.168
Ông Nguyễn Minh Dương	31.311.725.445	-	-	31.311.725.445	31.311.725.445
Đối tượng khác	2.768.723	-	-	2.768.723	2.768.723
Cộng	35.435.377.270	930.000.000	-	35.435.377.270	34.505.377.270

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.268.493.343	3.927.733.086
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	34.029.161	70.424.192
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	1.244.956.261	494.494.133
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.989.507.921	3.362.814.761
Chi phí trả trước dài hạn	266.535.045	140.350.790
Chi phí trả trước dài hạn khác	266.535.045	140.350.790
Cộng	4.535.028.388	4.068.083.876

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2024	27.998.146.912	27.998.146.912
Tại 31/12/2024	27.998.146.912	27.998.146.912
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại 01/01/2024	22.649.423.817	22.649.423.817
Khấu hao trong năm	3.426.788.012	3.426.788.012
Tại 31/12/2024	26.076.211.829	26.076.211.829
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	5.348.723.095	5.348.723.095
Tại 31/12/2024	1.921.935.083	1.921.935.083

Tại ngày 31/12/2024, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 19.834.350.962 VND (tại ngày 01/01/2024 là 17.151.406.199 VND)

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	13.798.702.399	13.798.702.399
Tiền lãi phân bổ hàng năm	7.303.927.357	7.973.485.543
Cộng	21.227.119.000	21.896.677.186

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2024	52.619.847.277	1.815.342.400	138.639.404	44.677.500	54.618.506.581
Mua trong năm	216.324.000	-	-	-	216.324.000
Thanh lý, nhượng bán	(583.703.490)	-	(45.500.000)	-	(629.203.490)
Tại 31/12/2024	52.252.467.787	1.815.342.400	93.139.404	44.677.500	54.205.627.091
HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại 01/01/2024	37.830.948.175	1.438.626.459	98.194.964	44.677.500	39.412.447.098
Khấu hao trong năm	11.023.417.891	276.060.536	16.430.557	-	11.315.908.984
Thanh lý, nhượng bán	(443.464.506)	-	(26.541.669)	-	(470.006.175)
Tại 31/12/2024	48.410.901.560	1.714.686.995	88.083.852	44.677.500	50.258.349.907
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	14.788.899.102	376.715.941	40.444.440	-	15.206.059.483
Tại 31/12/2024	3.841.566.227	100.655.405	5.055.552	-	3.947.277.184

Tại ngày 31/12/2024, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 34.180.957.491VND (tại ngày 01/01/2024 là 19.622.301.646 VND).

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	266.176.411	273.710.267
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	396.915.544	998.850.526
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	32.828.128.530	33.028.276.673
Cộng	33.491.220.485	34.300.837.466

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại 31/12/2024 VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	38.126.789	110.373.997	129.414.996	19.085.790
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	505.869.506	732.018.339	510.751.106	727.136.739
- Thuế thu nhập cá nhân	5.222.720.053	94.041.518.364	95.391.645.274	3.872.593.143
- Các loại thuế khác	-	11.859.241	3.166.666	8.692.575
Cộng	5.766.716.348	94.895.769.941	96.034.978.042	4.627.508.247

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Hoa hồng hợp tác phải trả SCB	14.693.833.732	14.693.833.732
Chi phí phải trả khác	939.152.480	1.538.483.763
Cộng	15.632.986.212	16.232.317.495

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.070.275.087	3.869.644.340
Dự phòng phải trả các hợp đồng mua lại trái phiếu	710.998.047.900	642.515.620.000
Phải trả khác	2.116.254.779	3.348.609.855
Cộng	717.184.577.766	649.733.874.195

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	13.710.530.574	3.920.377.067
Cộng	13.710.530.574	3.920.377.067

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động vốn Chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	983.857.311.862	3.683.011.078.776
- Lỗ trong năm	-	-	-	(397.921.092.106)	(397.921.092.106)
31/12/2023	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	585.936.219.756	3.285.089.986.670
01/01/2024	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	585.936.219.756	3.285.089.986.670
- Lỗ trong năm	-	-	-	(68.475.904.203)	(68.475.904.203)
31/12/2024	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	517.460.315.553	3.216.614.082.467

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Chi tiết về vốn chủ sở hữu

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Công ty CP Future Horizon (*)	252.125.000.000	252.125.000.000
Công ty CP Lumiform (*)	251.910.000.000	251.910.000.000
Công ty CP Minerva (*)	251.700.000.000	251.700.000.000
Công ty CP Minerva Heritage (*)	251.100.000.000	251.100.000.000
Ông Hồ Vĩnh Ni (*)	250.879.110.000	250.879.110.000
Bà Lâm Thị Hoà (*)	250.750.000.000	250.750.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Hạnh (*)	249.045.910.000	249.045.910.000
Bà Lâm Thị Thanh Tâm (*)	245.932.390.000	245.932.390.000
Bà Phan Thị Thanh Lan (*)	222.220.890.000	222.220.890.000
Ông Vương Quang Huy (*)	190.182.500.000	190.182.500.000
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	65.652.590.000	65.652.590.000
Ông Nguyễn Tiến Thành	87.355.500.000	87.355.500.000
Các cổ đông khác	70.146.110.000	70.146.110.000
	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000

(*) Các cổ phiếu đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn cho vụ án (Theo Bản án hình sự sơ thẩm giai đoạn 2 Vụ án Vạn Thịnh Phát số 504 ngày 17/10/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) là toàn bộ số lượng cổ phần đứng tên với tổng số lượng cổ phiếu là 241.584.580 cổ phiếu.:

Ngày 28/10/2024, Công ty đã gửi đơn kháng cáo phần xử lý vật chứng và tài sản thu giữ, kê biên, phong tỏa đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm lập báo cáo này, Vụ án chưa được xét xử phúc thẩm.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Tại 31/12/2024 Cổ phiếu	Tại 01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	263.900.000	263.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	21.245.940.000	20.475.280.000
Cộng	21.245.940.000	20.475.280.000

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	1.497.088.140.000	1.617.700.530.000
Cộng	1.497.088.140.000	1.617.700.530.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.842.052.240.000	4.278.486.580.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	62.234.600.000	62.634.310.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	410.745.170.000	580.396.320.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	21.882.520.000	21.881.670.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	12.707.780.000	21.101.340.000
Cộng	4.349.622.310.000	4.964.500.220.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	27.352.930.000	28.241.880.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	15.000.000	15.000.000
Cộng	27.367.930.000	28.256.880.000

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	12.010.470.000	20.351.250.000
Cộng	12.010.470.000	20.351.250.000

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	9.700.290.000	53.806.970.000
Cộng	9.700.290.000	53.806.970.000

27. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	261.246.406.129	232.488.057.241
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.200.131.209	35.304.798.873
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	135.394.283	28.304.190.006
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	1.064.736.926	7.000.608.867
Cộng	262.446.537.338	267.792.856.114

28. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	262.446.537.338	267.792.856.114
Cộng	262.446.537.338	267.792.856.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***29. LÃI (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm 2024	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm 2023
	CK	VND	VND	VND	VND
Lãi bán					
Cổ phiếu niêm yết	199.000	12.860.120.000	12.452.635.419	407.484.581	760.323.067
Cổ phiếu chưa niêm yết	240.000	2.709.540.000	1.706.720.000	1.002.820.000	
Giấy tờ có giá	-	-	-	-	140.914.000
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	1.194.620	120.111.497.195	119.959.822.065	151.675.130	65.717.541
Cộng	1.633.620	135.681.157.195	134.119.177.484	1.561.979.711	966.954.608
Lỗ bán					
Cổ phiếu niêm yết	91.000	1.142.050.000	1.143.380.000	(1.330.000)	(631.098.821)
Giấy tờ có giá	-	-	-	-	(2.095.170.500)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	2.772.574	252.115.902.322	281.393.342.738	(29.277.440.416)	(7.719.610.082)
Cộng	2.863.574	253.257.952.322	282.536.722.738	(29.278.770.416)	(10.445.879.403)

Lãi/lỗ đã thực hiện từ hoạt động tự doanh các tài sản tài chính FVTPL bao gồm 2 phần chính là:

Nội dung	Lợi nhuận	
	Năm 2024	Năm 2023
Cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL (bao gồm cổ tức, trái tức và lãi chứng chỉ tiền gửi từ việc nắm giữ các tài sản tài chính này)	52.380.800.899	81.201.359.700
Lãi/lỗ thuần từ bán tài sản tài chính FVTPL	(27.716.790.705)	(9.478.924.795)
Tổng Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh TSTC FVTPL	24.664.010.194	71.722.434.905

30. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong năm VND	Chênh lệch giảm đánh giá lại trong VND
I	Cổ phiếu	176.204.733.155	231.457.320.428	41.965.844.938	(7.249.858.329)
1	Cổ phiếu niêm yết	72.047.315.935	137.759.982.700	40.788.924.938	(264.935.731)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	104.157.417.220	93.697.337.728	1.176.920.000	(6.984.922.598)
II	Trái phiếu	1.491.389.329.598	1.491.389.329.598	-	-
1	Trái phiếu chưa niêm yết	1.491.389.329.598	1.491.389.329.598	-	-
III	Chứng chỉ tiền gửi	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-
	Cộng	1.696.965.848.594	1.752.218.435.867	41.965.844.938	(7.249.858.329)

31. CỎ TỬC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	3.072.097.700	2.349.646.100
Từ tài sản tài chính FVTPL (tiền lãi trái phiếu)	49.308.703.199	78.851.713.600
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	31.232.877	-
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	33.479.565.248	31.696.100.481
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-
Cộng	85.891.599.024	112.897.460.181

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	101.863.194.627	123.517.012.175
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.578.870.253	2.794.468.668
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	3.990.850.791	5.518.180.865
Chi phí dịch vụ khác	-	-
Cộng	107.432.915.671	131.829.661.708

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	2.509.626.534	11.765.239.596
Cộng	2.509.626.534	11.765.239.596

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí bán hàng (*)	10.415.531.278	31.483.377.012
Cộng	10.415.531.278	31.483.377.012

(*): Là các chi phí hoa hồng môi giới và chi phí phát triển thị trường.

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	14.322.937.663	(17.375.437.809)
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	921.511.030	1.130.158.130
Chi phí vật tư văn phòng	60.425.086	224.085.885
Chi phí khấu hao TSCĐ	151.918.336	167.944.473
Chi phí thuế, phí và lệ phí	109.348.429	328.346.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.967.570.240	8.880.926.152
Dự phòng phải trả hợp đồng trái phiếu	68.482.427.900	447.413.140.000
Chi phí bằng tiền khác	1.071.451.366	870.234.912
Cộng	91.087.590.050	441.639.398.123

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(58.680.869.096)	(394.344.728.269)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	14.954.383.580	396.896.495.796
- Các khoản điều chỉnh tăng	68.648.374.978	448.443.313.742
Thù lao HĐQT không chuyên trách	144.000.000	144.000.000
Chi phí dự phòng các hợp đồng mua lại trái phiếu	68.482.427.900	447.413.140.000
Chi phí không được trừ	21.947.078	886.173.742
- Các khoản điều chỉnh giảm	(53.693.991.398)	(51.546.817.946)
Lợi nhuận chưa thực hiện trước thuế	(49.215.703.267)	(20.289.186.893)
Cổ tức nhận được	(3.072.097.700)	(2.349.646.100)
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	264.935.731	4.959.135.338
Chi phí dự phòng	(1.671.126.162)	(33.867.120.291)
Tổng thu nhập chịu thuế	(43.726.485.516)	2.551.767.527
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Truy thu thuế TNDN năm 2022	4.881.600	-
Thuế TNDN phải nộp trong năm	4.881.600	510.353.506
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.881.600	510.353.506

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	9.790.153.507	3.066.010.331
Cộng	9.790.153.507	3.066.010.331

38. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(68.395.704.203)	(397.921.092.106)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	263.900.000	263.900.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(259)	(1.508)

39. CÁC CAM KẾT, KINH DOANH TRÁI PHIẾU

Thuê hoạt động là các khoản thuê Văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2024 là 10.921.458.446 VND (năm trước là 14.659.106.822 VND).

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động thanh toán như sau:

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 31/12/2023 VND
Trong vòng 1 năm	11.140.839.750	8.046.432.152
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	28.789.328.750	28.418.492.010
Cộng	39.930.168.500	36.464.924.162

Hoạt động mua lại Trái phiếu: Công ty có thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ("Trái phiếu") từ các tổ chức phát hành và các nhà đầu tư sau đó mua đi bán lại. Sau đó, Công ty đã ký hợp đồng mua lại một số Trái phiếu đã bán với các nhà đầu tư theo một mức giá xác định vào một ngày xác định trong tương lai. Khi bán và mua lại Trái phiếu với nhà đầu tư, Công ty đang ghi nhận như hoạt động tự doanh. Tổng mệnh giá các Trái phiếu Công ty đã ký Hợp đồng mua lại đến ngày 31/12/2024 là trên 10.002 tỷ đồng (tại 01/01/2024 là khoảng trên 16.491 tỷ đồng trong đó số đã đến hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 mà chưa thanh toán được khoảng hơn 10.002 tỷ đồng, số đã đến hạn thanh toán tại ngày 01/01/2024 là 16.062 tỷ đồng). Đến thời điểm lập báo cáo này, tổng mệnh giá trái phiếu Công ty đã ký hợp đồng mua lại còn khoảng 9.580 tỷ đồng (trong đó số đã đến hạn thanh toán mà chưa thanh toán được khoảng 9.580 tỷ đồng). Tuy nhiên, hiện nay, Công ty không thực hiện được việc thanh toán cho Bên chuyển nhượng và gửi thông báo đến các Bên chuyển nhượng là sẽ không thực hiện giao dịch này. Đồng thời, Công ty đang thực hiện đàm phán lại với các Bên chuyển nhượng về việc hủy hợp đồng mua lại hoặc gia hạn thời gian mua lại Trái phiếu tương ứng với thời gian đáo hạn Trái phiếu của Tổ chức phát hành. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán này chưa đạt được kết quả cụ thể. Công ty không ghi nhận các khoản trái phiếu nêu trên vào báo cáo tài chính này. Do đó, các nhà đầu tư vẫn đang duy trì các quyền sở hữu và quyền định đoạt của trái chủ đối với số trái phiếu này.

40. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được. Do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

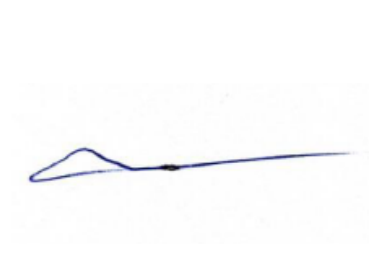
41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	3.676.830.237	6.555.214.220
Thù lao Hội đồng Quản trị	408.000.000	456.000.000
Cộng	4.084.830.237	7.011.214.220

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Minh Tiến
Người lập biểu



Phí Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH

Trụ sở chính Tầng 17, tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, P. Phương Mai,
Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3728 0921 | Fax: (024) 3728 0920

CN. Hải Phòng Tầng 1, tòa nhà Akashi, số 10 Lê Hồng Phong, TP. Hải Phòng

Điện thoại: (022) 5375 7559 | Fax: (022) 5375 7560

CN. Đà Nẵng Số 115 Lê Lợi, Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (023) 6375 2282 | Fax: (023) 6375 2283

CN. Hồ Chí Minh Tầng 3-4, số 66 Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3838 6868 | Fax: (028) 3920 7542

Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: 1900 1885

Hotline: 096 600 1885

Website: www.tvsi.com.vn

Email: contact@tvsi.com.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/tvsi.com.vn>

Zalo Official: <https://bit.ly/TVSIZaloOfficial>

Youtube: <https://bit.ly/TVSIYoutubeOfficial>
